

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ

Số: 294/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 25 tháng 01 năm 2017.

### QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố, công khai số liệu dự toán ngân sách tỉnh Phú Thọ năm 2017

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Thọ về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017;

Theo đề nghị của Sở Tài chính,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố, công khai số liệu dự toán ngân sách tỉnh Phú Thọ năm 2017, chi tiết tại các biểu đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Công báo (2b);
- Website Chính phủ;
- CPVP, NCTH;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 01.

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 25/04/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

S T T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2016	Ước thực hiện năm 2016 <sup>(1)</sup>	Dự toán năm 2017
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>3.941.050</b>	<b>4.396.000</b>	<b>4.896.000</b>
1	Thu nội địa	3.700.050	4.173.000	4.686.000
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	220.000	202.000	210.000
3	Thu phản ánh qua NSNN (từ nguồn thu xổ số)	21.000	21.000	
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>9.708.842</b>	<b>11.475.100</b>	<b>10.543.766</b>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	3.646.920	4.130.000	4.024.900
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	3.646.920	4.130.000	931.000
	- Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ (%)			3.093.900
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	5.737.878	6.107.000	6.518.866
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSDP	2.514.823	2.514.823	4.973.822
	- Thu từ nguồn bổ sung có MT từ NSTW	2.142.180	3.592.177	1.545.044
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	1.080.875		-
3	Thu kết dư ngân sách năm 2014		9.100	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương và các nhiệm vụ còn lại theo chế độ quy	24.044	1.229.000	-
5	Dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300.000		-
<b>C</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>9.708.842</b>	<b>11.475.100</b>	<b>10.543.766</b>
1	Chi đầu tư phát triển (Bao gồm cả chi hỗ trợ doanh	786.200	897.200	536.930
2	Chi thường xuyên <sup>(2)</sup>	6.923.854	7.922.853	7.954.238
3	Chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước	300.000	-	-
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	1.200
5	Chi dự phòng ngân sách	140.960	-	179.970
6	Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn do HĐND tỉnh giao thu tăng so với dự toán Trung ương giao	1.525	1.525	-
7	Chi kết dư, chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016	-	1.331.322	-
8	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.555.103	1.321.000	1.529.538
9	Bội thu ngân sách địa phương			341.890

**Ghi chú:**

(1): Không bao gồm các khoản thu, chi được để lại quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản thu, chi phản ánh qua ngân sách theo quy định).

(2): Dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 đã bao gồm nguồn 10% tiết kiệm và 35-40% thu để lại thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 02.

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2016	ƯỚC THỰC HIỆN 2016 (*)	DỰ TOÁN NĂM 2017
	<b>TỔNG CÁC KHOẢN THU TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>3.941.050</b>	<b>4.396.000</b>	<b>4.896.000</b>
<b>I</b>	<b>Tổng các khoản thu cân đối NSNN</b>	<b>3.721.050</b>	<b>4.194.000</b>	<b>4.686.000</b>
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	540.000	430.000	519.200
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	520.000	570.000	489.700
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	120.000	170.000	209.300
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	1.200.000	1.200.000	1.407.000
5	Lệ phí trước bạ	205.000	225.000	290.000
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000	3.500	3.000
7	Thuế thu nhập cá nhân	130.000	140.000	180.000
8	Thuế bảo vệ môi trường	427.000	730.000	920.000
9	Thu phí và lệ phí	75.000	77.000	110.000
10	Tiền sử dụng đất	300.000	400.000	300.000
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	60.000	70.000	85.000
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	13.000	17.500	20.000
13	Các khoản thu tại xã	17.400	20.000	21.000
14	Thu khác ngân sách	86.650	120.000	110.800
15	Thu xổ số kiến thiết	21.000	21.000	21.000
<b>II</b>	<b>Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế VAT hàng nhập khẩu do Hải quan thu</b>	<b>220.000</b>	<b>202.000</b>	<b>210.000</b>
	<b>CÂN ĐỐI NSDP</b>			
<b>A</b>	<b>Tổng các khoản thu cân đối NSDP</b>	<b>9.708.842</b>	<b>11.475.100</b>	<b>10.543.766</b>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	3.646.920	4.130.000	4.024.900
	- Các khoản thu 100%	3.646.920	4.130.000	931.000
	- Thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%)			3.093.900
2	Thu bổ sung từ NSTW	5.737.878	6.107.000	6.518.866
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSDP	2.514.823	2.514.823	4.973.822
	- Thu từ nguồn bổ sung có MT từ NSTW	2.142.180	3.592.177	1.545.044
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	1.080.875		
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương và các nhiệm vụ còn lại theo chế độ quy định	24.044	1.229.000	
4	Thu kết dư ngân sách năm 2015		9.100	
5	Dự kiến thu huy động đầu tư xây dựng CSHT theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300.000		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2016	ƯỚC THỰC HIỆN 2016 <sup>(*)</sup>	DỰ TOÁN NĂM 2017
B	Tổng chi ngân sách địa phương	-	-	10.543.766
C	Bội thu ngân sách địa phương			341.890

*Ghi chú:*

(\*): Không bao gồm các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản thu phản ánh qua ngân sách theo quy định).

Tỉnh Phú Thọ.

Phụ biểu số 03.

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

S T T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2017
<b>A</b>	<b>Ngân sách cấp tỉnh</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>9.309.916</b>
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	2.791.050
-	Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%	1.744.500
-	Các khoản thu phân chia phần ngân sách tỉnh hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.046.550
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	6.518.866
-	Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSDP	4.973.822
-	Thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	1.545.044
-	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	-
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>9.309.916</b>
1	Chi cân đối ngân sách cấp tỉnh	3.656.077
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.529.538
3	Bội thu ngân sách địa phương	341.890
4	Chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện	3.782.411
<b>B</b>	<b>Ngân sách huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (bao gồm NS cấp huyện và NS xã, phường, thị trấn)</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách huyện (bao gồm cả NS xã, phường, thị trấn)</b>	<b>5.016.261</b>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	1.233.850
-	Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	478.960
-	Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	754.890
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	3.782.411
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.782.411
-	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định	-
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách huyện (bao gồm NS cấp huyện và NS xã, phường, thị trấn)</b>	<b>5.016.261</b>

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017**  
(Kèm theo Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2016	Ước TH năm 2016 <sup>(1)</sup>	Dự toán năm 2017
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>9.729.842</b>	<b>11.475.100</b>	<b>10.543.766</b>
<b>A</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>8.153.739</b>	<b>8.801.778</b>	<b>8.672.338</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>786.200</b>	<b>876.200</b>	<b>536.930</b>
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	514.200	514.200	588.820
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	270.000	360.000	290.000
3	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ	2.000	2.000	-
4	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương			(341.890)
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>6.923.854</b>	<b>7.922.853</b>	<b>7.954.238</b>
1	Chi sự nghiệp kinh tế	1.030.203	1.398.125	1.115.009
2	Chi sự nghiệp văn xã	4.167.168	4.669.106	5.069.270
	- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	2.903.612	3.088.881	3.631.079
	+ Chi sự nghiệp giáo dục	2.655.374	2.820.615	3.315.694
	+ Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	248.238	268.266	315.385
	- Chi sự nghiệp y tế	699.502	813.243	757.257
	- Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	28.360	28.363	31.630
	- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	132.285	143.557	163.767
	- Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	31.343	31.347	37.285
	- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	26.624	26.627	28.209
	- Chi đảm bảo xã hội	345.442	537.088	420.043
3	Chi Quản lý hành chính	1.536.167	1.663.713	1.631.320
4	Chi an ninh - quốc phòng địa phương	123.290	124.876	110.553
5	Chi khác ngân sách	18.405	18.407	20.086
6	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	48.621	48.626	8.000
	- Kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ: BHXH cho cán bộ không chuyên trách cấp xã; hỗ trợ người có thu nhập thấp; kinh phí tăng biên chế, BHYT các đối tượng CCB, TNXP, quân nhân, ...)	40.621		-
	- Các nhiệm vụ dự kiến phát sinh khác	8.000		8.000
<b>III</b>	<b>Chi dự phòng ngân sách</b>	<b>140.960</b>		<b>179.970</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.200</b>	<b>1.200</b>	<b>1.200</b>
<b>V</b>	<b>Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu do HĐND tỉnh giao tăng so với dự toán Trung ương giao</b>	<b>1.525</b>	<b>1.525</b>	<b>-</b>
<b>VI</b>	<b>Chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN</b>	<b>300.000</b>		<b>-</b>
<b>B</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu NSTW cho NSDP</b>	<b>1.555.103</b>	<b>1.321.000</b>	<b>1.529.538</b>
<b>C</b>	<b>Các khoản chi được quản lý qua NSNN</b>	<b>21.000</b>	<b>21.000</b>	<b>-</b>
	- Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	21.000	21.000	
<b>D</b>	<b>Chi từ nguồn kết dư và chuyển nguồn năm 2015 sang 2016</b>		<b>1.331.322</b>	
<b>E</b>	<b>Bội thu ngân sách địa phương</b>			<b>341.890</b>

Ghi chú:

(1): Không bao gồm các khoản chi được để lại chi và quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản chi phản ánh qua

Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 05.

**TỔNG HỢP ĐƠN TOÁN THU CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ NĂM 2017**  
(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Tổng tỉnh	Việt Tri	Phú Thọ	Phù Ninh	Lâm Thao	Tam Nông	Thanh Thủy	Đoan Hùng	Thanh Ba	Hạ Hoà	Cẩm Khê	Yên Lập	Thanh Sơn	Tân Sơn
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	1.581.600	514.300	108.700	111.030	114.420	61.800	82.065	126.010	78.045	71.710	49.120	62.500	88.800	23.600
1	Thu từ các doanh nghiệp Trung ương	6.700	500	500	1.000			500	200	3.500				500	
2	Thu từ các doanh nghiệp địa phương và doanh nghiệp cổ phần hoá có vốn nhà nước	4.000	1.500	300	100	100				2.000					
3	Thu từ khu vực CTN ngoài QĐ	667.000	225.000	36.500	46.500	45.000	24.000	45.000	79.000	28.500	39.500	13.400	32.000	44.200	8.400
-	Thu từ các DN ngoài QĐ	619.900	206.500	33.000	42.500	42.500	22.500	43.000	75.000	26.500	36.500	11.400	30.400	42.200	7.900
-	Thu từ các hộ KD cá thể	47.100	18.500	3.500	4.000	2.500	1.500	2.000	4.000	2.000	3.000	2.000	1.600	2.000	500
4	Thuế thu nhập cá nhân	66.500	30.000	5.000	5.000	4.300	2.250	2.250	3.600	3.000	3.000	2.300	1.800	2.700	1.300
5	Thu tiền sử dụng đất	293.000	129.000	30.000	13.000	24.000	15.000	15.000	11.000	11.000	8.000	12.000	10.000	10.000	5.000
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000	2.100	200	230	320	50	15	10	45	10	20	-	-	-
-	Khu vực DNTƯ, DNDP, DNĐTNN	842	400	30	190	210	5		7						
-	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	1.294	1.000	100	30	60	35	10	3	35	6	15			
-	Hộ gia đình, cá nhân	864	700	70	10	50	10	5		10	4	5			
7	Tiền thuê đất	85.000	52.000	2.000	12.500	10.500	1.300	600	1.600	2.100	300	800	400	600	300
-	Khu vực DNTƯ, DNDP, DNĐTNN	51.000	28.000	600	11.500	8.300	200	100	500	1.600	-		50	150	-
-	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	33.950	24.000	1.400	1.000	2.200	1.100	500	1.100	500	250	800	350	450	300
-	Hộ gia đình, cá nhân	50	-	-	-	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-
8	Lệ phí trước bạ	290.000	134.700	19.300	23.000	16.500	8.700	8.700	19.300	13.600	11.300	10.000	8.900	11.900	4.100
9	Thu phí và lệ phí	80.400	18.000	5.500	4.500	5.200	4.500	5.000	4.500	10.500	4.600	4.500	5.600	6.500	1.500
-	Phí bảo vệ MT khai thác khoáng sản	39.480	4.000	2.500	2.000	2.000	1.800	3.780	1.500	9.000	2.000	1.500	4.200	4.200	1.000
-	Phí, lệ phí còn lại (đã bao gồm lệ phí môn bài) (*)	40.920	14.000	3.000	2.500	3.200	2.700	1.220	3.000	1.500	2.600	3.000	1.400	2.300	500
10	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản và thu khác tại xã	21.000	2.500	700	1.500	3.000	2.700	2.300	1.500	1.000	1.900	2.300	1.000	400	200
11	Thu khác ngân sách	64.000	19.000	5.200	3.700	5.500	3.300	2.700	5.300	2.800	3.100	3.800	2.800	4.000	2.800
-	Thu xử phạt VPHC trong lĩnh vực giao thông đo lực lượng thuộc cơ quan Trung ương thu	46.000	15.000	4.500	2.500	3.000	2.300	1.700	3.500	1.800	2.300	2.300	2.300	2.800	2.000
-	Thu khác còn lại (đã bao gồm thu xử phạt VPHC trong lĩnh vực giao thông đo lực lượng thuộc địa phương thu)	18.000	4.000	700	1.200	2.500	1.000	1.000	1.800	1.000	800	1.500	500	1.200	800
<b>B</b>	<b>THU ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH, THỊ ĐƯỢC HƯỞNG (Đã bao gồm ngân sách cấp xã)</b>	1.233.850	580.050	65.050	78.155	81.370	42.858	52.534	82.752	50.688	48.182	37.213	44.775	54.425	15.800
1	Thu điều tiết từ các khoản thu trên địa bàn:	990.550	364.350	65.050	69.275	72.130	42.618	52.534	80.152	50.528	48.182	36.813	40.935	52.185	15.800
2	Thu điều tiết từ các khoản đo Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	243.300	215.700	-	8.880	9.240	240	-	2.600	160	-	400	3.840	2.240	-
-	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh (Thu từ các DN ngoài quốc doanh)	229.200	211.200	-	8.000	9.000	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-
-	Thu tiền sử dụng đất	2.100	2.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (UBND tỉnh cấp giấy phép)	12.000	2.400	-	880	240	240	-	1.600	160	-	400	3.840	2.240	-

Ghi chú:

(\*): Đã bao gồm phí nước thải sinh hoạt do Công ty Cổ phần cấp nước Phú Thọ tổ chức thu (Việt Trì: 3.000 triệu đồng; thị xã Phú Thọ: 570 triệu đồng; huyện Phù Ninh: 400 triệu đồng; huyện Lâm Thao: 700 triệu đồng; huyện Thanh Thủy: 220 triệu đồng; huyện Hạ Hòa: 50 triệu đồng), theo quy định ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%, Không bao gồm phí chợ (được ghi thu phản ánh qua ngân sách nhà nước theo quy định).

Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 06.

**SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH  
CÁC HUYỆN THÀNH PHỐ, THỊ XÃ NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Huyện, thành, thị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu NS huyện được hưởng theo phân cấp	Dự toán chi ngân sách huyện	Số bổ sung từ NS cấp tỉnh cho NS huyện
1	Việt Trì	614.300	580.050	667.769	87.719
2	Phú Thọ	105.200	65.050	230.843	165.793
3	Phù Ninh	111.030	78.155	314.857	236.702
4	Lâm Thao	114.420	81.370	287.446	206.076
5	Tam Nông	61.800	42.858	321.541	278.683
6	Thanh Thủy	82.065	52.534	300.289	247.755
7	Đoan Hùng	126.010	82.752	406.411	323.660
8	Thanh Ba	78.045	50.688	382.343	331.655
9	Hiệp Hòa	71.710	48.182	408.384	360.202
10	Cẩm Khê	49.120	37.213	479.487	442.274
11	Yên Lập	62.500	44.775	368.334	323.559
12	Thanh Sơn	80.800	54.425	506.125	451.700
13	Tân Sơn	23.600	15.800	342.432	326.632
<b>Cộng</b>		<b>1.580.600</b>	<b>1.233.850</b>	<b>5.016.261</b>	<b>3.782.411</b>



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.



STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																			
		Chi cân đối ngân sách																			
		Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
				Tổng số	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PT			
	<b>TỔNG CỘNG</b>	9.309.916	3.656.077	329.730	588.820	82.800	(341.890)	3.211.007	1.758.334	1.452.673	341.048	120.700	67.542	1.119.080	717.340	95.107	37.285	28.2			
A	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	329.730	329.730	329.730	588.820	82.800	(341.890)														
B	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH</b>	3.211.007	3.211.007	-	-	-	-	3.211.007	1.758.334	1.452.673	341.048	120.700	67.542	1.119.080	717.340	95.107	37.285	28.2			
I	<b>CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ CỦA TỈNH</b>	1.880.217	1.880.217	-	-	-	-	1.880.217	1.252.222	627.996	274.574	119.380	61.722	595.802	548.017	63.162	19.325	28.2			
	Văn phòng UBND tỉnh	29.016	29.016	-	-	-	-	29.016	7.876	21.140	26.016	-	-	3.000	-	-	-	-			
	- Chi định mức QLNN	7.056	7.056	-	-	-	-	7.056	7.056	-	7.056	-	-	-	-	-	-	-			
	- Trung tâm Công báo - Tin học	820	820	-	-	-	-	820	820	-	820	-	-	-	-	-	-	-			
	- Chi các hoạt động nghiệp vụ	2.800	2.800	-	-	-	-	2.800	-	2.800	2.800	-	-	-	-	-	-	-			
	- Chi hoạt động của thường trực UBND tỉnh,	4.000	4.000	-	-	-	-	4.000	-	4.000	4.000	-	-	-	-	-	-	-			
	Kinh phí xây dựng, hoàn thiện và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật	140	140	-	-	-	-	140	-	140	140	-	-	-	-	-	-	-			
	- Chi duy trì cảnh quan môi trường khu vực UBND tỉnh	3.000	3.000	-	-	-	-	3.000	-	3.000	3.000	-	-	-	-	-	-	-			
	- Ban chỉ đạo phòng chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma tuý, mại dâm tỉnh	200	200	-	-	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-	-			
	- Chi sửa chữa và mua sắm thiết bị, tài sản UBND tỉnh	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-			
	- In và phát hành Công báo của tỉnh	3.000	3.000	-	-	-	-	3.000	-	3.000	-	-	3.000	-	-	-	-	-			
	- Chi hoạt động của Ban tiếp công dân.	500	500	-	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-			
	Chi cải tạo, nâng cấp và xây mới một số hạng mục công trình thuộc trụ sở làm việc của các cơ quan khu vực UBND tỉnh Phú Thọ.	4.000	4.000	-	-	-	-	4.000	-	4.000	4.000	-	-	-	-	-	-	-			
	- Chi cải tạo nhà ăn thành nhà làm việc	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-			
	Chi triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (triển khai hệ thống một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến; triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành tích hợp chữ ký số ...).	500	500	-	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-			
	- Chi khác	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-			
2	<b>Văn phòng HĐND tỉnh.</b>	15.474	15.474	-	-	-	-	15.474	5.347	10.127	15.474	-	-	-	-	-	-	-			
	- Chi định mức	4.407	4.407	-	-	-	-	4.407	4.407	-	4.407	-	-	-	-	-	-	-			
	- Phụ cấp nhiệm đại biểu HĐND tỉnh	940	940	-	-	-	-	940	940	-	940	-	-	-	-	-	-	-			
	- Phụ cấp nghiên cứu tài liệu + công tác phi của các đại biểu cơ sở + Đặt báo + Tài liệu chuyên môn các đại biểu	500	500	-	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-			
	- Chi các kỳ họp HĐND tỉnh	600	600	-	-	-	-	600	-	600	600	-	-	-	-	-	-	-			
	- Chi hỗ trợ đoàn đại biểu quốc hội	900	900	-	-	-	-	900	-	900	900	-	-	-	-	-	-	-			
	- Chi hoạt động của 4 ban của HĐND Tỉnh	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-			
	- Chi các hoạt động giám sát, khảo sát.	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-			
	- Chi hoạt động tiếp xúc cử tri	500	500	-	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-			
	Chi các hội nghị giao ban trong tỉnh	300	300	-	-	-	-	300	-	300	300	-	-	-	-	-	-	-			

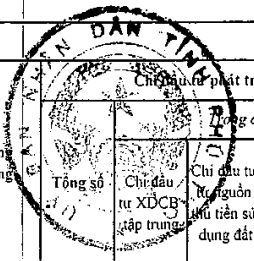
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Tên đơn vị	Tổng cộng		Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
	Tổng cộng	Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
				Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghịệp vụ								
Kinh phí xây dựng và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật	160	160	-			160		160	160								
Chi hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh	2.500	2.500	-			2.500		2.500	2.500								
Kinh phí đảm bảo các hoạt động của HĐND theo mức chi của Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Phú Thọ	500	500	-			500		500	500								
Chi xây dựng bản tin	200	200	-			200		200	200								
Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử đoàn đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh	500	500	-			500		500	500								
Chi hoạt động chuyên môn phục vụ kỹ hợp: Chi hợp thẩm tra, chi xây dựng các báo cáo của ban thẩm tra, chi chuẩn bị các văn bản phục vụ các kỹ hợp ...	300	300	-			300		300	300								
Chi xây dựng cuốn kỷ yếu HĐND khóa mới Nk 2016-2021.	250	250	-			250		250	250								
Chi mua sắm trang phục cho đại biểu nhiệm kỳ mới 2016-2021.	217	217	-			217		217	217								
Chi thực hiện chuyên mục "Giám đốc sở với cử tri".	200	200	-			200		200	200								
Chi sửa chữa và mua sắm tài sản	500	500	-			500		500	500								
Sơ Kế hoạch và Đầu tư	9.584	9.584	-			9.584	6.434	3.150	9.584								
Chi định mức	6.384	6.384	-			6.384	6.384	-	6.384								
Chi hoạt động tư vấn, giám sát đánh giá dự án đầu tư	200	200	-			200		200	200								
Chi ban chỉ đạo các CTMTQG	300	300	-			300		300	300								
Kinh phí xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật	50	50	-			50		50	50								
Kinh phí chi gặp mặt các doanh nghiệp và doanh nhân hàng năm	400	400	-			400		400	400								
Chi ban chỉ đạo, văn phòng phát triển bền vững tỉnh Phú Thọ	300	300	-			300		300	300								
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	100	100	-			100	50	50	100								
Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử.	100	100	-			100		100	100								
Kinh phí chi một cửa liên thông	200	200	-			200		200	200								
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-			500		500	500								
Kinh phí nghiệp vụ Ban đổi mới doanh nghiệp	100	100	-			100		100	100								
Chi Ban chỉ đạo Xã hội hoá về công tác giáo dục, y tế.	200	200	-			200		200	200								
Chi nghiệp vụ: Hoạt động KT đối ngoại; xây dựng báo cáo phát triển KTXH... và các hoạt động nghiệp vụ khác.	750	750	-			750		750	750								
Sở Khoa học công nghệ	14.650	14.650	-			14.650	3.420	11.230	3.450								
Chi định mức	3.390	3.390	-			3.390	3.390	-	3.390								

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
			Tổng cộng	Tổng số	Chi đầu tư XDCB cấp trung	Chi đầu tư từ nguồn ưu tiên sử dụng đất	Chi từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương	Tổng số	Định mức	Nhiệm vụ	QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PT
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	60	-	-	-	60	30	30	60								
	Công tác kế hoạch hoá, thống kê khoa học công nghệ và hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh; Quản lý khoa học, quản lý cơ sở	1.500	1.500	-	-	-	1.500		1.500									
	Chi công tác quản lý công nghệ và thanh tra KHCN	450	450	-	-	-	450		450									
	Công tác sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân	300	300	-	-	-	300		300									
	Hoạt động tin học và thông tin khoa học công nghệ	450	450	-	-	-	450		450									
	Chi hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học	450	450	-	-	-	450		450									
	Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng	500	500	-	-	-	500		500									
	Đào tạo trao đổi, hợp tác về khoa học và công nghệ trong và ngoài nước	550	550	-	-	-	550		550									
	Bổ sung trang thiết bị, tăng cường tiềm lực phục vụ nghiên cứu và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ	500	500	-	-	-	500		500									
	Hỗ trợ các hoạt động khoa học công nghệ của các sở, ban, ngành, các hội khoa học, hội đồng khoa học công nghệ các cấp và các nhiệm vụ cấp cơ sở	1.500	1.500	-	-	-	1.500		1.500									
	Hỗ trợ nhân rộng kết quả nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH-CN trên địa bàn tỉnh.	3.000	3.000	-	-	-	3.000		3.000									
	Hỗ trợ xây dựng bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm, hàng hóa đặc trưng và có lợi thế của tỉnh.	2.000	2.000	-	-	-	2.000		2.000									
5	Trung tâm Tin học và Thống kê Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	1.202	1.202	-	-	-	1.202	902	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi định mức	902	902	-	-	-	902	902	-									
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	300	300	-	-	-	300		300									
6	Trung tâm Kỹ thuật đo lường - thí nghiệm (Sở Khoa học và Công nghệ)	820	820	-	-	-	820	820	-									
7	Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	984	984	-	-	-	984	984	-									
8	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	13.524	13.524	-	-	-	13.524	255	13.269	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi định mức	255	255	-	-	-	255	255	-									
	Chi hoạt động nghiệp vụ của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ.	269	269	-	-	-	269		269									
	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	12.000	12.000	-	-	-	12.000		12.000									
	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển khoa học công nghệ	1.000	1.000	-	-	-	1.000		1.000									
9	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	1.596	1.596	-	-	-	1.596	1.596	-	1.596								
10	Chi cục thú y	9.906	9.906	-	-	-	9.906	6.196	3.710	1.596								



T	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách												
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực								
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá
	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ									
	Chi định mức biên chế QLNN	1.596	1.596	-				1.596	1.596		1.596				
	Chi định mức biên chế sự nghiệp	4.510	4.510	-				4.510	4.510						
	Chi kiểm tra vệ sinh thú y, công tác thú y thủy sản và phòng chống bệnh dại	600	600	-				600		600					
	Phòng chống dịch điện rộng.	2.000	2.000	-				2.000		2.000					
	Kinh phí sửa chữa các trạm thú y: Cẩm Khê, Đoan Hùng.	200	200	-				200		200					
	Thuê trụ sở làm việc các trạm (Việt Trì, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Tân Sơn, Hạ Hoà, Lâm Thao).	120	120	-				120		120					
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		500					
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	180	180	-				180	90	90					
	Chi hoạt động nghiệp vụ tuyên truyền; chi phân tích mẫu thuốc và thức ăn chăn nuôi.	200	200	-				200		200					
	Văn phòng Chi cục bảo vệ thực vật	7.964	7.964	-				7.964	5.764	2.200	1.368				
	Chi định mức biên chế QLNN	1.368	1.368	-				1.368	1.368		1.368				
	Chi định mức biên chế sự nghiệp	4.346	4.346	-				4.346	4.346						
	Chi kiểm tra, lấy mẫu thuốc, phân tích	150	150	-				150		150					
	Hỗ trợ công tác tuyên truyền + Nghiệp vụ.	200	200	-				200		200					
	Kinh phí xây dựng mô hình kỹ thuật diệt chuột hại cây trồng.	200	200	-				200		200					
	Chi hoạt động kiểm dịch thực vật	150	150	-				150		150					
	Chi thực hiện KH: Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây trồng.	500	500	-				500		500					
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	100	100	-				100	50	50					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		500					
	Chi hoạt động phòng trừ sâu bệnh+ duy trì bẫy đen	450	450	-				450		450					
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6.357	6.357	-				6.357	4.457	1.900	5.707				
	Chi định mức biên chế	4.407	4.407	-				4.407	4.407		4.407				
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg+Chi trang phục thanh tra + chi lấy mẫu kiểm tra, phân tích mẫu giống và phân bón.	280	280	-				280	50	230	280				
	Chi sửa chữa lớn trụ sở	500	500	-				500		500	500				
	Chi duy trì trang thông tin điện tử	100	100	-				100		100	100				
	Chi nghiệp vụ sở.	220	220	-				220		220	220				
	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	200	200	-				200		200	200				
	Ban chỉ đạo các chương trình nông nghiệp của tỉnh	200	200	-				200		200					
	Chi cho công tác báo cáo tiến độ SX NLN	450	450	-				450		450					
	Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão	13.810	13.810	-				13.810	3.580	10.230	1.254				

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
			Tổng cộng	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Chi đầu tư từ nguồn tài trợ	Chi đầu tư từ nguồn vốn ưu đãi		Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTT
									Định mức	Nhiệm vụ								
-	Chi định mức biên chế QLNN	1.254	1.254	-	-	-	1.254	1.254	-	1.254	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức đội quản lý đê	2.296	2.296	-	-	-	2.296	2.296	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Tư bổ đê, kè công	5.000	5.000	-	-	-	5.000	-	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp kè	4.000	4.000	-	-	-	4.000	-	4.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	60	-	-	-	60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản và nghiệp vụ.	500	500	-	-	-	500	30	30	500	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi Ban chỉ huy phòng chống lụt bão: 400 triệu đồng; chi sửa chữa hạt Thanh Thủy: 300 triệu.	700	700	-	-	-	700	-	700	-	-	-	-	-	-	-	-	
14	Chi cục Thủy lợi	9.150	9.150	-	-	-	9.150	2.920	6.230	1.924	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức biên chế QLNN	1.824	1.824	-	-	-	1.824	1.824	-	1.824	-	-	-	-	-	-	-	
-	Định mức biên chế sự nghiệp	1.066	1.066	-	-	-	1.066	1.066	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi ban chỉ đạo, quản lý CTMT nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi hoạt động tuyên truyền, kiểm tra chống úng, chống hạn, vệ sinh môi trường nông thôn.	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	60	-	-	-	60	30	30	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi nghiệp vụ.	400	400	-	-	-	400	-	400	100	-	-	-	-	-	-	-	
-	Duy tu sửa chữa thường xuyên các công trình cấp nước sinh hoạt do cộng đồng quản lý và các công trình thủy lợi.	5.000	5.000	-	-	-	5.000	-	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
15	Chi cục Thủy sản	4.562	4.562	-	-	-	4.562	2.332	2.230	1.682	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức biên chế QLNN	1.482	1.482	-	-	-	1.482	1.482	-	1.482	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức biên chế sự nghiệp	820	820	-	-	-	820	820	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi nghiệp vụ	200	200	-	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-	-	
-	Hỗ trợ mua cá hậu bị giống mới để sản xuất cá bố mẹ, bảo tồn lưu giữ giống cá quý hiếm...	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống moi và cải tạo đàn cá bố mẹ cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi điều tra cảnh báo phòng trị bệnh dịch thủy sản (chi lấy mẫu, xét nghiệm, kiểm tra...); điều tra, lấy mẫu thức ăn phục vụ thanh tra chuyên ngành	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi sửa chữa nhà và mua sắm tài sản, thiết bị phục vụ chuyên môn	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi thực hiện quan trắc môi trường, lấy mẫu phân tích, xét nghiệm cảnh báo, phòng trị dịch bệnh thủy sản.	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển															Chi thường xuyên theo lĩnh vực						
		Tổng cộng	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH							
			Tổng số	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Định mức									Nghịệp vụ						
Tổ chức thực hiện KH phát triển cá lồng thâm canh	200	200	-				200		200														
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	60	-				60	30	30														
Chi tuyên truyền khuyến khích phát triển thủy sản	300	300	-				300		300														
Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	3.462	3.462	-				3.462	1.522	1.940	3.462													
Chi định mức	1.482	1.482	-				1.482	1.482	-	1.482													
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	80	80	-				80	40	40	80													
Chi mua sắm thiết bị, tài sản, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300	300													
Chi xây dựng quản lý chuỗi cung cấp thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn.	600	600	-				600		600	600													
Chi giám sát chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản.	200	200	-				200		200	200													
Chi xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm.	150	150	-				150		150	150													
Chi tổ chức các đoàn thanh tra liên ngành kiểm tra, giám sát cảnh báo nguy cơ mất an toàn thực phẩm.	300	300	-				300		300	300													
Chi nghiệp vụ tuyên truyền, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, phổ biến pháp luật về an toàn TP, lấy mẫu phân tích ...	350	350	-				350		350	350													
Chi cục Lâm nghiệp	2.110	2.110	-				2.110	1.520	590	1.770													
Chi định mức biên chế	1.140	1.140	-				1.140	1.140	-	1.140													
Chi định mức sự nghiệp	340	340	-				340	340															
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	150	150	-				150		150	150													
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra và chi nghiệp vụ quản lý lâm nghiệp.	480	480	-				480	40	440	480													
Chi cục phát triển nông thôn	3.305	3.305	-				3.305	2.135	1.170	2.535													
Chi định mức QLNN	1.710	1.710	-				1.710	1.710	-	1.710													
Chi định mức sự nghiệp	425	425	-				425	425		425													
Chi nghiệp vụ	100	100	-				100		100	100													
Mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	300	300	-				300		300	300													
Kinh phí hội chợ làng nghề	200	200	-				200		200														
Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ: 200 triệu đồng; Kinh phí hoạt động của Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ: 200 triệu đồng.	400	400	-				400		400														
Chi kiểm tra, chỉ đạo làng nghề và thương công nhận làng nghề (3 làng x30tr); kiểm tra 20tr; tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho Trưởng các làng nghề 60tr.	170	170	-				170		170														

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
			Tổng cộng	Tổng số	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn tài trợ	Chi đầu tư từ XDCB tập trung	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTT
			Định mức	Nghiệp vụ														
19	Chi cục kiểm lâm	32.155	32.155	-														
-	Chi định mức	28.258	28.258	-														
-	Chi mua sắm tài sản	500	500	-														
-	Chi trang phục ngành và nghiệp vụ	800	800	-														
-	Chi hỗ trợ công tác tuyên truyền PCCR	360	360	-														
-	Chi hỗ trợ sửa chữa đường băng cân lửa	200	200	-														
-	Chi mua sắm thiết bị	300	300	-														
-	Bảo vệ rừng mùa khô hạn 139 xuất	250	250	-														
-	Chi trả nợ kinh phí xây dựng trụ sở làm việc	487	487	-														
-	Hỗ trợ sửa chữa các Hạt kiểm lâm: Tân Sơn, Phú Lâm, Việt Trì, Thanh Sơn; các hạt: Lai đồng, Phương vỹ, Bản Sơn, Tam Cửu, Chi Tiên, Ngọc lập. (CC Kiểm Lâm).	1.000	1.000	-														
20	Vườn Quốc gia Xuân Sơn	4.910	4.910	-														
-	Chi định mức	3.910	3.910	-														
-	Kinh phí tuyên truyền tập huấn cho người dân về công tác phòng chống cháy rừng	200	200	-														
-	Chi nghiệp vụ	300	300	-														
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	500	500	-														
21	Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Bứa	1.295	1.295	-														
-	Chi định mức biên chế	595	595	-														
-	Chi nghiệp vụ và xây dựng đường băng cân lửa	200	200	-														
-	Chi mua sắm, cải tạo, sửa chữa nhà làm việc	500	500	-														
22	Ban quản lý rừng phòng hộ Ngòi Giảnh	1.505	1.505	-														
-	Chi định mức biên chế	805	805	-														
-	Chi nghiệp vụ và xây dựng đường băng cân lửa	200	200	-														
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản và thanh toán kinh phí sửa chữa nhà làm việc	500	500	-														
23	Trung tâm khuyến nông	6.870	6.870	-														
-	Chi định mức	2.870	2.870	-														
-	Thông tin tuyên truyền	300	300	-														
-	Tham quan học tập	100	100	-														
-	Tập huấn, huấn luyện ...	500	500	-														
-	Tổ chức tuyên truyền nhân rộng mô hình thâm canh cải tạo vườn bưởi Đoàn Hùng	200	200	-														
-	Kinh phí mua sắm tài sản phục vụ tuyên truyền	200	200	-														
-	XD mô hình trình diễn, khuyến nông, khuyến ngư	2.000	2.000	-														
-	Chi sửa chữa nhà làm việc và các công trình	500	500	-														
-	Chi hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho nông dân	200	200	-														
24	Trung tâm giống vật nuôi Phú Thọ	4.058	4.058	-														
-	Chi định mức biên chế	1.558	1.558	-														
-	Chi tuyên truyền + nghiệp vụ	300	300	-														

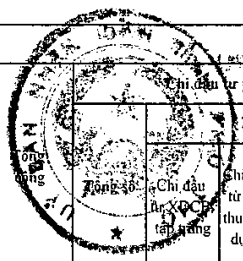
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TĐTT	PTTH
	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ											
Hỗ trợ sản xuất giống lợn gốc ông bà để sản xuất giống bố mẹ chất lượng	800	800	-				800		800								
Hỗ trợ sản xuất gà giống	300	300	-				300		300								
Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	500	500	-				500		500								
Hỗ trợ sản xuất tinh dịch lợn	300	300	-				300		300								
Chi hỗ trợ cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo.	300	300	-				300		300								
Ban quản lý dự án công trình xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	425	425	-				425	425									
Sở Nội vụ	6.412	6.412	-				6.412	4.632	1.780	6.412							
Chi định mức	4.592	4.592	-				4.592	4.592	-	4.592							
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	80	80	-				80	40	40	80							
Kinh phí thực hiện chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2015-2020.	300	300	-				300		300	300							
Kinh phí triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế.	500	500	-				500		500	500							
Chi nghiệp vụ.	440	440	-				440		440	440							
Chi sửa chữa + mua sắm tài sản và duy trì mạng Lan	500	500	-				500		500	500							
Ban Tôn giáo	1.698	1.698	-				1.698	798	900	1.698							
Chi định mức	798	798	-				798	798	-	798							
Chi nghiệp vụ	300	300	-				300		300	300							
Mua sắm tài sản	100	100	-				100		100	100							
Chi chúc mừng, thăm hỏi các tổ chức, chức việc, chức sắc tôn giáo.	500	500	-				500		500	500							
Ban dân tộc	3.270	3.270	-				3.270	2.290	980	3.270							
Chi định mức biên chế	2.260	2.260	-				2.260	2.260	-	2.260							
Cung cấp thông tin, tập huấn bồi dưỡng kiến thức và thăm hỏi người có uy tín theo QĐ 18/2011/QĐ-TTg	400	400	-				400		400	400							
Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	300	300	-				300		300	300							
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	60	-				60	30	30	60							
Chi nghiệp vụ	250	250	-				250		250	250							
Ban thi đua khen thưởng	2.196	2.196	-				2.196	1.596	600	2.196							
Chi định mức	1.596	1.596	-				1.596	1.596	-	1.596							
Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		200	200							
Các nhiệm vụ phục vụ thi đua khen thưởng	400	400	-				400		400	400							
Thanh tra tỉnh	7.738	7.738	-				7.738	5.688	2.050	7.738							
Chi theo định mức	4.920	4.920	-				4.920	4.920	-	4.920							



		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
			Trong đó:					Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PT
			Tổng số	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn vốn ngân sách địa phương	Định mức	Nhiệm vụ											
-	Chi trang phục thanh tra + Chi bồi dưỡng công chức thanh tra.	868	868	-	-	-	868	468	400	868								
-	Thanh tra viên trực tiếp dân và xử lý đơn thư	300	300	-	-	-	300	300	-	300								
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản.	300	300	-	-	-	300		300	300								
-	Kinh phí duy trì mạng LAN và trang thông tin điện tử	200	200	-	-	-	200		200	200								
-	Kinh phí trích cho thanh tra tỉnh để thực hiện các nội dung theo Thông tư Liên tịch số 90/2012/TTLT-BTC- TTCP ngày 30/5/2012 và Nghị quyết 29/2012/NQ-HĐND ngày 17/12/2012.	600	600	-	-	-	600		600	600								
-	Chi nghiệp vụ	550	550	-	-	-	550		550	550								
31	Trung tâm Thông tin tư liệu thanh tra (Thanh tra tỉnh)	1.452	1.452	-	-	-	1.452	902	550	1.452	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	902	902	-	-	-	902	902	-	902								
-	Chi nghiệp vụ + duy trì thông tin điện tử + tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về khiếu nại tố cáo...	350	350	-	-	-	350		350	350								
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	200	200	-	-	-	200		200	200								
32	Sở Tài chính	11.534	11.534	-	-	-	11.534	7.884	3.650	11.534	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	7.728	7.728	-	-	-	7.728	7.728	-	7.728								
-	Công bố giá hàng tháng và kiểm tra kê khai giá.	300	300	-	-	-	300		300	300								
-	Duy trì điện rộng hệ thống TABMÍT....	500	500	-	-	-	500		500	500								
-	Kinh phí xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật	50	50	-	-	-	50		50	50								
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 52/2009/NĐ-CP, Nghị định số 04/2016/NĐ-CP về quản lý TSNN; Thông tư 123/2011/TT-BTC về việc quản lý, khai thác phần mềm quản lý, đăng ký tài sản nhà nước trong công tác kiểm tra, rà soát, đăng nhập dữ liệu tài sản nhà, đất, xe ô tô, tài sản khác 500tr trở lên; tài sản kết cấu giao thông đường bộ, TS ban QL dự án vào cơ sở dữ liệu quốc gia; triển khai thực hiện Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung ...	400	400	-	-	-	400		400	400								
-	Kinh phí chi nghiệp vụ: Thực hiện Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 về thực hiện es thủy lợi phí; Thông tư liên tịch số 32/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ, giao nhận và hoàn trả vốn đầu tư lưới điện hạ áp nông thôn; công tác quản lý tài chính doanh nghiệp.	300	300	-	-	-	300		300	300								
-	Chi hội đồng thẩm định bảng giá đất theo NĐ 44/2014/NĐ-CP; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tính tiền sử dụng đất theo NĐ 45/2014/NĐ-CP; TT số 48/2012/TT-BTC; TT số 137/2010/TT-BTC; TT số 38/2014/TT-BTC theo quy định Luật Giá.	300	300	-	-	-	300		300	300								



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH	
			Tổng số	Trong đó:			Định mức	Nghịệp vụ									
				Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất												Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
Kinh phí duy trì mạng Lan, trang thông tin điện tử và công tác thông kê, lưu trữ tài chính	450	450	-				450										
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500										
Chi nghiệp vụ ngành.	550	550	-				550										
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra và nghiệp vụ.	456	456	-				456	156	300	456							
Số Công thương	10.878	10.878	-				10.878	6.098	4.780	10.878							
Chi định mức	6.048	6.048	-				6.048	6.048	-	6.048							
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	100	100	-				100	50	50	100							
Chi hoạt động của Ban hội nhập kinh tế quốc tế	200	200	-				200		200	200							
Mua sắm, sửa chữa tài sản, nâng cấp hệ thống điện của sở.	550	550	-				550		550	550							
Kinh phí bán giao lưới điện áp nông thôn (Ban quản lý RE II)+ Tổ chức thu hồi vốn Dự án năng lượng nông thôn.	200	200	-				200		200	200							
Chi xúc tiến thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ thương mại; Hỗ trợ tổ chức đưa hàng về nông thôn miền núi	600	600	-				600		600	600							
Chi BCĐ an toàn lưới điện cao áp (200 triệu); tập huấn kiến thức cho các CSSXKD (150 triệu); đánh giá tác động môi trường ngành công thương (150 triệu).	500	500	-				500		500	500							
Kinh phí quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Phú Thọ đến năm 2025 có xét đến năm 2030.	1.000	1.000	-				1.000		1.000	1.000							
Kinh phí tổ chức hội nghị ngành công thương và hội nghị khuyến công khu vực phía bắc năm 2017.	300	300	-				300		300	300							
Kinh phí quy hoạch Dự án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (QĐ số 951/QĐ-UBND ngày 25/3/2011; QĐ số 1263/QĐ-UBND ngày 16/5/2012): 300 triệu; Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Phú Thọ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (QĐ số 746/QĐ-UBND ngày 31/3/2016): 300 triệu.	600	600	-				600		600	600							
Chi nghiệp vụ ngành.	330	330	-				330		330	330							
Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng đề án cơ sở dữ liệu ngành công thương.	450	450	-				450		450	450							
Sở Xây dựng	6.728	6.728	-				6.728	5.558	1.170	6.728							
Chi định mức	5.488	5.488	-				5.488	5.488	-	5.488							

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																							
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																							
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực								QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PT			
			Tổng cộng	Tổng số	Chi đầu tư từ XĐOB	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Định mức	Nghiệp vụ																
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	140	140	-	-	140	70	70	140																
	- Kinh phí mua sắm tài, sửa chữa tài sản.	180	180	-	-	180		180	180																
	- Kinh phí mở lớp tập huấn văn bản pháp luật liên quan đến xây dựng	50	50	-	-	50		50	50																
	- Kinh phí điều tra, thu thập số liệu báo cáo thống kê ngành Xây dựng theo Thông tư 06/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 của Bộ Xây dựng.	150	150	-	-	150		150	150																
	- Kinh phí hoạt động của BCD thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với hộ nghèo.	200	200	-	-	200		200	200																
	- Chi nghiệp vụ.	220	220	-	-	220		220	220																
	- Kinh phí xác định, công bố, chỉ số giá xây dựng năm 2017 theo TT số 02/2012/TT-BXD.	300	300	-	-	300		300	300																
35	Sở Giao thông vận tải	10.587	10.587	-	-	10.587	9.767	820	10.587	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Chi định mức	9.520	9.520	-	-	9.520	9.520	-	9.520																
	- Mua sắm, sửa chữa tài sản.	300	300	-	-	300		300	300																
	- Chi nghiệp vụ ngành.	330	330	-	-	330		330	330																
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	437	437	-	-	437	247	190	437																
36	Sở Tư pháp.	7.997	7.997	-	-	7.997	4.324	3.673	7.997	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Chi định mức	4.294	4.294	-	-	4.294	4.294	-	4.294																
	- Chi công tác cải cách hành chính nhà nước và hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính	400	400	-	-	400		400	400																
	- Kinh phí duy trì tủ sách pháp luật (2 triệu đồng/xã/năm; riêng huyện Tân Sơn: 2,5 triệu đồng/xã/năm)	563	563	-	-	563		563	563																
	- Chi phục vụ công tác hành chính tư pháp: Mua biểu mẫu, sổ sách cấp hồ tịch cho các xã phường, thị trấn; quản lý khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp	400	400	-	-	400		400	400																
	- Kinh phí chi phục vụ công tác xây dựng thi hành văn bản quy phạm pháp luật; Công tác hành chính tư pháp;	300	300	-	-	300		300	300																
	- Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật	500	500	-	-	500		500	500																
	- Mua sắm, sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư pháp.	350	350	-	-	350		350	350																
	- Kinh phí thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và đăng ký hộ tịch (cấp tỉnh)	300	300	-	-	300		300	300																
	- Chi nghiệp vụ.	330	330	-	-	330		330	330																

Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														
	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách													
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT
Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Định mức	Nhiệp vụ											
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	60	-	-	60	30	30	60							
Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	500	500	-	-	500		500	500							
Sở Tài nguyên và Môi trường	25.164	25.164	-	-	25.164	4.524	20.640	4.737							
Chi định mức	4.407	4.407	-	-	4.407	4.407	-	4.407							
Chi nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ ...	330	330	-	-	330		330	330							
Chính lý biến động đất đai.	1.000	1.000	-	-	1.000		1.000								
Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2016-2020.	1.500	1.500	-	-	1.500		1.500								
Kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 cấp tỉnh.	800	800	-	-	800		800								
Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.	1.000	1.000	-	-	1.000		1.000								
Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc thống kê chi tiết hiện trạng sử dụng đất nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn toàn tỉnh.	3.000	3.000	-	-	3.000		3.000								
Các hoạt động quản lý khoáng sản và thăm dịnh cấp quyền khai thác khoáng sản	200	200	-	-	200		200								
Xây dựng mạng lưới quan trắc động thái nước dưới đất vùng Lâm Thao.	500	500	-	-	500		500								
Kinh phí thực hiện dự án xây dựng CSDL tài nguyên môi trường.	1.000	1.000	-	-	1.000		1.000								
Kinh phí lập, thực hiện dự án điều tra thoái hoá đất kỹ đầu tỉnh Phú Thọ.	2.000	2.000	-	-	2.000		2.000								
Kinh phí thực hiện dự án "Quy hoạch phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030".	2.000	2.000	-	-	2.000		2.000								
Các hoạt động quản lý tài nguyên nước - khí tượng thủy văn	100	100	-	-	100		100								
Quản lý thu thập, xử lý thông tin tài nguyên và môi trường.	1.000	1.000	-	-	1.000		1.000								
Duy trì trang thông tin + Xây dựng bản tin Tài nguyên môi trường	400	400	-	-	400		400								
Thực hiện mạng lưới quan trắc, phân tích, cảnh báo ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016-2020.	500	500	-	-	500		500								
Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh	100	100	-	-	100		100								
Phối hợp với các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh thực hiện chương trình bảo vệ môi trường	200	200	-	-	200		200								
Kinh phí điều tra, khảo sát, lập công bố danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.	1.000	1.000	-	-	1.000		1.000								

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																							
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																							
		Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực						QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDIT	PT			
				Tổng số	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế									Văn hoá	TĐIT	PT
-	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi trang phục + Chế độ bồi dưỡng công chức thanh tra.	217	217	-	-	-	-	217	117	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản của sở Tài nguyên	400	400	-	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí do đặc trích lục bản đồ đối với những nhà đầu tư không sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư vào tỉnh Phú Thọ	100	100	-	-	-	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của 11 huyện trên địa bàn tỉnh.	360	360	-	-	-	-	360	-	360	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đề án cung cấp thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện đến 2020.	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí thực hiện Dự án hệ thống mạng thông tin về Tài nguyên môi trường.	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí xây dựng Đề án bảo vệ môi trường nông thôn tỉnh.	400	400	-	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đầu tư trang thiết bị và phần mềm để tiếp nhận số liệu quan trắc nước thải tự động từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Rà soát, kiểm tra các nguồn thải vào lưu vực sông.	50	50	-	-	-	-	50	-	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Triển khai Đề án quy hoạch tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020.	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Chi cục quản lý đất đai	2.910	2.910	-	-	-	-	2.910	1.710	1.200	2.810	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.710	1.710	-	-	-	-	1.710	1.710	-	1.710	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi tập huấn, tuyên truyền phổ biến Luật đất đai	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi xác định giá đất, thẩm định hồ sơ xác định giá đất làm căn cứ thu tiền SDD, tiền thuê đất của các huyện, thành, thị.	500	500	-	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-	-	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ.	200	200	-	-	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Lập danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2017	100	100	-	-	-	-	100	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
39	Chi cục Bảo vệ Môi trường	3.052	3.052	-	-	-	-	3.052	2.052	1.000	2.252	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	2.052	2.052	-	-	-	-	2.052	2.052	-	2.052	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ.	100	100	-	-	-	-	100	-	100	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	100	100	-	-	-	-	100	-	100	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên môi trường	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Xây dựng báo cáo chuyên đề hiện trạng môi trường; Kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường, thẩm định đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	350	350	-	-	-	-	350	-	350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
				Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
Lấy mẫu, giám định các thông số môi trường phục vụ việc xác nhận hoàn thành các công trình xử lý môi trường nước khi đưa vào vận hành; Kiểm tra hiện trạng môi trường khu vực thực hiện thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) ... Quản lý môi trường.	250	250	-			250		250									
Trung tâm Công nghệ thông tin - Sở Tài nguyên và Môi trường	1.295	1.295	-			1.295	595	700	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chi định mức	595	595	-			595	595	-									
Chi nghiệp vụ (hướng dẫn, kiểm tra, thu thập, quản lý, cấp nhật, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường tại Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện và cấp xã; tiếp nhận, xử lý, phân loại và xác định giá trị tài liệu về tài nguyên môi trường và chi cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin...	500	500	-			500		500									
Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-			200		200									
Trung tâm quan trắc bảo vệ môi trường	2.045	2.045	-			2.045	595	1.450									
Chi định mức	595	595	-			595	595	-									
Chi nghiệp vụ	350	350	-			350		350									
Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-			200		200									
Vận hành Trạm quan trắc môi trường không khí tự động	400	400	-			400		400									
Kinh phí sửa chữa, thay thế các linh kiện của Trạm quan trắc môi trường không khí tự động Theo văn bản quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường.	500	500	-			500		500									
Trung tâm kỹ thuật công nghệ tái nguyên	1.685	1.685	-			1.685	935	750	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chi định mức	935	935	-			935	935	-									
Chi nghiệp vụ	450	450	-			450		450									
Mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300		300									
Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	1.520	1.520	-			1.520	1.020	500	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chi định mức	1.020	1.020	-			1.020	1.020	-									
Chi nghiệp vụ trích lục bản đồ, trích sao hồ sơ địa chính, điều chỉnh hồ sơ biến động đất đai...	200	200	-			200		200									
Mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300		300									
Trung tâm phát triển quỹ đất	1.825	1.825	-			1.825	1.275	550	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chi định mức	1.275	1.275	-			1.275	1.275	-									
Chi nghiệp vụ quản lý quỹ đất (Cắm mốc giới, đo đạc bản đồ, lập kế hoạch phương án khai thác sử dụng đất ...).	250	250	-			250		250									
Chi thực hiện nhiệm vụ đấu giá quyền sử dụng đất	-	-	-			-		-									
Mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300		300									
Quỹ Bảo vệ môi trường.	2.455	2.455	-			2.455	255	2.200	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chi định mức	455	455	-			455	255	200									
Bổ sung vốn điều lệ Quỹ bảo vệ môi trường	2.000	2.000	-			2.000		2.000									

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														
		Chi cần đối ngân sách														
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
			Tổng cộng	Tổng số	Chi đầu tư	Chi từ nguồn	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT
	Tổng số	Chi đầu tư	Chi từ nguồn	Tổng số	Định mức	Nghiệp vụ										
46	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch	36.616	36.616	-	-	-	-	36.616	15.136	21.480	7.986	-	-	-	27.130	1.500
*	Chi định mức	7.056	7.056	-	-	-	-	7.056	7.056	-	7.056	-	-	-	-	-
*	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.	100	100	-	-	-	-	100	50	50	100	-	-	-	-	-
*	Chi nghiệp vụ ngành.	330	330	-	-	-	-	330	-	330	330	-	-	-	-	-
*	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-
*	Đoàn kịch	6.670	6.670	-	-	-	-	6.670	2.720	3.950	-	-	-	-	6.670	-
-	Định mức	2.720	2.720	-	-	-	-	2.720	2.720	-	-	-	-	-	2.720	-
-	Xây dựng tiết mục mới	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	500	-
-	Chi biểu diễn miền núi (62 buổi theo chi tiêu pháp lệnh).	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	500	-
-	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	200	-
-	Chi cải tạo, sửa chữa nhà làm việc, nhà hội trường và xây dựng nhà kho Đoàn kịch nói.	1.500	1.500	-	-	-	-	1.500	-	1.500	-	-	-	-	1.500	-
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	500	-
-	Chi bồi dưỡng luyện tập	400	400	-	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-	400	-
-	Dàn dựng, biểu diễn phục vụ các nhiệm vụ chính trị	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	200	-
-	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật	150	150	-	-	-	-	150	-	150	-	-	-	-	150	-
*	Đoàn chèo	6.580	6.580	-	-	-	-	6.580	3.230	3.350	-	-	-	-	6.580	-
-	Định mức	3.230	3.230	-	-	-	-	3.230	3.230	-	-	-	-	-	3.230	-
-	Xây dựng tiết mục mới	650	650	-	-	-	-	650	-	650	-	-	-	-	650	-
-	Chi biểu diễn miền núi (62 buổi theo chi tiêu pháp lệnh).	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	500	-
-	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	300	-
-	Chi sửa chữa, mua sắm thiết bị	800	800	-	-	-	-	800	-	800	-	-	-	-	800	-
-	Chi bồi dưỡng luyện tập	450	450	-	-	-	-	450	-	450	-	-	-	-	450	-
-	Dàn dựng biểu diễn phục vụ các nhiệm vụ chính trị	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	300	-
-	Bảo tồn lưu giữ phát huy di sản hát Soan và di sản khác	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	200	-
-	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật	150	150	-	-	-	-	150	-	150	-	-	-	-	150	-
*	Nghiệp vụ Văn hóa thông tin	4.000	4.000	-	-	-	-	4.000	-	4.000	-	-	-	-	4.000	-
*	Trung tâm Văn hoá thông tin (trong đó có 200 triệu chi nghiệp vụ).	2.280	2.280	-	-	-	-	2.280	2.080	200	-	-	-	-	2.280	-
*	Chi nghiệp vụ công tác gia đình	600	600	-	-	-	-	600	-	600	-	-	-	-	600	-
*	Hoạt động nghiệp vụ du lịch (bao gồm kinh phí chi hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển du lịch 200tr).	1.200	1.200	-	-	-	-	1.200	-	1.200	-	-	-	-	1.200	-
*	Kinh phí chi cho Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá (trong đó chi cho Ban chỉ đạo 200 triệu).	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	500	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TĐTT	PITTH		
				Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ										
Kinh phí quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030; Sản xuất ấn phẩm giới thiệu về du lịch Phú Thọ; xây dựng 01 sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh...	2.000	2.000	-	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	-	-
Chương trình hợp tác phát triển 8 tỉnh Tây bắc mở rộng	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Văn hóa.	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000	-	-
Kinh phí cải tạo, sửa chữa trụ sở Thư viện tỉnh (trong đó sửa chữa sân: 300 triệu đồng).	1.800	1.800	-	-	-	1.800	-	1.800	-	-	-	-	-	-	-	-	1.800	-	-
Chi chuyên môn nghiệp vụ thể thao + tổ chức các hoạt động thể thao	1.500	1.500	-	-	-	1.500	-	1.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.500
Bảo tàng Hùng Vương	4.150	4.150	-	-	-	4.150	1.600	2.550	-	-	-	-	-	-	-	-	4.150	-	-
Chi định mức	1.600	1.600	-	-	-	1.600	1.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.600	-	-
Chi phí cho công tác kiểm kê, phân loại, bảo quản, tu sửa phục chế hiện vật, tư liệu ..	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	300	-	-
Chi khảo sát khai quật di tích khảo cổ học: Tháp Xuân Ấng, huyện Hạ Hòa + An Đạo Phú Ninh.	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
Điều tra, nghiên cứu sưu tầm văn hoá phi vật thể các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020; Kinh phí điều tra sưu tầm văn hóa phi vật thể "Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương"; Kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản Văn hóa truyền thống điển hình các dân tộc thiểu số; Sưu tầm, trưng bày Ngôi nhà Việt Cổ.	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	400	-	-
Sưu tầm tư liệu hiện vật trưng bày, tuyên truyền về biển đảo Trường Sa, Hoàng Sa	150	150	-	-	-	150	-	150	-	-	-	-	-	-	-	-	150	-	-
Chi hoạt động Bảo tàng (điện, nước và các hoạt động phục vụ khách tham quan).	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	300	-	-
Chi làm nhà vòm bảo quản máy bay, tu sửa sơn lại hiện vật 02 máy bay MIC 21.	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	300	-	-
Chi nghiệp vụ.	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	300	-	-
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản:	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	300	-	-
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Đền Hùng	340	340	-	-	-	340	340	-	-	-	-	-	-	-	-	-	340	-	-
Thư viện tỉnh	4.960	4.960	-	-	-	4.960	1.840	3.120	-	-	-	-	-	-	-	-	4.960	-	-
Chi định mức	1.840	1.840	-	-	-	1.840	1.840	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.840	-	-
Kinh phí mua sắm tài sản + công cụ phục vụ nghiệp vụ	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
Kinh phí sử lý môi, bảo quản sách	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	200	-	-
Chi phí mua phần mềm thư viện ILIB 6,5 + duy trì Website thư viện;	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	300	-	-
Chi tổ chức Thiểu nhi Đất tổ tuyên truyền giới thiệu sách + triển lãm sách, tư liệu phục vụ Giỗ tổ Hùng Vương; tổ chức hội thi cán bộ thư viện giỏi ...	350	350	-	-	-	350	-	350	-	-	-	-	-	-	-	-	350	-	-
Kinh phí duy trì dự án BMGF-VN thư viện tỉnh	170	170	-	-	-	170	-	170	-	-	-	-	-	-	-	-	170	-	-



		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách															
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
			Tổng cộng	Tổng số	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn quỹ chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	ĐTTT	PT
						Định mức	Nghịệp vụ										
-	Bổ sung sách báo hàng năm cho thư viện tỉnh	700	700	-					700	700							700
-	Kinh phí vận chuyển xếp dỡ sách báo, phục vụ sửa chữa trụ sở thư viện	100	100	-					100	100							100
-	Chi nghiệp vụ	300	300	-					300	300							300
-	Chi bổ sung sách cho kho lưu động để luân chuyển đến các điểm bưu điện- văn hoá xã	500	500	-					500	500							500
50	Khu di tích lịch sử đền Hùng	7.220	7.220	-					7.220	6.120	1.100						7.220
-	Chi định mức	6.120	6.120	-					6.120	6.120							6.120
-	Chi mua sắm tài sản	500	500	-					500		500						500
-	Kinh phí bảo vệ 39,6 ha rừng nhân bản giao từ Công ty Giấy.	100	100	-					100		100						100
-	Chi xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị Tin ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, giai đoạn 2016-2020.	500	500	-					500		500						500
51	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Phú Thọ	2.741	2.741	-					2.741	1.148	1.593						2.741
-	Chi định mức	1.148	1.148	-					1.148	1.148							1.148
-	Kinh phí hoạt động 9 chuyên ngành (25 triệu/ chuyên ngành)	225	225	-					225		225						225
-	Trao thưởng hàng năm của 9 chuyên ngành	123	123	-					123		123						123
-	Kinh phí mở lớp nâng cao sáng tác bồi dưỡng tài năng trẻ	100	100	-					100		100						100
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức ngày thơ Việt Nam năm 2017: 50 triệu; Kinh phí hỗ trợ cho 3 ngành mỹ thuật, nhiếp ảnh và Âm nhạc đi dự liên hoan và triển lãm : 3 x 20 =60 triệu; Hội thảo về nhà văn Nguyễn Hữu Nhân: 50 triệu.	160	160	-					160		160						160
-	Chi hỗ trợ hoạt động 7 chi hội trực thuộc Trung ương tại tỉnh Phú Thọ	135	135	-					135		135						135
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản	300	300	-					300		300						300
-	Kinh phí tổ chức hội thảo và xuất bản tập sách âm nhạc kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh: 80 triệu; Tổ chức cuộc thi ảnh nghệ thuật "Vẻ đẹp tiềm ẩn quê hương con người Phú Thọ 2017: 70 triệu).	150	150	-					150		150						150
-	Hỗ trợ kinh phí trả nhuận bút	400	400	-					400		400						400
52	Tạp chí văn nghệ Đất Tổ	1.996	1.996	-					1.996	1.346	650						1.996
-	Chi định mức	680	680	-					680	680							680
-	Hỗ trợ trả nhuận bút Tạp chí văn nghệ Đất Tổ và phụ san Tạp chí văn nghệ Đất Tổ	666	666	-					666	666							666
-	Cấp tạp chí văn hóa đất tổ cho các xã ĐBKK+ATK: 100tr; Cấp tạp chí cho 301 đối tượng lãnh đạo trong tỉnh: 100tr.	200	200	-					200		200						200
-	Kinh phí tổ chức cuộc thi về đề tài "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" + tổ chức hội báo xuân + xuất bản các phụ trương ...	250	250	-					250		250						250

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
	Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
				Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-			200		200									200
Hội Nhà báo	1.175	1.175	-			1.175	675	500									1.175
Chi định mức	425	425	-			425	425	-									425
Chi giải thưởng hội nhà báo hàng năm: 150 triệu; Tổ chức hội báo xuân: 100 triệu.	250	250	-			250	250	-									250
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	200	200	-			200		200									200
Chi nghiệp vụ	300	300	-			300		300									300
Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng	8.254	8.254	-			8.254	5.434	2.800									8.254
Chi định mức biên chế	600	600	-			600	600	-									600
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản máy móc, thiết bị.	300	300	-			300		300									300
Chi mua sắm máy chiếu phim HD.	500	500	-			500		500									500
Chi sửa chữa rạp Hoà Phong.	1.500	1.500	-			1.500		1.500									1.500
Chi nghiệp vụ.	500	500	-			500		500									500
Chi trợ giá các buổi chiếu phim miễn phí 2.745.000đ x 1.616 buổi, phim thiếu nhi 126 buổi x 2.637.000đ + cấp bù kinh phí các buổi chiếu phim do nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương: 86 triệu.	4.854	4.854	-			4.854	4.854	-									4.854
Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	3.776	3.776	-			3.776	1.476	2.300									3.776
Chi định mức	1.476	1.476	-			1.476	1.476	-									1.476
Chi nghiệp vụ	300	300	-			300		300									300
Kinh phí chương trình xúc tiến du lịch tỉnh Phú Thọ năm 2017.	1.500	1.500	-			1.500		1.500									1.500
Biên tập, in ấn phát hành Bản tin Du lịch Phú Thọ + in tờ rơi, tờ gấp quảng bá du lịch Phú Thọ	300	300	-			300		300									300
Sửa chữa, mua sắm tài sản	200	200	-			200		200									200
Trung tâm dịch vụ môi trường và Hạ tầng kỹ thuật khu Di tích lịch sử Đền Hùng	1.420	1.420	-			1.420	820	600									1.420
Chi định mức;	820	820	-			820	820	-									820
Kinh phí duy tu, bảo dưỡng 20km đường thuộc Khu di tích lịch sử Đền Hùng quản lý.	600	600	-			600		600									600
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	51.874	51.874	-			51.874	26.904	24.970	6.430								
Chi quản lý nhà nước	6.430	6.430	-			6.430	5.600	830	6.430								
Chi định mức	5.600	5.600	-			5.600	5.600	-	5.600								
Chi hoạt động tuyên truyền chính sách người có công, bảo trợ xã hội ...	330	330	-			330		330	330								
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-			500		500	500								
Trung tâm Trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần	8.326	8.326	-			8.326	7.626	700									
Chi định mức	4.200	4.200	-			4.200	4.200	-									
Chi phụ cấp trực theo QĐ 73/2011/QĐ-TTg	426	426	-			426	426	-									
Trợ cấp các đối tượng theo ND 136/2013/NĐ-CP.	3.000	3.000	-			3.000	3.000	-									

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																				
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																				
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên theo lĩnh vực					QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTT		
			Tổng cộng	Tổng số	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn tài trợ tập trung	Chi đầu tư từ nguồn bổ chi ngân sách địa phương	Tổng số	Định mức	Nhiệm vụ												
-	Chi tuyên truyền tư vấn cho người tâm thần dựa vào cộng đồng.	300	300	-							300	300										
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400	400	-							400	400										
*	Trung tâm giáo dục Lao động xã hội	9.084	9.084	-							9.084	8.684	400									
-	Chi định mức	5.200	5.200	-							5.200	5.200	-									
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù (theo TT số 18/2004/TT-BLĐTBXH; QĐ số 4115/QĐ-UBND).	884	884	-							884	884	-									
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400	400	-							400	400										
-	Kinh phí tổ chức cai nghiện cho đối tượng ma tuý tại trung tâm.	2.600	2.600	-							2.600	2.600	-									
*	Trung tâm điều dưỡng người có công	5.644	5.644	-							5.644	4.944	700									
-	Chi định mức	4.800	4.800	-							4.800	4.800	-									
-	Chi phụ cấp trực theo QĐ 73/2011/QĐ-TTg	144	144	-							144	144	-									
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400	400	-							400	400										
-	Chi hỗ trợ đưa người có công đi điều dưỡng tập trung	300	300	-							300	300										
*	Nhiệm vụ ngành	600	600	-							600	600										
*	Thu gom các đối tượng lang thang	100	100	-							100	100										
*	Mai táng phí cựu Cựu chiến binh, thanh niên xung phong, quân nhân, dân công hỏa tuyến ... theo chế độ.	12.000	12.000	-							12.000	12.000										
*	Chi công tác an toàn vệ sinh lao động + phòng chống cháy nổ	200	200	-							200	200										
*	Các đoàn đi thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ	600	600	-							600	600										
*	Chi quà các đối tượng chính sách tết +27/7+bảo	1.100	1.100	-							1.100	1.100										
*	Hoạt động của ban chỉ đạo giải quyết việc làm	200	200	-							200	200										
*	Hỗ trợ hoạt động xuất khẩu lao động và tuyên truyền về xuất khẩu lao động	500	500	-							500	500										
*	Kinh phí chi công tác tuyên truyền, kiểm tra giám sát thực hiện đề án công tác xã hội	70	70	-							70	70										
*	Đưa đón các đối tượng đi điều dưỡng	400	400	-							400	400										
*	Kinh phí kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ 27/7	500	500	-							500	500										
*	Thu thập, xử lý thông tin cung cấp lao động	350	350	-							350	350										
*	Kinh phí thực hiện đề án trợ giúp người khuyết tật	100	100	-							100	100										
*	Chi rà soát hộ nghèo (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)	250	250	-							250	250										
*	Chi ban chỉ đạo giảm nghèo	100	100	-							100	100										
*	Chi tổ chức hội thi giáo viên dạy nghề.	500	500	-							500	500										
*	Chi hoạt động của hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp lao động, hội nghị tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện bộ luật lao động tại các doanh nghiệp.	200	200	-							200	200										
*	Kinh phí thực hiện chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020; Chi nghiệp vụ chăm sóc trẻ em.	500	500	-							500	500										



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cần đối ngân sách

Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cần đối ngân sách																		
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực														
			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH			
				Chi đầu tư từ XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ											
Kinh phí thực hiện quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 phê duyệt chương trình hành động vì trẻ em Phú Thọ giai đoạn 2013-2020	200	200	-				200													
Kinh phí thực hiện QĐ số 234/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 của Thủ tướng CP về chương trình phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em GD 2016-2020; Triển khai KH số 3673/KH-UBND ngày 29/8/2016 về phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em tỉnh Phú Thọ, GD 2016-2020.	200	200	-				200													
Chi hoạt động bình đẳng giới và Ban chỉ đạo vì sự tiến bộ của phụ nữ	450	450	-				450													
Kinh phí thực hiện đề án 647/QĐ-TTg về chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt giai đoạn 2014-2020	300	300	-				300													
Chi các ban chỉ đạo các chương trình của ngành (người cao tuổi; dạy nghề; ...)	300	300	-				300													
Kinh phí chi cho các hoạt động quản lý đối tượng bảo trợ xã hội	200	200	-				200													
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	100	100	-				100	50	50											
Hỗ trợ kinh phí tiền ăn và tiền đi lại cho trẻ em phẫu thuật tìm bầm sinh	50	50	-				50		50											
Kinh phí xây dựng công trình Kho lưu trữ và quản lý hồ sơ Người có công với cách mạng.	1.070	1.070	-				1.070		1.070											
Các nhiệm vụ phát sinh khác	600	600	-				600		600											
Kinh phí quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Phú Thọ.	200	200	-				200		200											
Kinh phí tổ chức mở các lớp kỹ năng nghề	150	150	-				150		150											
Kinh phí thực hiện KH số 87/KH-UBND ngày 12/01/2015 về Trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; KH số 880/KH-UBND về thúc đẩy sự tham gia của Trẻ em, GD 2016-2020.	300	300	-				300		300											
Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội	2.418	2.418	-				2.418	1.368	1.050	1.868										
Chi định mức	1.368	1.368	-				1.368	1.368	-	1.368										
Chi nghiệp vụ tuyên truyền về phòng chống tệ nạn xã hội.	300	300	-				300		300											
Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	200	200	-				200		200	200										
Hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình phòng chống ma túy; Công tác phòng chống ma túy.	500	500	-				500		500											
Hoạt động nghiệp vụ tiếp nhận phụ nữ và trẻ em từ nước ngoài về.	50	50	-				50		50											

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Chi cân đối ngân sách															
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
			Tổng cộng	Mã số	Chi đầu tư từ nguồn thu ưu đãi	Chi từ nguồn quỹ chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTT
								Định mức	Nhiệm vụ								
59	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Phú Thọ	500	500	-	-	-	500	300	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Định mức	300	300	-	-	-	300	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí vận động tài trợ + tổ chức lễ trao quà và nghiệp vụ	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
60	Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy	2.749	2.749	-	-	-	2.749	2.549	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Định mức	1.300	1.300	-	-	-	1.300	1.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù (theo QĐ số 73/2011/QĐ-TTg; QĐ số 4115/QĐ-UBND).	272	272	-	-	-	272	272	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi chế độ cho đối tượng sau cai nghiện theo TT 121/2010/TTLT BTC-BLĐT BXH ngày 12/8/2010.	977	977	-	-	-	977	977	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
61	Ban Quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ	5.704	5.704	-	-	-	5.704	3.504	2.200	5.704	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế	3.164	3.164	-	-	-	3.164	3.164	-	3.164	-	-	-	-	-	-	-
-	Định mức biên chế sự nghiệp	340	340	-	-	-	340	340	-	340	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi lập quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp + chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý khu Công nghiệp	800	800	-	-	-	800	-	800	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
62	Sở Thông tin và truyền thông	8.815	8.815	-	-	-	8.815	5.137	3.678	8.815	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế	3.729	3.729	-	-	-	3.729	3.729	-	3.729	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nhuận bút và nghiệp vụ phục vụ chuyên môn công giao tiếp điện tử	1.668	1.668	-	-	-	1.668	1.368	300	1.668	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí duy trì trung tâm tích hợp dữ liệu	350	350	-	-	-	350	-	350	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ.	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí thực hiện kế hoạch tổng thể tuyên truyền bảo vệ chủ quyền của Việt nam ở biển Đông.	450	450	-	-	-	450	-	450	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí thực hiện đề án số 3935/ĐA-UBND ngày 05/10/2012 của UBND tỉnh về đề án phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tập huấn, bồi dưỡng để nâng cấp đại truyền thanh theo kế hoạch số 3885/KH-UBND ngày 24/9/2013 của UBND tỉnh	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tuyên truyền quảng bá hình ảnh của Phú Thọ trên các loại hình thông tin của Thông tấn xã Việt Nam (theo thỏa thuận giữa Chủ tịch UBND tỉnh với Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam ngày 03/6/2015).	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-

T	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Chi cân đối ngân sách															
		Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TĐTT	P.TTH
Chi đầu tư từ XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Định mức		Nghiệp vụ									
	Chi nghiệp vụ công tác báo chí, xuất bản, bưu chính viễn thông, công tác thanh tra kiểm tra về lĩnh vực thông tin truyền thông	500	500	-				500	-	500	500						
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	80	80	-				80	40	40	80						
	Kinh phí xây dựng phương án và thực hiện điều tra, khảo sát, kiểm tra, giám sát và xác nhận hỗ trợ đầu thu truyền hình kỹ thuật số mặt đất đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo QĐ số 2451/QĐ-TTg ngày 27/12/2011; TT số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30/3/2016).	150	150	-				150	-	150	150						
	Quy hoạch phát triển Công nghệ thông tin.	258	258	-				258	-	258	258						
	Chi nghiệp vụ ngành.	330	330	-				330	-	330	330						
3	Chi cục quản lý thị trường	13.424	13.424	-				13.424	11.834	1.590	13.424						
	Chi theo định mức	11.834	11.834	-				11.834	11.834	-	11.834						
	Chi trang phục ngành.	300	300	-				300	-	300	300						
	Thuê trụ sở làm việc của đội Quản lý thị trường Yên Lập	90	90	-				90	-	90	90						
	Kinh phí hoạt động của ban chỉ đạo 389	200	200	-				200	-	200	200						
	Mua sắm + sửa chữa tài sản	500	500	-				500	-	500	500						
	Chi tổ chức tuyên truyền, triển khai, tập huấn pháp lệnh quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH ngày 08/3/2016 và nghiệp vụ.	300	300	-				300	-	300							
	Mua ấn chi Quản lý thị trường hàng năm	200	200	-				200	-	200	200						
4	Sở Ngoại vụ	5.030	5.030	-				5.030	2.270	2.760	5.030						
	Định mức	2.260	2.260	-				2.260	2.260	-	2.260						
	Chi tiếp đón các đoàn khách đến làm việc tại tỉnh	700	700	-				700	-	700	700						
	Chi thuê phiến dịch các đoàn khách, thuê dịch tài liệu, văn bản đối ngoại xúc tiến đầu tư	300	300	-				300	-	300	300						
	Chi tiền sách, báo truyền thông đối ngoại; in công văn, thiệp ngoại giao, chúc mừng các đại sứ ngày Quốc khánh	300	300	-				300	-	300	300						
	Chi mở lớp tập huấn về công tác đối ngoại	150	150	-				150	-	150	150						
	Chi hoạt động nghiệp vụ	300	300	-				300	-	300	300						
	Chi duy trì hoạt động trang Web; xuất bản bản tin đối ngoại	700	700	-				700	-	700	700						
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	20	20	-				20	10	10	20						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300	-	300	300						
5	Chi cục Văn thư lưu trữ	6.942	6.942	-				6.942	2.342	4.400	6.942						
	Chi định mức	2.242	2.242	-				2.242	2.242	-	2.242						
	Kinh phí nghiệp vụ lưu trữ	400	400	-				400	-	400	400						

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
			Tổng cộng	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Chi đầu tư từ nguồn khác	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	P
									Định mức	Nghiệp vụ								
Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Chi đầu tư từ nguồn khác	Tổng số	Định mức	Nghiệp vụ	QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TĐĐT	P		
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác văn thư lưu trữ.	400	400	-	-	-	400	-	400	400	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí chi cải tạo hệ thống cửa nhà làm việc, kho lưu trữ lịch sử, cải tạo bếp cũ thành kho để tài liệu và một số hạng mục khác.	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí vệ sinh kho bảo quản và vệ sinh tài liệu lưu trữ trên nền giấy theo Thông tư 15/2011/TT-BNV.	300	300	-	-	-	300	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí mua thuốc chống mối, khử trùng kho lưu trữ.	600	600	-	-	-	600	-	600	600	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi tập huấn công tác văn thư lưu trữ	300	300	-	-	-	300	-	300	300	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí thực hiện tạo lập, chuyển đổi, số hóa thông tin tài liệu của văn phòng HĐND và UBND tỉnh (dữ liệu điện tử).	700	700	-	-	-	700	-	700	700	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí chỉnh lý tài liệu còn tồn đọng tại các sở ngành, UBND các huyện.	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-	
66	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp.	7.196	7.196	-	-	-	7.196	2.160	5.036	6.260	-	-	936	-	-	-	-	
-	Chi định mức	2.160	2.160	-	-	-	2.160	2.160	-	2.160	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi sự nghiệp khuyến công tỉnh Phú Thọ.	3.000	3.000	-	-	-	3.000	-	3.000	3.000	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	200	200	-	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.	200	200	-	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi nghiệp vụ khuyến công	200	200	-	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí đào tạo	936	936	-	-	-	936	-	936	936	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	500	500	-	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-	
67	Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp	1.558	1.558	-	-	-	1.558	1.558	-	1.558	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1.558	1.558	-	-	-	1.558	1.558	-	1.558	-	-	-	-	-	-	-	
68	Trung tâm tư vấn đầu tư và dịch vụ Khu công nghiệp	600	600	-	-	-	600	600	-	600	-	-	-	-	-	-	-	
69	Trung tâm quy hoạch xây dựng Phú Thọ	1.224	1.224	-	-	-	1.224	1.224	-	1.224	-	-	-	-	-	-	-	
70	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Phú Thọ (Sở Xây dựng)	864	864	-	-	-	864	864	-	864	-	-	-	-	-	-	-	
71	Trung tâm thông tin tư vấn tài sản và Dịch vụ Tài chính	2.566	2.566	-	-	-	2.566	1.066	1.500	2.566	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1.066	1.066	-	-	-	1.066	1.066	-	1.066	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	200	200	-	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi tuyên truyền, tập huấn, cập nhật các chính sách kế toán tài chính, quản lý tài sản công	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-	
-	Xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2017	200	200	-	-	-	200	-	200	200	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi nghiệp vụ.	100	100	-	-	-	100	-	100	100	-	-	-	-	-	-	-	
72	Trung tâm xúc tiến đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư)	2.376	2.376	-	-	-	2.376	1.476	900	2.376	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1.476	1.476	-	-	-	1.476	1.476	-	1.476	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với tỉnh + chi nghiệp vụ	400	400	-	-	-	400	-	400	400	-	-	-	-	-	-	-	

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi thường xuyên theo lĩnh vực														
		Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PITTH
			Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	300	300	-		300		300	300								
Phát hành bản tin Xúc tiến đầu tư	200	200	-		200		200	200								
Ban quản lý dự án Văn hoá thể thao và du lịch	1.030	1.030	-		1.030	680	350	1.030								
Chi định mức	680	680	-		680	680	-	680								
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản + Nghiệp vụ	350	350	-		350		350	350								
Quỹ phát triển đất tỉnh Phú Thọ	590	590	-		590	340	250	590								
Chi định mức biên chế	340	340	-		340	340	-	340								
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	50	50	-		50		50	50								
Chi nghiệp vụ + Phụ cấp cán bộ kiêm nhiệm	200	200	-		200		200	200								
Trung tâm Công nghệ thông tin Tây bắc	1.620	1.620	-		1.620	820	800	1.620								
Chi định mức biên chế	820	820	-		820	820	-	820								
Mua sắm + sửa chữa tài sản	200	200	-		200		200	200								
Chi triển khai công tác ứng cứu khẩn cấp sự cố máy tính và mạng máy tính trong tỉnh và chi nghiệp vụ:	300	300	-		300		300	300								
Chi bổ sung hoạt động theo tiêu chí trung tâm vùng	300	300	-		300		300	300								
Phòng công chứng số 1	600	600	-		600	600	-	600								
Phòng công chứng số 2	450	450	-		450	450	-	450								
Trung tâm trợ giúp pháp lý:	2.660	2.660	-		2.660	1.760	900	2.660								
Chi định mức biên chế	1.760	1.760	-		1.760	1.760	-	1.760								
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản + Máy trang phục cho trợ giúp viên pháp lý.	200	200	-		200		200	200								
Chi trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.	200	200	-		200		200	200								
Chi công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý; Chi trợ giúp pháp lý lưu động và các nghiệp vụ khác	500	500	-		500		500	500								
Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản:	475	475	-		475	375	100	475								
Văn phòng Ban an toàn giao thông tỉnh.	1.066	1.066	-		1.066	1.066	-	1.066								
Ban quản lý dự án xây dựng và bảo trì công trình giao thông	340	340	-		340	340	-	340								
Trung tâm Công Giao tiếp điện tử Phú Thọ (Số Thông tin và Truyền thông)	1.812	1.812	-		1.812	1.312	500	1.812								
Chi định mức	1.312	1.312	-		1.312	1.312	-	1.312								
Chi đảm bảo an toàn an ninh thông tin mạng	100	100	-		100		100	100								
Chi hoạt động nghiệp vụ công giao tiếp điện tử.	200	200	-		200		200	200								
Mua sắm tài sản	200	200	-		200		200	200								
Trung tâm Thông tin tư vấn và Dịch vụ đối ngoại (Số Ngoại vụ).	1.802	1.802	-		1.802	902	900	1.802								
Chi định mức	902	902	-		902	902	-	902								
Chi mua sắm tài sản	200	200	-		200		200	200								
Chi hoạt động trang thông tin đối ngoại.	100	100	-		100		100	100								
Kinh phí thực hiện vận động tài trợ của các tổ chức phi chính phủ.	300	300	-		300		300	300								



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

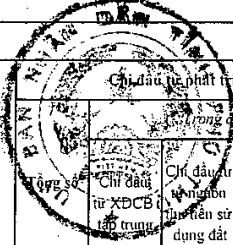
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
			Tổng cộng	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Chi đầu tư mua sắm tài sản	Chi đầu tư mua sắm phương tiện vận tải	Chi đầu tư mua sắm trang thiết bị	Tổng số	Bao gồm:		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	P
									Định mức	Nhiệm vụ								
-	Chi nghiệp vụ: Thông tin, tư vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, ... về hoạt động đối ngoại.	300	300	-	-	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-
84	Trung tâm xúc tiến thương mại (Sở Công thương)	2.730	2.730	-	-	-	2.730	1.230	1.500	2.730	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.230	1.230	-	-	-	1.230	1.230	-	1.230	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi xây dựng tài liệu xúc tiến thương mại	200	200	-	-	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi tham gia hội trợ xúc tiến thương mại các tỉnh; hỗ trợ chương trình đưa hàng Việt về nông thôn...	300	300	-	-	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi thực hiện Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh giai đoạn 2016-2020	500	500	-	-	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp giai đoạn 2017-2020; hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến xuất khẩu...	200	200	-	-	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
85	Văn phòng tỉnh uỷ	57.793	57.793	-	-	-	57.793	7.289	50.504	-	57.793	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi của Văn phòng tỉnh uỷ	10.262	10.262	-	-	-	10.262	7.289	2.973	-	10.262	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	6.890	6.890	-	-	-	6.890	6.890	-	6.890	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Phụ cấp cấp uỷ theo QĐ169 (55 BCH đảng bộ tỉnh)	399	399	-	-	-	399	399	-	399	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ công nghệ thông tin	250	250	-	-	-	250	-	-	250	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nghiệp vụ về tài chính đảng	100	100	-	-	-	100	-	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mở các lớp tập huấn nghiệp vụ (công tác tài chính đảng; Công nghệ thông tin lễ tân, khánh tiết; công tác văn thư, lưu trữ).	300	300	-	-	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	800	800	-	-	-	800	-	300	300	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi tiền ăn và các chế độ cho 3 cán bộ cơ yếu + trang phục cán bộ nghiệp vụ lễ tân	103	103	-	-	-	103	-	800	800	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi tuyên truyền phổ biến pháp luật, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo	120	120	-	-	-	120	-	103	103	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức đi học tập trao đổi kinh nghiệm	300	300	-	-	-	300	-	120	120	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Mua sắm sửa chữa tài sản	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	300	300	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi nghiệp vụ khối Đảng	38.631	38.631	-	-	-	38.631	-	1.000	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-
-	Chi tặng thưởng đảng bộ trong sạch, vững mạnh	500	500	-	-	-	500	-	38.631	38.631	-	38.631	-	-	-	-	-	-
-	Chi duy trì cảnh quan môi trường tỉnh uỷ	2.000	2.000	-	-	-	2.000	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	300	300	-	-	-	300	-	2.000	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	-
-	Chi học tập nghị quyết Trung ương + Tỉnh.	3.000	3.000	-	-	-	3.000	-	300	300	-	300	-	-	-	-	-	-
-	Chi khen thưởng của khối tỉnh uỷ	2.000	2.000	-	-	-	2.000	-	3.000	3.000	-	3.000	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động các ban chỉ đạo của Tỉnh uỷ	900	900	-	-	-	900	-	2.000	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	-
-	Chi tiếp các đoàn khách đến thăm và làm việc với tỉnh	1.500	1.500	-	-	-	1.500	-	900	900	-	900	-	-	-	-	-	-
-	Chi đưa đón cán bộ lao thành cách mạng đi tham quan nghỉ mát	500	500	-	-	-	500	-	1.500	1.500	-	1.500	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động của Thường trực Tỉnh uỷ + Ban Thường vụ.	4.500	4.500	-	-	-	4.500	-	500	500	-	500	-	-	-	-	-	-
-	Chi tặng huy hiệu 40,50,60... năm tuổi Đảng	17.251	17.251	-	-	-	17.251	-	4.500	4.500	-	4.500	-	-	-	-	-	-
							17.251		17.251									



T	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														
		Chi cân đối ngân sách														
		Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT
Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Định mức		Nghiệp vụ								
	Chi xây dựng thẩm định đề án, văn bản, báo cáo trình Ban chấp hành, Ban thường vụ tỉnh ủy	2.000	2.000	-				2.000		2.000						
	Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 148-KH/TU về Công nghệ thông tin	680	680	-			680		680							
	Chi các cuộc kiểm tra theo chương trình của tỉnh ủy	300	300	-			300		300							
	Các nhiệm vụ phát sinh khỏi tỉnh ủy	3.200	3.200	-			3.200		3.200							
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên khỏi tỉnh ủy	2.500	2.500	-			2.500		2.500							
	Chi bảo trì mạng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy	400	400	-			400		400							
	Chi sửa chữa trụ sở làm việc của Tỉnh ủy	6.000	6.000	-			6.000		6.000							
5	Ban Tổ chức	10.279	10.279	-			10.279	4.680	5.599		10.279					
	Chi theo định mức	4.680	4.680	-			4.680	4.680	-		4.680					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300		300		300					
	Chi nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng	350	350	-			350		350		350					
	Chi dưỡng sức thăm hỏi	4.949	4.949	-			4.949		4.949		4.949					
7	Ban Tuyên giáo	7.520	7.520	-			7.520	4.410	3.110		7.520					
	Chi theo định mức	4.160	4.160	-			4.160	4.160	-		4.160					
	Chi hoạt động trung tâm, báo cáo viên, tuyên truyền viên: 200 triệu; Chi Ban chỉ đạo, bộ phận giúp việc cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: 400tr.	600	600	-			600	-	600		600					
	Kinh phí thực hiện các hội nghị giao ban ngành tuyên giáo: 100 triệu; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ tuyên giáo cấp huyện: 40 triệu.	140	140	-			140	-	140		140					
	Kinh phí thực hiện đề án 01 về tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội tỉnh	250	250	-			250	-	250		250					
	Chi thông tin sinh hoạt chi bộ, tuyên truyền viên	850	850	-			850	-	850		850					
	Phụ cấp báo cáo viên theo hướng dẫn 06-HD/BTCTW-BTGTW	119	119	-			119	119	-		119					
	Phụ cấp công tác viên dư luận xã hội theo Hướng dẫn số 06-HD/BTGTW	131	131	-			131	131	-		131					
	Chi thực hiện đề án 04/TU về nâng cao chất lượng tuyên truyền miệng	170	170	-			170	-	170		170					
	Kinh phí tổ chức các đợt học Nghị quyết + chuyên đề	300	300	-			300	-	300		300					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300	-	300		300					
	Chi Ban chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại	200	200	-			200	-	200		200					
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	300	300	-			300	-	300		300					
8	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	5.780	5.780	-			5.780	4.160	1.620		5.780					
	Chi theo định mức	4.160	4.160	-			4.160	4.160	-		4.160					
	Hội nghị triển khai công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2015-2020	70	70	-			70	-	70		70					

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
			Tổng cộng	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Chi đầu tư mua sắm tài sản	Chi đầu tư mua sắm phương tiện vận tải	Chi đầu tư mua sắm dụng cụ	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTT
							Định mức	Nhiệm vụ										
-	Chi công tác phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy và các ban xây dựng đảng tỉnh, Toà án tỉnh, Viện Kiểm sát tỉnh ...	300	300	-	-	-	-	-	300		300		300					
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	300	300	-	-	-	-	-	300		300		300					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	-	-	300		300		300					
-	Chi thực hiện công tác kiểm tra, tập huấn, giám sát của 11 thành viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.	450	450	-	-	-	-	-	450		450		450					
-	Chi công tác xuất bản báo tin công tác kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy Phú Thọ.	200	200	-	-	-	-	-	200		200		200					
89	Ban Dân vận	4.560	4.560	-	-	-	-	-	4.560	2.860	1.700	-	4.560	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	2.860	2.860	-	-	-	-	-	2.860	2.860	-	-	2.860	-	-	-	-	-
-	Mua tạp chí Dân vận, báo tin tôn giáo	100	100	-	-	-	-	-	100		100		100					
-	Chi hoạt động Ban chỉ đạo của đảng về Quy chế dân chủ, công tác tôn giáo;	400	400	-	-	-	-	-	400		400		400					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	-	-	300		300		300					
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	200	200	-	-	-	-	-	200		200		200					
-	Chi xây dựng, biên tập, in ấn phát hành cuốn: Thông tin công tác dân vận tỉnh Phú Thọ	350	350	-	-	-	-	-	350		350		350					
-	Chi tổ chức các hội nghị; Thực hiện các nghị quyết, Quyết định, Chương trình của tỉnh ủy về công tác dân vận	250	250	-	-	-	-	-	250		250		250					
-	Chi hoạt động của Ban chỉ đạo điều hành phối hợp hoạt động công tác dân vận.	100	100	-	-	-	-	-	100		100		100					
90	Báo Phú Thọ	14.518	14.518	-	-	-	-	-	14.518	5.455	9.063	-	14.518	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	5.200	5.200	-	-	-	-	-	5.200	5.200	-	-	5.200	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ chi 3 hợp đồng theo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy	255	255	-	-	-	-	-	255	255	-	-	255	-	-	-	-	-
-	Xuất bản đặc san tin ảnh Phú Thọ miền núi	600	600	-	-	-	-	-	600		600		600					
-	Chi nhuận bút các loại báo + Báo biểu (Báo thường 330 tờ x 260 ký x 1200đ; Báo cuối tuần 330 tờ x 51 ký x 1800 đồng)	5.247	5.247	-	-	-	-	-	5.247		5.247		5.247					
-	In màu trang 1 và trang 4 (7.454 tờ x 5 số /tuần x 52 tuần x 396 đồng / tờ )	767	767	-	-	-	-	-	767		767		767					
-	Bổ sung kinh phí cước phát hành các ấn phẩm Báo Phú Thọ	1.548	1.548	-	-	-	-	-	1.548		1.548		1.548					
-	Chi hỗ trợ tổ chức kỷ niệm 55 năm ngày xuất bản số đầu tiên và in sách những tác phẩm xuất sắc của phòng viên Báo Phú Thọ + Tổ chức hội thảo báo Đảng các tỉnh phía bắc.	300	300	-	-	-	-	-	300		300		300					
-	Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư dùng cho công tác chế bản.	600	600	-	-	-	-	-	600		600		600					
91	Ban Nội chính	4.730	4.730	-	-	-	-	-	4.730	2.730	2.000	-	4.730	-	-	-	-	-



T	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách														
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
Chi đầu tư XD CB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Định mức	Nghiệp vụ													
	Chi theo định mức	2.730	2.730	-			2.730	2.730	-		2.730	-					
	Mở các lớp tập huấn tuyên truyền về phòng chống tham nhũng tại các huyện, thành, thị	100	100	-			100		100		100	-					
	Chi nghiệp vụ công tác xây dựng đảng	200	200	-			200		200		200	-					
	Chi tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật + Chi xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, tiếp công dân	200	200	-			200		200		200	-					
	Nâng cấp và duy trì trang thông tin điện tử	100	100	-			100		100		100	-					
	Chi hoạt động của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp tỉnh	300	300	-			300		300		300	-					
	Biên tập, in ấn, phát hành cuốn Bản tin Nội chính và Phòng chống tham nhũng	250	250	-			250		250		250	-					
	Chi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát về lĩnh vực nội chính và Phòng chống tham nhũng	150	150	-			150		150		150	-					
	Mua tin tố cáo về tham nhũng	100	100	-			100		100		100	-					
	Chi thực hiện các cuộc kiểm tra, rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội của Ban thường vụ Tỉnh ủy.	300	300	-			300		300		300	-					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300		300		300	-					
2	Đảng uỷ khởi các cơ quan tỉnh	7.227	7.227	-			7.227	3.147	4.080	-	7.227	-					
	Chi theo định mức	2.990	2.990	-			2.990	2.990	-		2.990	-					
	Chi phụ cấp cấp uỷ theo QĐ169-QĐ/TW	157	157	-			157	157	-		157	-					
	Chi khen thưởng cơ sở	120	120	-			120		120		120	-					
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới ..., chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng)	400	400	-			400		400		400	-					
	Chi hoạt động Ban chỉ đạo cơ quan văn hoá quy chế dân chủ, học tập tâm gương đạo đức Hồ Chí Minh; xã hội hoá học tập	100	100	-			100		100		100	-					
	Hoạt động của hội Cựu chiến binh.	70	70	-			70		70		70	-					
	Hoạt động của Đoàn thanh niên	70	70	-			70		70		70	-					
	Hoạt động của Công đoàn viên chức	70	70	-			70		70		70	-					
	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW, Tỉnh và của Đảng uỷ khởi.	200	200	-			200		200		200	-					
	Chi xây dựng, thẩm định đề án, các báo cáo... trình Ban chấp hành, Ban thường vụ theo quy định số 12-QĐ/TU ngày 07/10/2010 của Tỉnh uỷ	100	100	-			100		100		100	-					
	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin	70	70	-			70		70		70	-					
	Ch cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU	80	80	-			80		80		80	-					
	Mua sắm và sửa chữa tài sản	300	300	-			300		300		300	-					
	Chi mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở + Tổ chức hội nghị báo cáo viên giỏi năm 2017.	200	200	-			200		200		200	-					
	Kinh phí tổ chức đại hội Cựu chiến binh khởi lần thứ V (Nhiệm kỳ 2017-2022).	300	300	-			300		300		300	-					

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách															
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TĐTT	PTTH
			Tổng cộng	Tổng cấp	Chi đầu tư từ XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn ưu tiên sử dụng đất		Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Định mức								
-	Kinh phí tổ chức đại hội Đoàn Thanh niên khối lần thứ IX (Nhiệm kỳ 2017-2022).	300	300	-	-	-	-	300	300	300	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức đại hội Công đoàn viên chức (Nhiệm kỳ 2017-2022).	100	100	-	-	-	-	100	100	100	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí xây dựng kho lưu trữ.	1.500	1.500	-	-	-	-	1.500	1.500	1.500	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4	100	100	-	-	-	-	100	100	100	-	-	-	-	-	-	-
93	Đang uỷ khởi doanh nghiệp	6.974	6.974	-	-	-	-	6.974	4.374	2.600	-	6.974	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	2.990	2.990	-	-	-	-	2.990	2.990	-	-	2.990	-	-	-	-	-
-	Chi phụ cấp cấp uỷ theo 169 của các doanh nghiệp trực thuộc	1.384	1.384	-	-	-	-	1.384	1.384	-	-	1.384	-	-	-	-	-
-	Chi khen thưởng cơ sở	120	120	-	-	-	-	120	120	-	-	120	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cán tỉnh đảng và lớp Đảng viên mới ..., chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng).	400	400	-	-	-	-	400	400	-	-	400	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động Ban chỉ đạo cơ quan văn hoá quy chế dân chủ, học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, xã hội hoá học tập, Ban chỉ đạo phát triển tổ chức đảng trong Doanh nghiệp	100	100	-	-	-	-	100	100	-	-	100	-	-	-	-	-
-	Hoạt động của hội Cựu chiến binh	70	70	-	-	-	-	70	70	-	-	70	-	-	-	-	-
-	Hoạt động của Đoàn thanh niên	70	70	-	-	-	-	70	70	-	-	70	-	-	-	-	-
-	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW, Tỉnh và đảng bộ khối.	200	200	-	-	-	-	200	200	-	-	200	-	-	-	-	-
-	Chi xây dựng, thẩm định đề án, các báo cáo ... trình BCH, BTV theo quy định số 12-QĐ/TU ngày 07/10/2010 của Tỉnh uỷ	100	100	-	-	-	-	100	100	-	-	100	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin	70	70	-	-	-	-	70	70	-	-	70	-	-	-	-	-
-	Cho cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU	80	80	-	-	-	-	80	80	-	-	80	-	-	-	-	-
-	Chi mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở	160	160	-	-	-	-	160	160	-	-	160	-	-	-	-	-
-	Mua sắm và sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	-	300	300	-	-	300	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức đại hội Cựu chiến binh khối lần thứ III (Nhiệm kỳ 2017-2022).	240	240	-	-	-	-	240	240	-	-	240	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức đại hội Đoàn Thanh niên khối lần thứ III (Nhiệm kỳ 2017-2022).	280	280	-	-	-	-	280	280	-	-	280	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Đảng bộ khối doanh nghiệp.	250	250	-	-	-	-	250	250	-	-	250	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức hội nghị Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam (30 triệu); tổ chức hội nghị đối thoại giữa Doanh nghiệp với Lãnh đạo UBND tỉnh (30 triệu).	60	60	-	-	-	-	60	60	-	-	60	-	-	-	-	-
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4	100	100	-	-	-	-	100	100	-	-	100	-	-	-	-	-
94	Ban Bảo vệ sức khoẻ	9.144	9.144	-	-	-	-	9.144	4.594	4.550	-	-	-	-	9.144	-	-



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi thường xuyên theo lĩnh vực														
		Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
			Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bổ sung ngân sách địa phương		Định mức	Nhiệm vụ								
Chi định mức	1.300	1.300	-	-	-	1.300	1.300	-	-	-	-	1.300	-	-	-	-
Chi định mức sự nghiệp	3.250	3.250	-	-	-	3.250	3.250	-	-	-	-	3.250	-	-	-	-
Chi khám sức khỏe định kỳ	600	600	-	-	-	600	-	600	-	-	-	600	-	-	-	-
Môi giáo sư hội chẩn	650	650	-	-	-	650	-	650	-	-	-	650	-	-	-	-
Chi trợ cấp thường xuyên đối với Cán bộ nguyên UVTU đảng khoá II,III và cán bộ hoạt động Cách mạng trước 01/1/1945 bị bệnh hiểm nghèo	44	44	-	-	-	44	44	-	-	-	-	44	-	-	-	-
Sửa chữa nhà làm việc thành khu điều trị	2.000	2.000	-	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	2.000	-	-	-	-
Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	300	-	-	-	-
Hỗ trợ kinh phí chi tiền thuốc khám chữa bệnh	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-
Tình đoàn thanh niên	7.564	7.564	-	-	-	7.564	4.514	3.050	-	-	7.564	-	-	-	-	-
Chi định mức	4.514	4.514	-	-	-	4.514	4.514	-	-	-	4.514	-	-	-	-	-
Kinh phí tập huấn nghiệp vụ, tài liệu tuyên truyền	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-
Kinh phí mua báo Tiền phong + tạp chí Thanh niên	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
Kinh phí tổ chức các chiến dịch + các chương trình và các hoạt động trong thanh niên.	800	800	-	-	-	800	-	800	-	-	800	-	-	-	-	-
Chi hoạt động nghiệp vụ khác.	450	450	-	-	-	450	-	450	-	-	450	-	-	-	-	-
Kinh phí hoạt động của Hội sinh viên tỉnh Phú Thọ	100	100	-	-	-	100	-	100	-	-	100	-	-	-	-	-
Kinh phí tổ chức Đại hội Đoàn TNCSHCM tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2017-2022.	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-	-
Kinh phí thực hiện Kế hoạch 3965/KH-UBND tỉnh 18/9/2014 về Đoàn thanh niên tham gia đảm bảo trật tự ATGT - giai đoạn 2014-2017; Kế hoạch 3966/KH-UBND 18/9/2014 về Đoàn Thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020.	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-
Hội liên hiệp thanh niên	982	982	-	-	-	982	732	250	-	-	982	-	-	-	-	-
Chi định mức	732	732	-	-	-	732	732	-	-	-	732	-	-	-	-	-
Chi các hoạt động nghiệp vụ (Đã bao gồm kinh phí sơ kết giữa nhiệm kỳ; tổ chức các hoạt động chào mừng Đại hội đoàn các cấp và tham gia các hoạt động do Trung ương tổ chức).	250	250	-	-	-	250	-	250	-	-	250	-	-	-	-	-
Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên Hùng Vương	1.776	1.776	-	-	-	1.776	976	800	-	-	1.776	-	-	-	-	-
Chi định mức	976	976	-	-	-	976	976	-	-	-	976	-	-	-	-	-
Chi sửa chữa + mua sắm tài sản	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
Kinh phí thực hiện chương trình ngày hội thanh niên đất tổ; Tham gia chương trình hoạt động của Trung ương đoàn; Tham gia liên hoan văn hóa, văn nghệ các trung tâm khu vực phía bắc; Tổ chức hội nghị lãnh đạo các trung tâm và nhà văn hóa Thanh thiếu niên khu vực phía bắc tại Phú Thọ theo chương trình của Trung tâm Thanh thiếu niên trung ương.	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																		
		Chi cân đối ngân sách														Chi thường xuyên theo lĩnh vực				
		Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTT
				Tổng số	Chi đầu tư tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương				Định mức	Nghiệp vụ								
-	Kinh phí tổ chức tập huấn cho cán bộ đoàn, đội, hội.	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	200	-	-	-	-	-	
-	Chi tổ chức các hoạt động nghiệp vụ	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	200	-	-	-	-	-	
98	Nhà thiếu nhi	3.136	3.136	-	-	-	-	3.136	1.586	1.550	-	-	-	3.136	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1.836	1.836	-	-	-	-	1.836	1.586	250	-	-	-	1.836	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí chi tổ chức các hoạt động và tập huấn	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	300	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí tham gia các hoạt động do Trung ương tổ chức (Liên hoan Tiếng kèn đội ta; Liên hoan nghệ thuật thiếu nhi các tỉnh phi bắc; tham gia các giải thể dục thể thao...)	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-	-	
99	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	10.325	10.325	-	-	-	-	10.325	3.841	6.484	-	-	-	10.325	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	3.416	3.416	-	-	-	-	3.416	3.416	-	-	-	-	3.416	-	-	-	-	-	
-	Chi theo định mức sự nghiệp:	425	425	-	-	-	-	425	425	-	-	-	-	425	-	-	-	-	-	
-	Tổ chức "Ngày hội gia đình hạnh phúc" nhân dịp kỷ niệm ngày gia đình Việt Nam; Triển khai dự án "Hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững".	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí thực hiện đề án 343 "Tuyên truyền giáo dục, phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đầy mạnh CNH, HĐH đất nước"; Đề án "Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi dạy con tốt" + Hội nghị sơ kết, tổng kết...	800	800	-	-	-	-	800	-	800	-	-	-	800	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản (có 300 triệu mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm phụ nữ)	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-	-	
-	Hỗ trợ kinh phí cho "Quý hỗ trợ phụ nữ nghèo"	2.000	2.000	-	-	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	2.000	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí cải tạo, nâng cấp công trình phụ trợ.	1.000	1.000	-	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí tổ chức đoàn đại biểu phụ nữ đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc T3/2017 + Tuyên truyền tập huấn, quán triệt Nghị quyết Đại hội Phụ nữ Việt Nam, tỉnh, điều lệ hội; Tổng kết 10 năm Nghị quyết 11/NQ-TW; sơ kết 5 năm ND 56/2012/ND-CP,...	600	600	-	-	-	-	600	-	600	-	-	-	600	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí tham gia cuộc thi do Trung ương hội chi đạo "Đường công tác hội"; "Sáng tác biểu trưng về nông thôn mới".	150	150	-	-	-	-	150	-	150	-	-	-	150	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2027"; Đề án "Tuyên truyền giáo dục, vận động phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ trong tình hình mới".	500	500	-	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-	-	
-	Chi nghiệp vụ.	100	100	-	-	-	-	100	-	100	-	-	-	100	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động kết nghĩa với Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu.	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	200	-	-	-	-	-	

T	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
				Tổng số	Trong đó:			Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH		
	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương	Dịnh mức	Nghiệp vụ														
	Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ hội Liên hiệp phụ nữ giai đoạn 2013-2017 (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương)	134	134	-									134	-	-	-	-	-	-
0	Mặt trận tổ quốc	8.534	8.534	-									8.534	-	-	-	-	-	-
	Chi định mức	3.782	3.782	-									3.782	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí tổ chức học tập Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Nghị quyết Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XII + Tập huấn triển khai Luật MTTQ Việt Nam (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành.	300	300	-									300	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí hoạt động của Ủy ban mặt trận tổ quốc cấp tỉnh và hỗ trợ sinh hoạt phí theo quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 28/5/2014	252	252	-					102	150			252	-	-	-	-	-	-
	Chi triển khai công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; tổ chức thực hiện Đề án đổi mới nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết XD nông thôn mới, đô thị văn minh"; triển khai cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tổ chức ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc; tổ chức tập huấn, hướng dẫn quy trình giám sát, kiểm tra, tổ chức đoàn giám sát, tổ chức tiếp xúc, đối thoại với người đứng đầu cấp ủy các cấp với nhân dân; tổ chức nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận trong nhân dân; tổ chức HĐ của hội đồng tư vấn và công tác tham gia xây dựng chính sách pháp luật; triển khai thực hiện quy chế dân chủ; hoạt động thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư công cộng và các hoạt động khác.	700	700	-						700			700	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí triển khai các nhiệm vụ thực hiện chương trình phối hợp với các sở, ban ngành	700	700	-						700			700	-	-	-	-	-	-
	Chi xuất bản cuốn thông tin công tác mặt trận; Triển khai cuộc vận động " người Việt nam dùng hàng Việt Nam";	500	500	-						500			500	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí hoạt động của Ủy ban đoàn kết công giáo tỉnh	600	600	-						600			600	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí gặp mặt, biểu dương các vị chức sắc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số; kinh phí đón tiếp thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng: Các vị lão thành cách mạng, các chức sắc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số ... (theo QĐ số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng CP).	500	500	-						500			500	-	-	-	-	-	-
	Chi ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư	200	200	-						200			200	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí tổ chức đại hội Ủy ban Đoàn kết công giáo nhiệm kỳ 2017-2022.	300	300	-						300			300	-	-	-	-	-	-



		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách															
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTT
			Tổng cộng	Tổng số	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
-	Kinh phí tổ chức hội nghị đánh giá 10 năm trọng công tác triển khai "Phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng".	150	150	-	-	-	150	-	150	-	-	150	-	-	-	-	-
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản và các nghiệp vụ khác	550	550	-	-	-	550	-	550	-	-	550	-	-	-	-	-
101	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	1.509	1.509	-	-	-	1.509	684	825	-	-	1.509	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	684	684	-	-	-	684	684	-	-	684	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động 9 hội thành viên (25 triệu đồng /1 hội)	225	225	-	-	-	225	-	225	-	-	225	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức các hội nghị và thông tin tuyên truyền; vận động viện trợ phi chính phủ và chi phí nghiệp vụ khác	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	400	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm trang thiết bị + sửa chữa tài sản	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
102	Hội nông dân	7.467	7.467	-	-	-	7.467	3.597	3.870	-	-	7.467	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	3.172	3.172	-	-	-	3.172	3.172	-	-	3.172	-	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức sự nghiệp (thuộc Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm).	425	425	-	-	-	425	425	-	-	425	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức tập huấn thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân.	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-
-	Chi các hội nghị tập huấn, triển khai xây dựng mô hình kinh tế tập thể theo nghị quyết của tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới + Thực hiện quy chế giám sát, phân biện xã hội.	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	400	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động ban chỉ đạo giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân theo Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ; Ban chỉ đạo triển khai kết luận 61 và quyết định 673 cấp tỉnh	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức hội nghị giao ban cụm + Tham gia các Hội nghị do TW tổ chức..	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
-	Kinh phí vận hành Trang thông tin điện tử Hội nông dân + In cuốn thông tin công tác hội.	50	50	-	-	-	50	-	50	-	-	50	-	-	-	-	-
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
-	Quỹ hỗ trợ nông dân	2.000	2.000	-	-	-	2.000	-	2.000	-	-	2.000	-	-	-	-	-
-	Tổ chức hội nghị tổng kết phong trào Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi và hộ nghèo vượt khó các cấp.	220	220	-	-	-	220	-	220	-	-	220	-	-	-	-	-
-	Chi tổ chức hội thi Nhà nông đua tài toàn quốc lần thứ IV/2017.	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-
103	Hội cựu chiến binh	3.058	3.058	-	-	-	3.058	1.708	1.350	-	-	3.058	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.708	1.708	-	-	-	1.708	1.708	-	-	1.708	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chi nghiệp vụ chuyên môn	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	200	-	-	-	-	-
-	Kinh phí triển khai các hội nghị và các hoạt động khác	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	300	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

T	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
			Tổng cộng	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	
				Tổng số	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Định mức									Nghiệp vụ
	Hỗ trợ kinh phí đi dự các hội nghị do trung ương tổ chức	150	150	-				150			150	-						
	Kinh phí tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2017-2022	500	500	-				500			500	-						
	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản	200	200	-				200			200	-						
4	Liên minh HTX	5.837	5.837	-				5.837	1.824	4.013			5.624	213				
	Chi định mức	1.824	1.824	-				1.824	1.824	-			1.824	-				
	Hỗ trợ chi nghiệp vụ	200	200	-				200		200			200	-				
	Xây dựng và phát hành Bản tin kinh tế tập thể	100	100	-				100		100			100	-				
	Kinh phí hoạt động ban đổi mới và phát triển kinh tế tập thể	100	100	-				100		100			100	-				
	Bổ sung vốn điều lệ cho quỹ phát triển hợp tác xã	2.000	2.000	-				2.000		2.000			2.000	-				
	Kinh phí thực hiện việc chỉ đạo thực hiện quyết định 2277/2008/QĐ-UBND ngày 12/8/2008 của UBND tỉnh về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác trên địa bàn tỉnh.	100	100	-				100		100			100	-				
	Kinh phí điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng HTX trên địa bàn + Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX kiểu mới để nhân rộng...	500	500	-				500		500			500	-				
	Kinh phí tổ chức các lớp bồi dưỡng; hỗ trợ học phí học viên HTX học cao đẳng, đại học	213	213	-				213		213			213	-				
	Chi hỗ trợ triển khai 4 Đề án của Liên minh HTX; Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 56/KL- TW ngày 21/2/2013 của Bộ Chính trị về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.	500	500	-				500		500			500	-				
	Kinh phí mua sắm + sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300			300	-				
15	Trung tâm tư vấn và Hỗ trợ kinh tế tập thể.	466	466	-				466	366	100			466	-				
	Chi định mức + nghiệp vụ	466	466	-				466	366	100			466	-				
16	Hội chữ thập đỏ	2.768	2.768	-				2.768	1.710	1.058			2.768	-				
	Chi định mức biên chế	1.482	1.482	-				1.482	1.482	-			1.482	-				
	Chi định mức biên chế Ban chỉ đạo hiện mẫu nhân đạo	228	228	-				228	228	-			228	-				
	Chi nghiệp vụ	200	200	-				200	-	200			200	-				
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo vận động hiện mẫu nhân đạo tỉnh	200	200	-				200	-	200			200	-				
	Chi trả nhuận bút, xuất bản và in bản tin Nhân đạo Phú Thọ và in tờ rơi truyền truyền hoạt động nhân đạo ...	158	158	-				158	-	158			158	-				
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300	-	300			300	-				
	Hỗ trợ chi công tác tuyên truyền vận động hiện mẫu nhân đạo	200	200	-				200	-	200			200	-				
17	Ban đại diện Hội người cao tuổi	914	914	-				914	414	500			914	-				
	Chi định mức biên chế	342	342	-				342	342	-			342	-				
	Chi trả thù lao tương đương, phò ban	72	72	-				72	72	-			72	-				
	Chi hoạt động của Ban đại diện	200	200	-				200	-	200			200	-				

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách															
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
			Tổng cộng	Trang dự:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PTT
				Tổng dự	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư nguồn tài trợ sử dụng đất		Chi từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương	Định mức								
-	Mua sắm + sửa chữa tài sản, thiết bị	100	100	-	-	-	100	-	-	-	100	-	-	-	-	-	
-	Chi nghiệp vụ	200	200	-	-	-	200	-	-	-	200	-	-	-	-	-	
108	Trung tâm hội nghị tỉnh	1.724	1.724	-	-	-	1.724	1.224	500	-	1.724	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1.224	1.224	-	-	-	1.224	1.224	-	-	1.224	-	-	-	-	-	
-	Chi mua sắm trang thiết bị	500	500	-	-	-	500	-	500	-	500	-	-	-	-	-	
109	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh	5.056	5.056	-	-	-	5.056	1.596	3.460	-	4.156	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1.596	1.596	-	-	-	1.596	1.596	-	-	1.596	-	-	-	-	-	
-	Chi hoạt động tư vấn, phân biện và giám định xã hội các nhiệm vụ tỉnh giao;	500	500	-	-	-	500	-	500	-	500	-	-	-	-	-	
-	Chi hỗ trợ hoạt động và khen thưởng cho 19 hội thành viên (Hỗ trợ hoạt động 25 triệu đồng /1 hội; khen thưởng các hội 55 triệu đồng).	530	530	-	-	-	530	-	530	-	530	-	-	-	-	-	
-	Chi hoạt động tập hợp đội ngũ trí thức có trình độ cao quê Phú Thọ xây dựng các chương trình đóng góp cho tỉnh	200	200	-	-	-	200	-	200	-	200	-	-	-	-	-	
-	Chi duy trì, phát triển trang Website " TrithucDatTo.vn" của Liên hiệp hội	50	50	-	-	-	50	-	50	-	50	-	-	-	-	-	
-	Chi xuất bản tri thức trẻ đất Tổ + Nghiệp vụ.	300	300	-	-	-	300	-	300	-	300	-	-	-	-	-	
-	Chi công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về khoa học - công nghệ, đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Hội thành viên và người dân.	280	280	-	-	-	280	-	280	-	280	-	-	-	-	-	
-	Chi hoạt động các hội thi sáng tạo kỹ thuật (Liên hiệp các hội Khoa học - Kỹ thuật)	900	900	-	-	-	900	-	900	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi tổ chức Đại hội Hội liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh lần thứ III, giai đoạn 2017-2022.	400	400	-	-	-	400	-	400	-	400	-	-	-	-	-	
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản.	300	300	-	-	-	300	-	300	-	300	-	-	-	-	-	
110	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Phú Thọ	230	230	-	-	-	230	130	100	-	230	-	-	-	-	-	
111	Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Phú Thọ	245	245	-	-	-	245	195	50	-	245	-	-	-	-	-	
112	Hội người mù	360	360	-	-	-	360	260	100	-	360	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức và nghiệp vụ.	360	360	-	-	-	360	260	100	-	360	-	-	-	-	-	
113	Hội luật gia	180	180	-	-	-	180	130	50	-	180	-	-	-	-	-	
114	Hội nạn nhân chất độc da cam/ điôxin	180	180	-	-	-	180	130	50	-	180	-	-	-	-	-	
115	Hội sinh vật cảnh và làm vườn	524	524	-	-	-	524	374	150	-	524	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức và nghiệp vụ.	524	524	-	-	-	524	374	150	-	524	-	-	-	-	-	
116	Sở Giáo dục và đào tạo	58.135	58.135	-	-	-	58.135	5.986	52.149	-	-	58.135	-	-	-	-	
-	Chi định mức	5.936	5.936	-	-	-	5.936	5.936	-	-	5.936	-	-	-	-	-	
-	Chi bồi dưỡng công chức thanh tra và trang phục thanh tra.	100	100	-	-	-	100	50	50	-	100	-	-	-	-	-	
-	Chi nghiệp vụ.	330	330	-	-	-	330	-	330	-	330	-	-	-	-	-	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	-	500	-	500	-	500	-	-	-	-	-	

T	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
			Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
Chi đầu tư từ nguồn tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Định mức	Nghiệp vụ											
	Chi nghiệp vụ (tổ chức các cuộc thi, kỳ thi; bồi dưỡng đội ngũ; chi các ban chỉ đạo; các hội nghị, tập huấn; chi nghiên cứu đề tài khoa học cấp ngành; chi mua phôi bằng tốt nghiệp; chi biên soạn tài liệu; trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ các kỳ thi và công tác chuyên môn...)	15.869	15.869	-				15.869	15.869									
	Chi mua sắm thiết bị phòng học bộ môn vật lý, hóa học, sinh học, ngoại ngữ cho các trường trung học xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.	6.000	6.000	-			6.000	6.000										
	Chi học bổng cho học sinh THPT đạt giải theo qui định của tỉnh:	700	700	-			700	700										
	Chi thực hiện nhiệm vụ duy trì phổ cập các cấp	1.000	1.000	-			1.000	1.000										
	Chi thực hiện kế hoạch dạy và học ngoại ngữ, chi mua thiết bị dạy học cho giáo dục phổ thông theo kế hoạch 3132/KH-UBND ngày 13/9/2011 của UBND tỉnh, giai đoạn 2011-2020.	6.000	6.000	-			6.000	6.000										
	Chi ứng dụng công nghệ thông tin phần mềm quản lý thư viện; nâng cấp, xây dựng, kết nối hệ thống thông tin quản lý trường học và các hoạt động giáo dục...	3.700	3.700	-			3.700	3.700										
	Chi mua thiết bị, đồ chơi ngoài trời cho các trường mầm non và bổ sung thiết bị cho các lớp mầm non 5 tuổi để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, duy trì phổ cập và chương trình giáo dục mầm non mới.	9.500	9.500	-			9.500	9.500										
	Chi khác giáo dục	5.000	5.000	-			5.000	5.000										
	Kinh phí khen thưởng thi đua của ngành	3.500	3.500	-			3.500	3.500										
	Khôi các trường Trung học phổ thông	345.166	345.166	-			345.166	282.962	62.203	-	-	-	345.166	-	-	-	-	
	Trường THPT Thanh Sơn	10.122	10.122	-			10.122	7.944	2.178	-	-	-	10.122	-	-	-	-	
	Chi định mức	9.122	9.122	-			9.122	7.944	1.178	-	-	-	9.122	-	-	-	-	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.000	1.000	-			1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	
	Trường THPT Minh Đài	9.527	9.527	-			9.527	7.241	2.286	-	-	-	9.527	-	-	-	-	
	Chi định mức	8.027	8.027	-			8.027	7.241	786	-	-	-	8.027	-	-	-	-	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.500	1.500	-			1.500	-	1.500	-	-	-	1.500	-	-	-	-	
	Trường THPT Văn Miếu	8.588	8.588	-			8.588	6.454	2.134	-	-	-	8.588	-	-	-	-	
	Chi định mức	7.088	7.088	-			7.088	6.454	634	-	-	-	7.088	-	-	-	-	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.500	1.500	-			1.500	-	1.500	-	-	-	1.500	-	-	-	-	
	Trường THPT Hương Cần	8.847	8.847	-			8.847	7.051	1.796	-	-	-	8.847	-	-	-	-	
	Chi định mức	7.847	7.847	-			7.847	7.051	796	-	-	-	7.847	-	-	-	-	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.000	1.000	-			1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	
	Trường THPT Thạch Kiệt	8.488	8.488	-			8.488	6.676	1.813	-	-	-	8.488	-	-	-	-	
	Chi định mức	7.488	7.488	-			7.488	6.676	813	-	-	-	7.488	-	-	-	-	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.000	1.000	-			1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	
	Trường THPT Yên Lập	11.120	11.120	-			11.120	9.295	1.825	-	-	-	11.120	-	-	-	-	

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách															
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTT
			Tổng cộng	Tổng số	Chi đầu tư từ nguồn thu ưu tiên sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
	Chi định mức	10.120	10.120	-	-	-	10.120	9.295	825	-	-	-	10.120	-	-	-	-
	Chi cải tạo, sửa chữa Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng học	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-
	Trường THPT Minh Hoà	6.293	6.293	-	-	-	6.293	4.372	1.922	-	-	-	6.293	-	-	-	-
	Chi định mức	4.793	4.793	-	-	-	4.793	4.372	422	-	-	-	4.793	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.500	1.500	-	-	-	1.500	-	1.500	-	-	-	1.500	-	-	-	-
	Trường THPT Lương Sơn	8.149	8.149	-	-	-	8.149	6.461	1.688	-	-	-	8.149	-	-	-	-
	Chi định mức	7.149	7.149	-	-	-	7.149	6.461	688	-	-	-	7.149	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-
	Trường THPT Cẩm Khê	8.173	8.173	-	-	-	8.173	6.602	1.571	-	-	-	8.173	-	-	-	-
	Chi định mức	7.673	7.673	-	-	-	7.673	6.602	1.071	-	-	-	7.673	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-
	Trường THPT Hiền Đa	6.502	6.502	-	-	-	6.502	5.225	1.277	-	-	-	6.502	-	-	-	-
	Chi định mức	6.002	6.002	-	-	-	6.002	5.225	777	-	-	-	6.002	-	-	-	-
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà công vụ	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-
	Trường THPT Phương Xá	7.392	7.392	-	-	-	7.392	6.052	1.340	-	-	-	7.392	-	-	-	-
	Chi định mức	6.992	6.992	-	-	-	6.992	6.052	940	-	-	-	6.992	-	-	-	-
	Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa sân, đường trường	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	-	400	-	-	-	-
	Trường THPT Hạ Hoà	6.731	6.731	-	-	-	6.731	5.315	1.417	-	-	-	6.731	-	-	-	-
	Chi định mức	6.031	6.031	-	-	-	6.031	5.315	717	-	-	-	6.031	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-
	Trường THPT Xuân Áng	5.390	5.390	-	-	-	5.390	4.281	1.109	-	-	-	5.390	-	-	-	-
	Chi định mức	4.990	4.990	-	-	-	4.990	4.281	709	-	-	-	4.990	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	-	400	-	-	-	-
	Trường THPT Vĩnh Chân	5.526	5.526	-	-	-	5.526	4.414	1.112	-	-	-	5.526	-	-	-	-
	Chi định mức	5.126	5.126	-	-	-	5.126	4.414	712	-	-	-	5.126	-	-	-	-
	Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa sân, đường trường	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	-	400	-	-	-	-
	Trường THPT Thanh Ba	8.600	8.600	-	-	-	8.600	6.833	1.767	-	-	-	8.600	-	-	-	-
	Chi định mức	7.900	7.900	-	-	-	7.900	6.833	1.067	-	-	-	7.900	-	-	-	-
	Chi sửa chữa, cải tạo nhà lớp học hai tầng 10 phòng học	700	700	-	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-
	Trường THPT Yên Khê	7.393	7.393	-	-	-	7.393	6.298	1.095	-	-	-	7.393	-	-	-	-
	Chi định mức	6.893	6.893	-	-	-	6.893	6.298	595	-	-	-	6.893	-	-	-	-
	Chi cải tạo, sửa chữa tài sản, nhà xe	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-
	Trường THPT Đoàn Hùng	7.127	7.127	-	-	-	7.127	5.838	1.288	-	-	-	7.127	-	-	-	-
	Chi định mức	6.727	6.727	-	-	-	6.727	5.838	888	-	-	-	6.727	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	-	400	-	-	-	-
	Trường THPT Chân Móng	6.015	6.015	-	-	-	6.015	4.751	1.264	-	-	-	6.015	-	-	-	-
	Chi định mức	5.515	5.515	-	-	-	5.515	4.751	764	-	-	-	5.515	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-
	Trường THPT Quế Lâm	5.372	5.372	-	-	-	5.372	4.323	1.050	-	-	-	5.372	-	-	-	-
	Chi định mức	4.972	4.972	-	-	-	4.972	4.323	650	-	-	-	4.972	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	-	400	-	-	-	-
	Trường THPT Thanh Thủy	7.136	7.136	-	-	-	7.136	5.919	1.217	-	-	-	7.136	-	-	-	-



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
				Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
Chi định mức	6.836	6.836	-			6.836	5.919	917				6.836					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300	-	300				300					
Trường THPT Trưng Nghĩa	5.440	5.440	-			5.440	4.467	973	-	-	-	5.440	-	-	-	-	-
Chi định mức	5.140	5.140	-			5.140	4.467	673				5.140					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300	-	300				300					
Trường THPT Phú Ninh	7.429	7.429	-			7.429	6.276	1.154	-	-	-	7.429	-	-	-	-	-
Chi định mức	7.129	7.129	-			7.129	6.276	854				7.129					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300	-	300				300					
Trường THPT Từ Đà	5.894	5.894	-			5.894	4.883	1.011	-	-	-	5.894	-	-	-	-	-
Chi định mức	5.494	5.494	-			5.494	4.883	611				5.494					
Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa cổng, hàng rào của trường	400	400	-			400	-	400				400					
Trường THPT Trưng Giáp	5.713	5.713	-			5.713	4.584	1.129	-	-	-	5.713	-	-	-	-	-
Chi định mức	5.213	5.213	-			5.213	4.584	629				5.213					
Chi sửa chữa, cải tạo nhà lớp học 9A2, mái nhà lớp học mẫu 8A	500	500	-			500	-	500				500					
Trường THPT Long Châu Sa	8.944	8.944	-			8.944	7.398	1.546	-	-	-	8.944	-	-	-	-	-
Chi định mức	8.444	8.444	-			8.444	7.398	1.046				8.444					
Chi cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng	500	500	-			500	-	500				500					
Trường THPT Phong Châu	9.205	9.205	-			9.205	7.773	1.432	-	-	-	9.205	-	-	-	-	-
Chi định mức	8.805	8.805	-			8.805	7.773	1.032				8.805					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-			400	-	400				400					
Trường THPT Mỹ Văn	6.806	6.806	-			6.806	5.791	1.015	-	-	-	6.806	-	-	-	-	-
Chi định mức	6.506	6.506	-			6.506	5.791	715				6.506					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300	-	300				300					
Trường THPT Tam Nông	7.269	7.269	-			7.269	5.927	1.342	-	-	-	7.269	-	-	-	-	-
Chi định mức	6.769	6.769	-			6.769	5.927	842				6.769					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-			500	-	500				500					
Trường THPT Hưng hoá	4.888	4.888	-			4.888	3.894	994	-	-	-	4.888	-	-	-	-	-
Chi định mức	4.488	4.488	-			4.488	3.894	594				4.488					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-			400	-	400				400					
Trường THPT Hùng Vương	9.826	9.826	-			9.826	8.001	1.825	-	-	-	9.826	-	-	-	-	-
Chi định mức	8.826	8.826	-			8.826	8.001	825				8.826					
Chi cải tạo, sửa chữa tài sản, sân trường	1.000	1.000	-			1.000	-	1.000				1.000					
Trường THPT Việt Trì	10.463	10.463	-			10.463	9.133	1.330	-	-	-	10.463	-	-	-	-	-
Chi định mức	9.963	9.963	-			9.963	9.133	830				9.963					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-			500	-	500				500					
Trường THPT CN Việt Trì	7.564	7.564	-			7.564	6.692	872	-	-	-	7.564	-	-	-	-	-
Chi định mức	7.264	7.264	-			7.264	6.692	572				7.264					
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-			300	-	300				300					
Trường THPT KI Việt Trì	6.450	6.450	-			6.450	5.619	831	-	-	-	6.450	-	-	-	-	-
Chi định mức	6.150	6.150	-			6.150	5.619	531				6.150					

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển					Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PTT
			Tổng số cộng	Tổng số	Chi đầu tư xây dựng	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	300	-	-	-	-	-
	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	20.010	20.010	-	-	-	20.010	16.933	3.077	-	-	-	20.010	-	-	-	-	-
	Chi định mức	19.010	19.010	-	-	-	19.010	16.933	2.077	-	-	-	19.010	-	-	-	-	-
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà và sân trường Khu A	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-
	Trường THPT Dân tộc Nội trú Tỉnh	17.844	17.844	-	-	-	17.844	15.957	1.887	-	-	-	17.844	-	-	-	-	-
	Chi định mức	17.144	17.144	-	-	-	17.144	15.957	1.187	-	-	-	17.144	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-	-
	Trường Dân tộc Nội trú Thanh Sơn	14.188	14.188	-	-	-	14.188	12.545	1.643	-	-	-	14.188	-	-	-	-	-
	Chi định mức	13.488	13.488	-	-	-	13.488	12.545	943	-	-	-	13.488	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-	-
	Trường Dân tộc Nội trú Yên Lập	9.898	9.898	-	-	-	9.898	8.491	1.407	-	-	-	9.898	-	-	-	-	-
	Chi định mức	9.198	9.198	-	-	-	9.198	8.491	707	-	-	-	9.198	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-	-
	Trường Dân tộc Nội trú Đoàn Hùng	8.970	8.970	-	-	-	8.970	7.717	1.253	-	-	-	8.970	-	-	-	-	-
	Chi định mức	8.270	8.270	-	-	-	8.270	7.717	553	-	-	-	8.270	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-	-
	Trường Dân tộc Nội trú - THCS Tân Sơn	9.900	9.900	-	-	-	9.900	8.586	1.314	-	-	-	9.900	-	-	-	-	-
	Chi định mức	9.200	9.200	-	-	-	9.200	8.586	614	-	-	-	9.200	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-	-	-	700	-	700	-	-	-	700	-	-	-	-	-
	Trung tâm KT-TH-HN tỉnh	5.420	5.420	-	-	-	5.420	4.161	1.259	-	-	-	5.420	-	-	-	-	-
	Chi định mức	4.920	4.920	-	-	-	4.920	4.161	759	-	-	-	4.920	-	-	-	-	-
	Chi tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-	-
	Trường Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý Giáo dục	6.521	6.521	-	-	-	6.521	4.322	2.199	-	-	-	6.521	-	-	-	-	-
	Chi định mức	5.085	5.085	-	-	-	5.085	4.322	763	-	-	-	5.085	-	-	-	-	-
	Chi các lớp đào tạo, bồi dưỡng.	937	937	-	-	-	937	-	937	-	-	-	937	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-	-
	Trung tâm Ngoại ngữ Tin học	4.031	4.031	-	-	-	4.031	2.469	1.562	-	-	-	4.031	-	-	-	-	-
	Chi định mức	2.905	2.905	-	-	-	2.905	2.469	436	-	-	-	2.905	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	300	-	-	-	-	-
	Chi các lớp đào tạo, bồi dưỡng.	826	826	-	-	-	826	-	826	-	-	-	826	-	-	-	-	-
	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Phú Thọ	6.346	6.346	-	-	-	6.346	3.782	2.565	-	-	-	6.346	-	-	-	-	-
	Chi theo định mức	5.546	5.546	-	-	-	5.546	3.782	1.765	-	-	-	5.546	-	-	-	-	-
	Chi mua sắm thiết bị dạy học và biên soạn giáo trình	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	300	-	-	-	-	-
	Chi tư vấn tuyển sinh: 100 triệu; xây dựng mô hình nông nghiệp cho học sinh thực hành, thực tập: 100 triệu.	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	200	-	-	-	-	-
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	300	-	-	-	-	-
	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Thọ	8.043	8.043	-	-	-	8.043	6.792	1.251	-	-	-	8.043	-	-	-	-	-
	Chi theo định mức	7.643	7.643	-	-	-	7.643	6.792	851	-	-	-	7.643	-	-	-	-	-
	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	100	100	-	-	-	100	-	100	-	-	-	100	-	-	-	-	-

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

T	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hóa	TDTT	PTTH	
				Tổng số	Trong đó:			Đình ,mức	Nghệ nghiệp vụ									
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất												Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
	Mua sắm , sửa chữa tài sản	300	300	-				300				300						
9	Trung tâm giáo dục thường xuyên Tỉnh	10.456	10.456	-				10.456	3.407	7.049	-	-	-	10.456				
	Chi theo định mức	9.656	9.656	-				9.656	3.407	6.249				9.656				
	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	300	300	-				300		300				300				
	Mua sắm , sửa chữa tài sản	500	500	-				500		500				500				
0	Trường chính trị tỉnh	10.713	10.713	-				10.713	7.590	3.124	-	-	-	10.713				
	Chi theo định mức	9.203	9.203	-				9.203	7.079	2.124				9.203				
	Chi hỗ trợ tiền ăn các lớp trung cấp chính trị chính quy	510	510	-				510	510	-				510				
	Mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy: 900 triệu; kỷ niệm 60 năm thành lập trường: 100 triệu.	1.000	1.000	-				1.000	-	1.000				1.000				
1	Trường Đại học Hùng vương	78.502	78.502	-				78.502	38.168	40.334	-	-	-	78.502				
	Chi theo định mức + phân bổ học sinh	49.198	49.198	-				49.198	31.496	17.702				49.198				
	Đào tạo 80 sinh viên Lào	5.772	5.772	-				5.772	5.772	-				5.772				
	Chi học bổng cho học sinh sư phạm (TT 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013)	700	700	-				700	-	700				700				
	Chi trợ cấp xã hội theo TT LT số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH và TLT số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.	900	900	-				900	900	-				900				
	Chi đào tạo theo học tin chi và kiểm định chất lượng	3.500	3.500	-				3.500	-	3.500				3.500				
	Phân bổ thêm theo khu vực	9.633	9.633	-				9.633	-	9.633				9.633				
	Chi mua sắm + sửa chữa thường xuyên	2.000	2.000	-				2.000	-	2.000				2.000				
	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên.	800	800	-				800	-	800				800				
	Kinh phí đào tạo Giáo viên chất lượng cao	2.000	2.000	-				2.000	-	2.000				2.000				
	Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực ngoại ngữ đến năm 2020.	1.000	1.000	-				1.000	-	1.000				1.000				
	Kinh phí thực hiện Đề án phân tích hóa học.	1.000	1.000	-				1.000	-	1.000				1.000				
	Chi cải tạo sửa chữa nhà Trung tâm hành chính hiệu bộ	2.000	2.000	-				2.000	-	2.000				2.000				
2	Trường cao đẳng y tế	18.733	18.733	-				18.733	9.803	8.929	-	-	-	18.733				
	Chi định mức + phân bổ học sinh	15.233	15.233	-				15.233	9.803	5.429				15.233				
	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học	2.000	2.000	-				2.000		2.000				2.000				
	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên.	1.500	1.500	-				1.500		1.500				1.500				
3	Trường Trung cấp văn hoá nghệ thuật và du lịch tỉnh Phú Thọ	5.340	5.340	-				5.340	3.649	1.692	-	-	-	5.340				
	Chi định mức + phân bổ học sinh	4.324	4.324	-				4.324	3.533	792				4.324				
	Chi chế độ ưu đãi học sinh, sinh viên các ngành nghề thuật truyền thống (QĐ số 41/2014/QĐ-TTg ngày 21/7/2014)	116	116	-				116	116					116				
	Kinh phí tham gia các hội diễn + Các hội thi và chi bồi dưỡng tập luyện, biểu diễn Hát Xoan, ...	400	400	-				400		400				400				



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																		
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Tổng cộng	Tổng số	Chi đầu tư XDCB	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTT		
-	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	200	-	-	-
-	Kinh phí mua sắm thiết bị	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	300	-	-	-
124	Cao đẳng nghề Phú Thọ	18.206	18.206	-	-	-	18.206	8.354	9.852	-	-	-	-	-	-	-	18.206	-	-	-
-	Theo định mức + phân bổ học sinh	15.106	15.106	-	-	-	15.106	8.354	6.752	-	-	-	-	-	-	-	15.106	-	-	-
-	Chi tư vấn dạy nghề	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-	-
-	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý học sinh, sinh viên.	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	1.000	-	-	-
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản...	1.600	1.600	-	-	-	1.600	-	1.600	-	-	-	-	-	-	-	1.600	-	-	-
125	Trường Trung cấp nghề công nghệ và vận tải Phú Thọ	4.962	4.962	-	-	-	4.962	2.934	2.028	-	-	-	-	-	-	-	4.762	-	-	-
-	Theo định mức + phân bổ học sinh	4.462	4.462	-	-	-	4.462	2.934	1.528	-	-	-	-	-	-	-	4.462	-	-	-
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	300	-	-	-
-	Chi công tác tư vấn học nghề	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
126	Trung tâm dịch vụ việc làm	4.032	4.032	-	-	-	4.032	1.800	2.232	-	-	-	-	-	-	-	2.732	-	-	-
-	Theo định mức + phân bổ học sinh	2.232	2.232	-	-	-	2.232	1.800	432	-	-	-	-	-	-	-	2.232	-	-	-
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-	-
-	Chi công tác tư vấn học nghề	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ tổ chức sản giao dịch việc làm	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
127	Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề và giới thiệu việc làm Thanh niên	1.383	1.383	-	-	-	1.383	510	873	-	-	-	-	-	-	-	1.383	-	-	-
-	Chi định mức + phân bổ học sinh	1.183	1.183	-	-	-	1.183	510	673	-	-	-	-	-	-	-	1.183	-	-	-
-	Chi tư vấn và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, thanh niên.	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-	200	-	-	-
128	Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú Phú Thọ	4.895	4.895	-	-	-	4.895	3.564	1.332	-	-	-	-	-	-	-	4.895	-	-	-
-	Theo định mức + phân bổ học sinh	3.092	3.092	-	-	-	3.092	2.461	632	-	-	-	-	-	-	-	3.092	-	-	-
-	Chi học bổng học sinh dân tộc nội trú học nghề	1.103	1.103	-	-	-	1.103	1.103	-	-	-	-	-	-	-	-	1.103	-	-	-
-	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa tài sản: 500 triệu.	700	700	-	-	-	700	-	700	-	-	-	-	-	-	-	700	-	-	-
129	Trường nâng cao Thể dục thể thao	13.141	13.141	-	-	-	13.141	11.592	1.549	-	-	-	-	-	-	-	13.141	-	-	-
-	Chi định mức + phân bổ học sinh	3.691	3.691	-	-	-	3.691	2.642	1.049	-	-	-	-	-	-	-	3.691	-	-	-
-	Tiền ăn + tiền công + dụng cụ tập luyện ...	8.800	8.800	-	-	-	8.800	8.800	-	-	-	-	-	-	-	-	8.800	-	-	-
-	Tiền thưởng cho vận động viên và huấn luyện viên đạt giải toàn quốc.	150	150	-	-	-	150	150	-	-	-	-	-	-	-	-	150	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-	-
130	Trung tâm Dạy nghề Công đoàn Phú thọ	400	400	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	400	-	-	-
131	Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm nông dân	485	485	-	-	-	485	-	485	-	-	-	-	-	-	-	485	-	-	-
132	Trung tâm giới thiệu Việc làm phụ nữ	522	522	-	-	-	522	-	522	-	-	-	-	-	-	-	522	-	-	-
133	Trường trung cấp nghề HERMANGMEINER	509	509	-	-	-	509	-	509	-	-	-	-	-	-	-	509	-	-	-
134	Trung tâm kỹ thuật Tổng hợp hướng nghiệp tỉnh	760	760	-	-	-	760	-	760	-	-	-	-	-	-	-	760	-	-	-
135	Hội khuyến học	425	425	-	-	-	425	325	100	-	-	-	-	-	-	-	425	-	-	-
136	Sở Y tế	28.228	28.228	-	-	-	28.228	4.098	24.130	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	28.228
-	Chi định mức	4.068	4.068	-	-	-	4.068	4.068	-	-	-	-	-	-	-	-	4.068	-	-	-

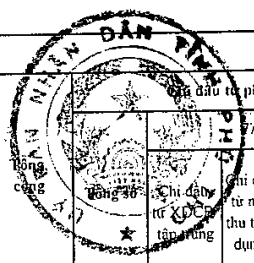
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
			Tổng số	Trang dự:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
				Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nhiệm vụ								
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	60	-	-	-	60	30	30	-	-	-	60	-	-	-	-	
Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-	
Nhiệm vụ ngành (có 500 triệu kinh phí đối ứng dự án hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc bộ và Đông bằng Sông Hồng; 130 triệu kinh phí đối ứng thực hiện Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Sông Mê Công mở rộng).	6.700	6.700	-	-	-	6.700	-	6.700	-	-	-	6.700	-	-	-	-	
Phòng chống dịch.	4.000	4.000	-	-	-	4.000	-	4.000	-	-	-	4.000	-	-	-	-	
Đào tạo bác sỹ và sau đại học	2.000	2.000	-	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	2.000	-	-	-	-	
Kinh phí thực hiện chương trình điều trị nghiện các chất thuốc phiện bằng chất mephadon.	2.000	2.000	-	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	2.000	-	-	-	-	
Kinh phí bảo đảm cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS.	1.900	1.900	-	-	-	1.900	-	1.900	-	-	-	1.900	-	-	-	-	
Chi ứng dụng công nghệ thông tin.	2.000	2.000	-	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	2.000	-	-	-	-	
Dự kiến tăng biên chế và các khoản phát sinh	5.000	5.000	-	-	-	5.000	-	5.000	-	-	-	5.000	-	-	-	-	
7 Bệnh viện đa khoa Tỉnh:	84.706	84.706	-	-	-	84.706	81.706	3.000	-	-	-	84.706	-	-	-	-	
Chi định mức	76.500	76.500	-	-	-	76.500	76.500	-	-	-	-	76.500	-	-	-	-	
Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất thực hiện đề án giảm quá tải bệnh viện (theo Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013).	3.000	3.000	-	-	-	3.000	-	3.000	-	-	-	3.000	-	-	-	-	
Phân bổ bệnh viện mang tính chất khu vực	5.206	5.206	-	-	-	5.206	5.206	-	-	-	-	5.206	-	-	-	-	
8 Bệnh viện Lao và bệnh phổi Phú Thọ:	10.660	10.660	-	-	-	10.660	9.960	700	-	-	-	10.660	-	-	-	-	
Chi định mức	10.160	10.160	-	-	-	10.160	9.960	200	-	-	-	10.160	-	-	-	-	
Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-	
9 Bệnh viện Tâm thần:	10.260	10.260	-	-	-	10.260	9.960	300	-	-	-	10.260	-	-	-	-	
Chi định mức	10.260	10.260	-	-	-	10.260	9.960	300	-	-	-	10.260	-	-	-	-	
0 Bệnh viện Y dược cổ truyền và phục hồi chức năng:	14.100	14.100	-	-	-	14.100	13.600	500	-	-	-	14.100	-	-	-	-	
Chi định mức	13.600	13.600	-	-	-	13.600	13.600	-	-	-	-	13.600	-	-	-	-	
Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-	
1 Trung tâm y tế dự phòng:	8.370	8.370	-	-	-	8.370	7.370	1.000	-	-	-	8.370	-	-	-	-	
Chi định mức	7.870	7.870	-	-	-	7.870	7.370	500	-	-	-	7.870	-	-	-	-	
Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-	
2 Bệnh viện mắt:	4.400	4.400	-	-	-	4.400	4.400	-	-	-	-	4.400	-	-	-	-	
3 Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	3.390	3.390	-	-	-	3.390	3.390	-	-	-	-	3.390	-	-	-	-	
4 Trung tâm kiểm nghiệm	3.610	3.610	-	-	-	3.610	3.410	200	-	-	-	3.610	-	-	-	-	
Chi định mức	3.410	3.410	-	-	-	3.410	3.410	-	-	-	-	3.410	-	-	-	-	
Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	200	200	-	-	-	200	-	200	-	-	-	200	-	-	-	-	
5 Trung tâm Giám định Y khoa (Có 500 triệu kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	2.260	2.260	-	-	-	2.260	1.760	500	-	-	-	2.260	-	-	-	-	
6 Trung tâm Pháp y	2.060	2.060	-	-	-	2.060	1.760	300	-	-	-	2.060	-	-	-	-	
Chi định mức	1.760	1.760	-	-	-	1.760	1.760	-	-	-	-	1.760	-	-	-	-	

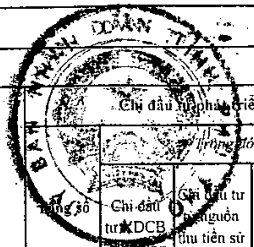
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																		
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi đầu tư công	Chi đầu tư không công	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn tài trợ	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PTT		
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	300	300	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	300	-	-	-	-	-	-
147	Hội đồng y	90	90	-	-	-	90	90	-	-	-	-	-	90	-	-	-	-	-	-
148	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khoẻ	2.260	2.260	-	-	-	2.260	1.760	500	-	-	-	-	2.260	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.760	1.760	-	-	-	1.760	1.760	-	-	-	-	-	1.760	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	500	-	-	-	-	-	-
149	Trung tâm phòng chống HIV/ AIDS	4.210	4.210	-	-	-	4.210	3.410	800	-	-	-	-	4.210	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	3.710	3.710	-	-	-	3.710	3.410	300	-	-	-	-	3.710	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-	-	-	500	-	500	-	-	-	-	500	-	-	-	-	-	-
150	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	2.246	2.246	-	-	-	2.246	2.206	40	-	-	-	-	2.246	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	2.166	2.166	-	-	-	2.166	2.166	-	-	-	-	-	2.166	-	-	-	-	-	-
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	80	80	-	-	-	80	40	40	-	-	-	-	80	-	-	-	-	-	-
-		17.649	17.649	-	-	-	17.649	17.649	-	-	-	-	-	17.649	-	-	-	-	-	-
151	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ	13.341	13.341	-	-	-	13.341	12.341	1.000	-	-	-	-	13.341	-	-	-	-	-	-
152	Bệnh viện đa khoa Thanh ba	12.341	12.341	-	-	-	12.341	12.341	-	-	-	-	-	12.341	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-
-	Chi sửa chữa nhà + mua sắm trang thiết bị	11.900	11.900	-	-	-	11.900	11.900	-	-	-	-	-	11.900	-	-	-	-	-	-
153	Bệnh viện đa khoa Hạ hoá	11.900	11.900	-	-	-	11.900	11.900	-	-	-	-	-	11.900	-	-	-	-	-	-
154	Bệnh viện đa khoa Đoàn hùng	13.300	13.300	-	-	-	13.300	13.300	-	-	-	-	-	13.300	-	-	-	-	-	-
155	Bệnh viện đa khoa Cẩm Khê	12.900	12.900	-	-	-	12.900	11.900	1.000	-	-	-	-	12.900	-	-	-	-	-	-
156	Bệnh viện đa khoa Thanh sơn	11.900	11.900	-	-	-	11.900	11.900	-	-	-	-	-	11.900	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.000	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-
-	Chi sửa chữa nhà + mua sắm trang thiết bị	15.276	15.276	-	-	-	15.276	14.676	600	-	-	-	-	15.276	-	-	-	-	-	-
157	Trung tâm Y tế Việt trí	4.524	4.524	-	-	-	4.524	3.924	600	-	-	-	-	4.524	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	10.752	10.752	-	-	-	10.752	10.752	-	-	-	-	-	10.752	-	-	-	-	-	-
-	Y tế xã, thị trấn, phường	7.069	7.069	-	-	-	7.069	6.969	100	-	-	-	-	7.069	-	-	-	-	-	-
158	Trung tâm Y tế Phú thọ	2.825	2.825	-	-	-	2.825	2.725	100	-	-	-	-	2.825	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	4.244	4.244	-	-	-	4.244	4.244	-	-	-	-	-	4.244	-	-	-	-	-	-
-	Y tế xã, thị trấn, phường	19.275	19.275	-	-	-	19.275	19.175	100	-	-	-	-	19.275	-	-	-	-	-	-
159	Trung tâm Y tế Thanh ba	4.220	4.220	-	-	-	4.220	4.120	100	-	-	-	-	4.220	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	15.055	15.055	-	-	-	15.055	15.055	-	-	-	-	-	15.055	-	-	-	-	-	-
-	Y tế xã, thị trấn	21.105	21.105	-	-	-	21.105	21.005	100	-	-	-	-	21.105	-	-	-	-	-	-
160	Trung tâm Y tế Hạ hoá	4.117	4.117	-	-	-	4.117	4.017	100	-	-	-	-	4.117	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	16.988	16.988	-	-	-	16.988	16.988	-	-	-	-	-	16.988	-	-	-	-	-	-
-	Y tế xã, thị trấn	20.285	20.285	-	-	-	20.285	20.185	100	-	-	-	-	20.285	-	-	-	-	-	-
161	Trung tâm Y tế Đoàn hùng	4.220	4.220	-	-	-	4.220	4.120	100	-	-	-	-	4.220	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	16.065	16.065	-	-	-	16.065	16.065	-	-	-	-	-	16.065	-	-	-	-	-	-
-	Y tế xã, thị trấn	22.921	22.921	-	-	-	22.921	22.321	600	-	-	-	-	22.921	-	-	-	-	-	-
162	Trung tâm Y tế Tam nông	22.921	22.921	-	-	-	22.921	22.321	600	-	-	-	-	22.921	-	-	-	-	-	-



Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách														
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
			Tổng số	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT
					Định mức	Nghiệp vụ										
Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	12.499	12.499	-					12.499	11.899	600						
Y tế xã, thị trấn	10.422	10.422	-					10.422	10.422	-						
3 Trung tâm Y tế Lâm Thao	19.034	19.034	-					19.034	18.434	600						
Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	11.879	11.879	-					11.879	11.279	600						
Y tế xã, thị trấn	7.155	7.155	-					7.155	7.155	-						
4 Trung tâm Y tế Phù Ninh	22.150	22.150	-					22.150	21.550	600						
Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	12.097	12.097	-					12.097	11.497	600						
Y tế xã, thị trấn	10.053	10.053	-					10.053	10.053	-						
5 Trung tâm Y tế Cẩm Khê	25.357	25.357	-					25.357	25.357	100						
Chi định mức của trung tâm y tế	4.220	4.220	-					4.220	4.120	100						
Y tế xã, thị trấn	21.137	21.137	-					21.137	21.137	-						
5 Trung tâm Y tế Thanh thủy	21.448	21.448	-					21.448	19.887	1.561						
Trung tâm Y tế Thanh thủy (trong đó có: 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất và 961 triệu đồng thanh toán hạng mục kê đá, công, hàng rào, nhà cầu, nhà để xe, nhà báo vệ, nhà thường trực Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Thủy).	13.460	13.460	-					13.460	11.899	1.561						
Y tế xã, thị trấn	7.988	7.988	-					7.988	7.988	-						
7 Trung tâm Y tế Yên Lập	27.937	27.937	-					27.937	27.337	600						
Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	12.796	12.796	-					12.796	12.196	600						
Y tế xã, thị trấn (Cò y tế vùng cao)	15.141	15.141	-					15.141	15.141	-						
3 Trung tâm Y tế Thanh sơn	21.225	21.225	-					21.225	21.125	100						
Chi định mức của Trung tâm y tế	4.580	4.580	-					4.580	4.480	100						
Y tế xã, thị trấn (Cò y tế vùng cao)	16.645	16.645	-					16.645	16.645	-						
3 Trung tâm Y tế Tân sơn	30.778	30.778	-					30.778	30.178	600						
Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	17.390	17.390	-					17.390	16.790	600						
Y tế xã, thị trấn (Cò y tế vùng cao)	13.388	13.388	-					13.388	13.388	-						
1 Chi cục Dân số	3.173	3.173	-					3.173	2.373	800						
Chi theo định mức biên chế:	2.373	2.373	-					2.373	2.373	-						
Kinh phí tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ về công tác dân số	500	500	-					500	500	-						
Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-					300	300	-						
Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao	16.100	16.100	-					16.100	3.200	12.900					16.100	
Định mức	3.200	3.200	-					3.200	3.200	-					3.200	
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-					300	300	-					300	
Chi đào tạo Vận động viên thể thao thành tích cao	12.600	12.600	-					12.600	12.600	-					12.600	
1 Trung tâm Khai thác các công trình Thể thao	1.725	1.725	-					1.725	525	1.200					1.725	

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017



STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
			Tổng cộng	Đầu tư xây dựng	Chi đầu tư KDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TĐTT	PTT
						Định mức	Nghiệp vụ											
-	Chi định mức	525	525	-					525	525	-							525
-	Mua sắm tài sản, thiết bị	300	300	-					300		300							300
-	Chi kiểm tra, bảo trì giàn máng nhà thi đấu, sửa chữa thường xuyên hệ thống điện, đường cấp thoát nước	500	500	-					500		500							500
-	Chi tiền điện; bảo vệ 3 công trình	200	200	-					200		200							200
-	Chi nghiệp vụ	200	200	-					200		200							200
173	Đài truyền hình	28.209	28.209	-					28.209	15.199	13.010							28.209
-	Chi định mức	7.776	7.776	-					7.776	7.776	-							7.776
-	Chi tiền nhuận bút	7.423	7.423	-					7.423	7.423	-							7.423
-	Chi nâng cao chất lượng chương trình phát thanh truyền hình, tăng thời lượng phát sóng và mua bản quyền các chương trình theo chuẩn HD.	3.500	3.500	-					3.500	-	3.500							3.500
-	Chi tiền điện, tiền nước, nhiên liệu, công tác phí, chi phí nghiệp vụ chuyên môn do phát sóng lên vệ tinh.	2.900	2.900	-					2.900	-	2.900							2.900
-	Chi thuê bao kênh vệ tinh (kênh HD).	4.400	4.400	-					4.400	-	4.400							4.400
-	Chi mở chuyên mục "Giám đốc số với cứ trị".	210	210	-					210	-	210							210
-	Chi đầu tư cơ sở vật chất (Đã bao gồm đầu tư cơ sở vật chất theo chuẩn HD).	2.000	2.000	-					2.000	-	2.000							2.000
II	CHI SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH VÀ KINH TẾ KHÁC	32.217	32.217	-					32.217		32.217							
1	Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch	7.217	7.217	-					7.217		7.217							
2	Bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh	2.000	2.000	-					2.000		2.000							
3	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp kiến thiết thị chính và kinh tế khác	23.000	23.000	-					23.000		23.000							
-	Cải tạo, nâng cấp hồ công viên Văn Lang trong quần thể Khu du lịch Văn Lang, thành phố Việt Trì	7.000	7.000	-					7.000		7.000							
-	Cải tạo, nâng cấp đường và hệ phố hai bên đường Trần Phú, đoạn từ nút A7 đến nút giao với đường Hàn Thuyên, thành phố Việt Trì	13.000	13.000	-					13.000		13.000							
-	Cải tạo hồ sinh thái tại khu vực hồ Đồng Thống thuộc phường Thanh Miếu thành, phố Việt Trì	3.000	3.000	-					3.000		3.000							
		11.235	11.235	-					11.235		11.235							
III	CHI AN NINH	20.145	20.145	-					20.145		20.145							
IV	CHI QUỐC PHÒNG	20.145	20.145	-					20.145		20.145							
V	CHI HỖ TRỢ THỰC HIỆN LUẬT DQTV, PLCA VÀ CÁC NHIỆM VỤ ANQP KHÁC	21.480	21.480	-					21.480		21.480							
VI	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	10.000	10.000	-					10.000		10.000							
VII	MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC THEO QUY ĐỊNH	1.235.712	1.235.712	-					1.235.712	506.112	729.600	66.474	1.320	5.820	525.278	169.323	31.945	17.960
I	Kinh phí thi đua khen thưởng	8.000	8.000	-					8.000		8.000	-	8.000					

Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
	Chi cân đối ngân sách															
	Tổng cộng	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT
Chi đầu tư từ XDCB tập trung				Chi đầu tư từ nguồn ưu tiên sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Định mức		Nghiệp vụ								
Kinh phí triển khai thi hành pháp luật (tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật; xây dựng, biên soạn, cấp phát tài liệu tuyên truyền ...)	1.500	1.500	-				1.500									
Kinh phí thực hiện Đề án thực hiện khâu đột phá về Cải cách hành chính; trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 19/9/2016.	3.000	3.000	-				3.000									
Kinh phí kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật các ngành	500	500	-				500									
Ban chỉ đạo cải cách tư pháp tỉnh Phú Thọ (Toà án tỉnh)	200	200	-				200									
Kinh phí thống kê, tổng hợp 18 chỉ tiêu cấp xã theo công văn số 1812/CV-TU ngày 12/4/2010; Rà soát, khảo sát thống kê hộ, nhân khẩu theo chi thị số 20/CT-UBND ngày 24/12/2009	100	100	-				100									
Chi sửa chữa, mua sắm phương tiện năm 2017	15.000	15.000	-				15.000									
Kinh phí tổ chức thực hiện những ngày lễ lớn;	5.000	5.000	-				5.000									
Kinh phí thực hiện ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước	4.000	4.000	-				4.000									
Chi nghiệp vụ đối ngoại và xúc tiến đầu tư	7.000	7.000	-				7.000									
Kinh phí đảm bảo hoạt động trật tự an toàn giao thông tỉnh: 2.516 triệu đồng (bao gồm: Ban ATGT tỉnh: 1.275 triệu đồng, trong đó đã bao gồm thu hồi tạm ứng kinh phí mua máy in năm 2016: 500 triệu đồng; Thanh tra giao thông tỉnh: 1.241 triệu đồng).	2.516	2.516	-				2.516									
Kinh phí đảm bảo hoạt động của các lực lượng sử phạt (Không bao gồm phạt an toàn giao thông) theo Thông tư số 153/2013/TT-BTC và hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả theo QĐ số 20/2016/QĐ-TTg.	5.000	5.000	-				5.000									
Hỗ trợ thiết bị và duy trì hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (Tabmis) ngành tài chính.	1.000	1.000	-				1.000									
Kinh phí quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo QĐ số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của TTCP.	600	600	-				600									
Kinh phí xây dựng chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.	800	800	-				800									
Kinh phí đối ứng các dự án cơ tính chất sự nghiệp	7.000	7.000	-				7.000									

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách															
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
			Tổng cộng	Tổng số	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTT
			Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ										
19	Kinh phí thực hiện Dự án 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính; Kế hoạch 2696/KH-UBND ngày 02/7/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về triển khai thực hiện Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính tỉnh Phú Thọ	3.000	3.000	-	-	3.000	-	3.000	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-
20	Kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội thẩm nhân dân - Tòa án nhân dân tỉnh.	500	500	-	-	500	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-	-
21	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo QĐ số 32/2016/QĐ-TTg (Bổ sung có mục tiêu từ NSTW).	1.758	1.758	-	-	1.758	-	1.758	1.758	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Kinh phí hỗ trợ chênh lệch giữa giá in và giá bán báo Phú Thọ	1.320	1.320	-	-	1.320	-	1.320	1.320	-	-	-	-	-	-	-	-
23	Chi đảm bảo hoạt động khối đoàn thể	1.500	1.500	-	-	1.500	-	1.500	1.500	-	-	1.500	-	-	-	-	-
24	Chi các nghiệp vụ phát sinh theo kết luận của TTU	2.000	2.000	-	-	2.000	-	2.000	2.000	-	-	2.000	-	-	-	-	-
25	Kinh phí hỗ trợ thành lập HTX	320	320	-	-	320	-	320	320	-	-	320	-	-	-	-	-
26	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp	2.000	2.000	-	-	2.000	-	2.000	2.000	-	-	2.000	-	-	-	-	-
27	Hỗ trợ tuyên truyền phổ biến pháp luật	500	500	-	-	500	-	500	500	-	-	500	-	-	-	-	-
28	Kinh phí tổ chức đào tạo văn động viên.	3.500	3.500	-	-	3.500	-	3.500	3.500	-	-	3.500	-	-	-	-	-
29	Chi cho công tác khuyến học của tỉnh (thực hiện QĐ số 281/QĐ-TTg, KH số 2577/KH-UBND ngày 23/6/2014 về đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020; KH số 242/KH-UBND ngày 20/01/2016 về nhân rộng và đánh giá, công nhận mô hình học tập GD 2016-2020.	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	-	1.000	-	-	-	-	-
30	Hỗ trợ các trường mầm non, TH+THPT đạt chuẩn quốc gia; mức dự kiến hỗ trợ (12 trường MN+ 03 trường TH x 300 triệu/trường; 18 trường THCS x 400 triệu/trường; 3 trường THPT x 600 triệu/trường), KH số trường đạt chuẩn theo KH số 3689/KH-UBND ngày 30/8/2016.	13.500	13.500	-	-	13.500	-	13.500	13.500	-	-	13.500	-	-	-	-	-
31	Kinh phí Bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định.	227.836	227.836	-	-	227.836	-	227.836	227.836	-	-	227.836	-	-	-	-	-
32	Kinh phí bảo đảm phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp vùng đặc biệt khó khăn và các chế độ, chính sách khác theo quy định.	69.276	69.276	-	-	69.276	-	69.276	69.276	-	-	69.276	-	-	-	-	-
33	Kinh phí thực hiện tiền án trả Quyết định 239/QĐ-TTg và Quyết định 60/QĐ-TTg.	32.365	32.365	-	-	32.365	-	32.365	32.365	-	-	32.365	-	-	-	-	-
34	Kinh phí thực Thông tư 42/TTLT chính sách giáo dục với người khuyết tật.	7.523	7.523	-	-	7.523	-	7.523	7.523	-	-	7.523	-	-	-	-	-
35	Kinh phí thực hiện quyết định 66/QĐ-TT, Thông tư 35/TTLT chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên.	2.011	2.011	-	-	2.011	-	2.011	2.011	-	-	2.011	-	-	-	-	-

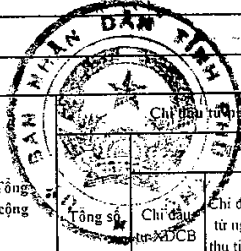
		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Chi cân đối ngân sách															
T	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
			Tổng cộng	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TĐTT	PTTH
				Tổng số	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Định mức								
5	Kinh phí thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	93.032	93.032	-			93.032	-	93.032				93.032				
7	Kinh phí thực hiện Quyết định 53/QĐ-TTg chính sách nội trú với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp	3.534	3.534	-			3.534	-	3.534				3.534				
8	Dự kiến các nhiệm vụ phát sinh + tăng biên chế khởi tính	9.101	9.101	-			9.101	1.101	8.000				9.101				
9	Hỗ trợ học sinh bán trú và Trường phổ thông dân tộc bán trú	8.490	8.490	-			8.490	-	8.490				8.490				
9	Hỗ trợ học sinh phổ thông trung học ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn	14.810	14.810	-			14.810	-	14.810				14.810				
1	Đào tạo trên chuẩn cho giáo viên	3.000	3.000	-			3.000	-	3.000				3.000				
2	Chi chế độ sinh viên cử tuyển tra cho các trường đại học	700	700	-			700	-	700				700				
3	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	600	600	-			600	-	600				600				
4	Kinh phí hỗ trợ học phí cho các đối tượng học trung cấp nghề và cao đẳng nghề	7.000	7.000	-			7.000	-	7.000				7.000				
5	Chi công tác giáo dục đào tạo an ninh quốc phòng theo ND 116/2007/NĐ-CP và đào tạo khác	7.000	7.000	-			7.000	-	7.000				7.000				
6	Chi đào tạo sau đại học và chế độ ưu đãi thu hút tay nghề cao	6.500	6.500	-			6.500	-	6.500				6.500				
7	Kinh phí mở các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức theo kế hoạch năm 2017	6.500	6.500	-			6.500	-	6.500				6.500				
8	Kinh phí đào tạo sau đại học và đào tạo lại khối Đảng + đoàn thể cấp tỉnh	1.500	1.500	-			1.500	-	1.500				1.500				
9	Chi các khoản phát sinh khối đào tạo	6.000	6.000	-			6.000	-	6.000				6.000				
9	Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế theo luật	159.323	159.323	-			159.323	159.323					159.323				
1	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất ngành y tế (Chi đạt chuẩn tiêu chí quốc gia các trạm y tế cấp xã: 10 tỷ đồng)	10.000	10.000	-			10.000	-	10.000				10.000				
2	Hỗ trợ kinh phí tu bổ tôn tạo di tích cấp tỉnh	2.000	2.000	-			2.000	-	2.000					2.000			
3	Kinh phí tổ chức Giỗ tổ Hùng vương 2017 và tổ chức các ngày lễ lớn	6.000	6.000	-			6.000	-	6.000					6.000			
1	Chi lập hồ sơ di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ để nghị đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể Quốc gia năm 2015-2016	700	700	-			700	-	700					700			
5	Kinh phí triển khai thực hiện phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (Liên đoàn Lao động tỉnh)	500	500	-			500	-	500					500			
5	Kinh phí thực hiện đề án "xây dựng đời sống văn hoá công nhân ở khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020" theo QĐ 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011 của TTCP	700	700	-			700	-	700					700			



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển																
			Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Tổng cộng	Tổng số	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTT		
57	Kinh phí thực hiện Đề án bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể - Hát Xoan Phú Thọ (Giai đoạn 2013-2020) theo QĐ số 2058/QĐ-TTg ngày 07/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.	5.000	5.000	-	-	5.000	-	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000	-	-
58	Hỗ trợ kinh phí sáng tạo báo chí của Hội văn học Nghệ thuật và hội Nhà báo địa phương.	645	645	-	-	645	-	645	-	-	-	-	-	-	-	-	645	-	-
59	Kinh phí xét tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú 2017	700	700	-	-	700	-	700	-	-	-	-	-	-	-	-	700	-	-
60	Hỗ trợ hoạt động văn hoá cho các ngành, đoàn thể	1.500	1.500	-	-	1.500	-	1.500	-	-	-	-	-	-	-	-	1.500	-	-
61	Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020.	4.000	4.000	-	-	4.000	-	4.000	-	-	-	-	-	-	-	-	4.000	-	-
62	Tổ chức hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện QĐ 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
63	Chi phí xây dựng đề án năm Du lịch quốc gia 2020, tổ chức các hoạt động hưởng ứng năm Du lịch quốc gia Tây Bắc 2017; xây dựng mô hình điểm Du lịch cộng đồng Xuân Sơn.	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000	-	-
64	Kinh phí lập quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Đền Hùng.	500	500	-	-	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
65	Kinh phí tham gia ngày hội văn hóa, thể thao, du lịch các dân tộc vùng tây bắc.	1.200	1.200	-	-	1.200	-	1.200	-	-	-	-	-	-	-	-	1.200	-	-
66	Kinh phí kỷ niệm 70 năm chiến thắng Sông Lô.	2.000	2.000	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	-	-
67	Kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm ngày tái lập tỉnh Phú Thọ.	5.000	5.000	-	-	5.000	-	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000	-	-
68	Hỗ trợ đội bóng chuyên (Công an tỉnh)	1.500	1.500	-	-	1.500	-	1.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.500
69	Chi chế độ tiền ăn + luyện tập vận động viên và huấn luyện viên	3.000	3.000	-	-	3.000	-	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.000
70	Chi cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình khu liên hiệp thể thao tỉnh	5.000	5.000	-	-	5.000	-	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000
71	Hỗ trợ thể dục thể thao các ngành đoàn thể	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000
72	Chi thưởng giải bóng chuyên Cúp Hùng vương	360	360	-	-	360	-	360	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	360
73	Chi tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh	1.000	1.000	-	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000
74	Kinh phí đăng cai các giải toàn quốc, khu vực	400	400	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	400
75	Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Phú Thọ 2017.	5.000	5.000	-	-	5.000	-	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000
76	Tham gia thi đấu hội thi thể thao các dân tộc thiểu số 2017	700	700	-	-	700	-	700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	700
77	Chi thực hiện quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng (29 thôn bản và 9.800ha rừng).	2.140	2.140	-	-	2.140	-	2.140	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.140



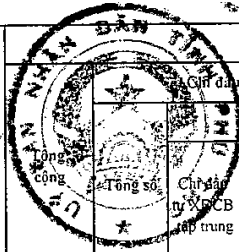
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Tên đơn vị	Tổng cộng		Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
	Tổng cộng	Tổng cộng	Tổng số	Trang đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
				Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghị quyết								
Kinh phí thực hiện các chương trình sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh	59.358	59.358	-				59.358		59.358								
Chi hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất lúa.	39.813	39.813	-				39.813		39.813								
Kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí.	99.141	99.141	-				99.141		99.141								
Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp thủy lợi	9.000	9.000	-				9.000		9.000								
Cải tạo, nâng cấp hồ Chồ xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập	5.000	5.000	-				5.000		5.000								
Cải tạo nâng cấp dự án đập Đá Thờ và hệ thống kênh tưới các xã Hương Lung, Tạ Xá, Sơn Tĩnh, huyện Cẩm Khê	4.000	4.000	-				4.000		4.000								
Kinh phí chúc thọ và tặng quà cho người cao tuổi 90 tuổi ( 2000 cụ *400) và 100 tuổi (300 cụ*850 )	1.055	1.055	-				1.055	1.055									
Trợ cấp hàng tháng cho thanh niên xung phong theo TT số 08/2012/TTLT BTC-BLĐ-BNV	864	864	-				864	864									
Kinh phí chi cho đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội ngoài công lập theo ND số 136/2013/ND-CP.	3.740	3.740	-				3.740	3.740									
Điều tra triết phá ô nhóm, lập hồ sơ phòng chống mại dâm (Công an tỉnh)	100	100	-				100		100								
Điều tra triết phá đường dây buôn bán phụ nữ và trẻ em (Công an tỉnh)	100	100	-				100		100								
Mục tiêu quản lý trẻ em lâm trái pháp luật (Công an tỉnh)	100	100	-				100		100								
Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 2089/KH-UBND ngày 04/6/2015 về tăng cường công tác phòng chống, kiểm soát ma túy và đổi mới công tác cai nghiện đến năm 2020 và nhiệm vụ phát sinh.	2.200	2.200	-				2.200		2.200								
Chi hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp.	3.000	3.000	-				3.000		3.000								
Kinh phí xây dựng bổ sung bảng giá đất (do có thêm các tuyến đường mới đưa vào sử dụng).	200	200	-				200		200								
Kinh phí xác định hệ số điều chỉnh Bảng giá đất năm 2017.	250	250	-				250		250								
Kinh phí chăm sóc cây, hoa cảnh và vệ sinh môi trường Khu Di tích Đền Hùng	2.000	2.000	-				2.000		2.000								
Duy tu sửa chữa thường xuyên đường tỉnh, mức chi 40 triệu đồng/km.	29.418	29.418	-				29.418	29.418									
Hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn	4.000	4.000	-				4.000		4.000								
Khắc phục giao thông sau bão lũ, đảm bảo giao thông trên một số tuyến đường tỉnh.	7.500	7.500	-				7.500		7.500								
Khắc phục hậu quả lụt, bão, đảm bảo giao thông bước 1 trên ĐT.316I, ĐT.316H, ĐT.321, ĐT.321C và ĐT.323	54	54	-				54		54								
Khắc phục hậu quả lụt, bão bảo đảm giao thông bước 2 trên các tuyến ĐT.313B, ĐT.316B, ĐT.321C	3.559	3.559	-				3.559		3.559								

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																	
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Tổng số	Trong đó:	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTT		
-	Khắc phục hậu quả lụt bão đảm bảo giao thông bước 1 trên các tuyến ĐT.314, ĐT.320, ĐT.320D và ĐT.321B	3.887	3.887	-						3.887	3.887								
96	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp giao thông	90.000	90.000	-						90.000	90.000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên huyện Thanh Sơn - Thanh Thủy (giai đoạn 1), đoạn Thanh Sơn	7.000	7.000	-						7.000	7.000								
-	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 314 đoạn Thanh Ba - Hương Xá	9.000	9.000	-						9.000	9.000								
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện nội TL314 với TL 320, huyện Hạ Hòa	5.000	5.000	-						5.000	5.000								
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn liên xã Đào Xá - Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	9.000	9.000	-						9.000	9.000								
-	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 323C, huyện Phú Ninh (đoạn quốc lộ 2- đê hữu sông Lô)	7.000	7.000	-						7.000	7.000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 316B	7.000	7.000	-						7.000	7.000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường Ngọc Lập - Ngọc Đông, huyện Yên Lập	8.000	8.000	-						8.000	8.000								
-	Cải tạo, nâng cấp và gia cố tuyến đê Tân người Vĩnh Mỹ	5.000	5.000	-						5.000	5.000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và hệ thống chiếu sáng các tuyến đường trong thị trấn Hạ Hòa	4.000	4.000	-						4.000	4.000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn liên xã Tiên Kiên-Hy Cương- Xuân Lũng (3 tuyến) huyện Lâm Thao	2.000	2.000	-						2.000	2.000								
-	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ khu Đồng Thanh xã Đông Lạc đi khu 8 xã Minh Hòa, huyện Yên Lập	4.000	4.000	-						4.000	4.000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ĐT 320 đi Lang Sơn - Hạ Hòa	3.000	3.000	-						3.000	3.000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Tân Thắng huyện Thanh Sơn đi xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy	3.000	3.000	-						3.000	3.000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ khu 3, khu 4, khu 6, khu 7 xã Thanh Đình đi xã Chu Hóa, thành phố Việt Trì	5.000	5.000	-						5.000	5.000								
-	Cải tạo nâng cấp đường giao thông từ TL313 đi trung tâm xã Sơn Tinh, huyện Cẩm Khê	4.000	4.000	-						4.000	4.000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Hiền Quan - Hương Nha, huyện Tam Nông	3.000	3.000	-						3.000	3.000								
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hậu Bông huyện Hạ Hòa (điều chỉnh đoạn ĐT 320 đi khu 1 và khu 5; bổ sung các đoạn từ ĐT 320 đi đê P15, từ đê P12 đi khu 7, từ đê P15 đi khu di tích lịch sử Đình Trắng)	5.000	5.000	-						5.000	5.000								



Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
			Tổng số	Trang đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đang	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	IDTT	PTTH
	Chi đầu tư XD CB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ											
Xử lý và chế biến chất thải theo Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020: 25.000 triệu đồng, hỗ trợ các doanh nghiệp công ích: 7.000 triệu đồng.	32.000	32.000	-				32.000	32.000									
Kinh phí hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường (Bổ sung có mục tiêu từ NSTW).	13.614	13.614	-				13.614	13.614									
Thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình (Từ nguồn thu tiền sử dụng đất)	10.000	10.000	-				10.000	10.000									
Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác của địa phương	8.000	8.000	-				8.000	8.000									
<b>CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH</b>	1.200	1.200					-	-									
<b>DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>	114.140	114.140					-	-									
<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	1.529.538	-					-	-									
<b>BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	341.890	-					-	-									
<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ</b>	3.782.411	-					-	-									

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2017 (Tiếp theo)**

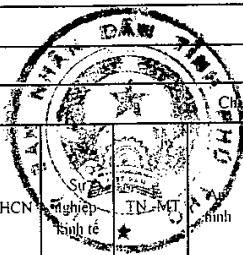
Đơn vị tính: Triệu đồng.



STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	58.902	31.630	433.088	90.216	#####	20.145	21.480	10.000	8.000	42.005	123.972	1.392.791	1.200	114.140	1.529.538	341.890	3.792.411
A	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>																	
B	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH</b>	58.902	31.630	433.088	90.216	#####	20.145	21.480	10.000	8.000	42.005	123.972	1.392.791	-	-	-	-	-
1	<b>CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ CỦA TỈNH</b>	50.743	28.630	60.501	32.132						40.982	123.972	1.392.791					
1	Văn phòng UBND tỉnh										857							
-	Chi định mức QLNN										104							
-	Trung tâm Công báo - Tin học										13							
-	Chi các hoạt động nghiệp vụ										140							
-	Chi hoạt động của thường trực UBND tỉnh,										200							
-	Kinh phí xây dựng, hoàn thiện và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật																	
-	Chi duy trì cảnh quan môi trường khu vực UBND tỉnh										150							
-	Ban chỉ đạo phòng chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm tỉnh																	
-	Chi sửa chữa và mua sắm thiết bị, tài sản UBND tỉnh										100							
-	In và phát hành Công báo của tỉnh																	
-	Chi hoạt động của Ban tiếp công dân.										25							
-	Chi cải tạo, nâng cấp và xây mới một số hạng mục công trình thuộc trụ sở làm việc của các cơ quan khu vực UBND tỉnh Phú Thọ.																	
-	Chi cải tạo nhà ăn thành nhà làm việc										50							
-	Chi triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (triển khai hệ thống một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến; triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành tích hợp chữ ký số ...)																	
-	Chi khác										25							
2	Văn phòng HĐND tỉnh.										396							
-	Chi định mức										41							
-	Phụ cấp kiêm nhiệm đại biểu HĐND tỉnh																	
-	Phụ cấp nghiên cứu tài liệu + công tác phi của các đại biểu cơ sở + Đại báo + Tài liệu chuyên môn các đại biểu																	
-	Chi các kỳ họp HĐND tỉnh																	
-	Chi hỗ trợ đoàn đại biểu quốc hội																	
-	Chi hoạt động của 4 ban của HĐND Tỉnh																	
-	Chi các hoạt động giám sát, khảo sát.																	
-	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri																	
-	Chi các hội nghị giao ban trong tỉnh										15							

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																		
T	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																		
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị					
		ĐBXH	KHCN	Sơ nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách							Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương			
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL									
	Kinh phí xây dựng và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật																			
	Chi hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh																			
	Kinh phí đảm bảo các hoạt động của HĐND theo mức chi của Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Phú Thọ																			
	Chi xây dựng bản tin																			
	Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử đoàn đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh																			
	Chi hoạt động chuyên môn phục vụ kỳ họp: Chi họp thẩm tra, chi xây dựng các báo cáo của ban thẩm tra, chi chuẩn bị các văn bản phục vụ các kỳ họp ...																			
	Chi xây dựng cuốn kỷ yếu HĐND khóa mới Nk 2016-2021.																			
	Chi mua sắm trang phục cho đại biểu nhiệm kỳ mới 2016-2021.																			
	Chi thực hiện chuyên mục "Giám đốc sở với cư tri"																			
	Chi sửa chữa và mua sắm tài sản																			
	Sở Kế hoạch và Đầu tư																			
	Chi định mức																			
	Chi hoạt động tư vấn, giám sát đánh giá dự án đầu tư																			
	Chi ban chỉ đạo các CTMTQG																			
	Kinh phí xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật																			
	Kinh phí chi gặp mặt các doanh nghiệp và doanh nhân hàng năm																			
	Chi ban chỉ đạo, văn phòng phát triển bền vững tỉnh Phú Thọ																			
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.																			
	Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử.																			
	Kinh phí chi một cửa liên thông																			
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản																			
	Kinh phí nghiệp vụ Ban đổi mới doanh nghiệp																			
	Chi Ban chỉ đạo Xã hội hoá về công tác giáo dục, y tế.																			
	Chi nghiệp vụ: Hoạt động KT đối ngoại; xây dựng báo cáo phát triển KTXH... và các hoạt động nghiệp vụ khác.																			
	Sở Khoa học công nghệ		11.200																	
	Chi định mức																			

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017



STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực											Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		ĐBXH	KHCN	Sở Khoa học và Công nghệ	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật ĐQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương									
							10% làm nguồn CCTL	TK 35-40% số thu để làm nguồn CCTL										
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.																	
-	Công tác kế hoạch hoá, thông kê khoa học công nghệ và hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh; Quản lý khoa học, quản lý cơ sở		1.500							150								
-	Chi công tác quản lý công nghệ và thanh tra KHCN		450							45								
-	Công tác sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân		300							30								
-	Hoạt động tin học và thông tin khoa học công nghệ		450							45								
-	Chi hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học		450							45								
-	Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng		500							50								
-	Đào tạo trao đổi, hợp tác về khoa học và công nghệ trong và ngoài nước		550							55								
-	Bổ sung trang thiết bị, tăng cường tiềm lực phục vụ nghiên cứu và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ		500							50								
-	Hỗ trợ các hoạt động khoa học công nghệ của các sở, ban, ngành, các hội khoa học, hội đồng khoa học công nghệ các cấp và các nhiệm vụ cấp cơ sở		1.500							150								
-	Hỗ trợ nhân rộng kết quả nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH-CN trên địa bàn tỉnh.		3.000							150								
-	Hỗ trợ xây dựng bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm, hàng hóa đặc trưng và có lợi thế của tỉnh.		2.000							100								
5.	Trung tâm Tin học và Thông kê Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)		1.202							53								
	Chi định mức		902							23								
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.		300							30								
6	Trung tâm Kỹ thuật đo lường - thử nghiệm (Sở Khoa học và Công nghệ)		820							22								
7	Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)		984							22								
8	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)		13.524							634								
	Chi định mức		255							7								
	Chi hoạt động nghiệp vụ của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ.		269							27								
	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ		12.000							600								
	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển khoa học công nghệ		1.000															
9	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng									34	10	300						
10	Chi cục thú y				8.310					236	80	210						

Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
	Chi cân đối ngân sách												Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
	Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách	
	ĐBXH	KHCCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương							
10% TK làm nguồn CCTL										35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
Chi định mức biên chế QLNN										31							
Chi định mức biên chế sự nghiệp			4.510							55	80		210				
Chi kiểm tra vệ sinh thú y, công tác thú y thủy sản và phòng chống bệnh dại			600							60							
Phòng chống dịch điện rộng			2.000														
Kinh phí sửa chữa các trạm thú y: Cẩm Khê, Đoan Hùng			200							20							
Thuê trụ sở làm việc các trạm (Việt Trì, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Tân Sơn, Hạ Hoà, Lâm Thao)			120														
Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản			500							50							
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			180														
Chi hoạt động nghiệp vụ tuyên truyền; chi phân tích mẫu thuốc và thức ăn chăn nuôi.			200							20							
Văn phòng Chi cục bảo vệ thực vật			6.596							268	4		40				
Chi định mức biên chế QLNN										21	4		25				
Chi định mức biên chế sự nghiệp			4.346							55			15				
Chi kiểm tra, lấy mẫu thuốc, phân tích			150														
Hỗ trợ công tác tuyên truyền + Nghiệp vụ			200							20							
Kinh phí xây dựng mô hình kỹ thuật diệt chuột hại cây trồng			200							20							
Chi hoạt động kiểm dịch thực vật			150							8							
Chi thực hiện KH: Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây trồng			500							50							
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			100														
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			500							50							
Chi hoạt động phòng trừ sâu bệnh+ duy trì bẫy đèn			450							45							
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			650							150	32		80				
Chi định mức biên chế										83	32		80				
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành (theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg)+Chi trang phục thanh tra + chi lấy mẫu kiểm tra, phân tích mẫu giống và phân bón.																	
Chi sửa chữa lớn trụ sở										25							
Chi duy trì trang thông tin điện tử																	
Chi nghiệp vụ sở.																	
Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định										20							
Ban chỉ đạo các chương trình nông nghiệp của tỉnh			200														
Chi cho công tác báo cáo tiến độ SX NLN			450							23							
Chi cục Điều tra và Phòng chống lụt bão			12.356							1.044							



STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														
		Chi cân đối ngân sách														
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực														
		ĐBXH	KHCN	SV nghề kỹ thuật	TN-MT	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN- QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương
10% TK lâm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL															
-	Chỉ định mức biên chế QLNN								24							
-	Chỉ định mức đội quản lý đê		2.296						34							
-	Tu bổ đê, kè công		5.000						500							
-	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp kè		4.000						400							
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.		60						-							
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản và nghiệp vụ.		500						50							
-	Chi Ban chỉ huy phòng chống lụt bão: 400 triệu đồng; chi sửa chữa hạt Thanh Thủy: 300 triệu.		700						35							
14	Chi cục Thủy lợi		7.226						668							
-	Chỉ định mức biên chế QLNN								38							
-	Định mức biên chế sự nghiệp		1.066						29							
-	Chi ban chỉ đạo, quản lý CTMT nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn		200													
-	Chi hoạt động tuyên truyền, kiểm tra chống úng, chống hạn, vệ sinh môi trường nông thôn.		300						30							
-	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản		300						30							
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.		60						-							
-	Chi nghiệp vụ.		300						40							
-	Duy tu sửa chữa thường xuyên các công trình cấp nước sinh hoạt do cộng đồng quản lý và các công trình thủy lợi.		5.000						500							
15	Chi cục Thủy sản		2.850						209	40	1.200					
-	Chỉ định mức biên chế QLNN								34		1.200					
-	Chỉ định mức biên chế sự nghiệp		820						24	40						
-	Chi nghiệp vụ								20							
-	Hỗ trợ mua cá hậu bị giống mới để sản xuất cá bố mẹ, bảo tồn lưu giữ giống cá quý hiếm...		400													
-	Hỗ trợ chuyên gia kỹ thuật sản xuất giống mới và cải tạo đàn cá bố mẹ cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn		300													
-	Chi điều tra cảnh báo phòng trị bệnh dịch thủy sản (chi lấy mẫu, xét nghiệm, kiểm tra...); điều tra, lấy mẫu thức ăn phục vụ thanh tra chuyên ngành		200						20							
-	Chi sửa chữa nhà và mua sắm tài sản, thiết bị phục vụ chuyên môn		400						40							
-	Chi thực hiện quan trắc môi trường, lấy mẫu phân tích, xét nghiệm cảnh báo, phòng trị dịch bệnh thủy sản.		200						20							

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														
		Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bộ thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực														
T	Tên đơn vị	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cải cách tiền lương					Các khoản thu
											10% TK làm nguồn CCTL	33-40% số thu để làm nguồn CCTL				
	Tổ chức thực hiện KH phát triển cá lồng thâm canh			200								20				
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			60												
	Chi tuyên truyền khuyến khích phát triển thủy sản			300								30				
5	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản											167	18	103		
	Chi định mức											27	18	103		
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.															
	Chi mua sắm thiết bị, tài sản, sửa chữa tài sản											30				
	Chi xây dựng quản lý chuỗi cung cấp thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn.											60				
	Chi giám sát chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản.															
	Chi xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm.															
	Chi tổ chức các đoàn thanh tra liên ngành kiểm tra, giám sát cảnh báo nguy cơ mất an toàn thực phẩm.												15			
	Chi nghiệp vụ tuyên truyền, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, phổ biến pháp luật về an toàn TP, lấy mẫu phân tích ...												35			
7	Chi cục Lâm nghiệp			340								68				
	Chi định mức biên chế											16				
	Chi định mức sự nghiệp			340								6				
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định											15				
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra và chi nghiệp vụ quản lý lâm nghiệp.												31			
8	Chi cục phát triển nông thôn			770								82				
	Chi định mức QLNN											34				
	Chi định mức sự nghiệp											8				
	Chi nghiệp vụ											10				
	Mua sắm, sửa chữa tài sản cố định											30				
	Kinh phí hội chợ làng nghề			200												
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ: 200 triệu đồng; Kinh phí hoạt động của Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ: 200 triệu đồng.			400												
	Chi kiểm tra, chỉ đạo làng nghề và thưởng công nhận làng nghề (3 làng x30tr); kiểm tra 20tr; tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho Trưởng các làng nghề 60tr.			170												

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị				
		ĐBXH	KHCN	SIP nghiệp vụ kinh tế	ĐTNMT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương					Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL									
19	Chi cục kiểm lâm			2.110						489									
-	Chi định mức			-						233									
-	Chi mua sắm tài sản			-						50									
-	Chi trang phục ngành và nghiệp vụ			-						40									
-	Chi hỗ trợ công tác tuyên truyền PCCR.			360						36									
-	Chi hỗ trợ sửa chữa đường băng căn lư.			200															
-	Chi mua sắm thiết bị			300						30									
-	Bảo vệ rừng mùa khô hạn 139 xuất			250															
-	Chi trả nợ kinh phí xây dựng trụ sở làm việc			-															
-	Hỗ trợ sửa chữa các Hạt kiểm lâm: Tân Sơn, Phú Lâm, Việt Trì, Thanh Sơn; các hạt: Lai đồng, Phương vĩ, Bến Sơn, Tam Cửu, Chi Tiên, Ngọc lập. (CC Kiểm Lâm).			1.000						100									
20	Vườn Quốc gia Xuân Sơn			4.910						180									
-	Chi định mức			3.910						80									
-	Kinh phí tuyên truyền tập huấn cho người dân về công tác phòng chống cháy rừng.			200						20									
-	Chi nghiệp vụ			300						30									
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản			500						50									
-	Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Bứa			1.293						77									
-	Chi định mức biên chế			595						17									
-	Chi nghiệp vụ và xây dựng đường băng căn lư.			200						10									
-	Chi mua sắm; cải tạo, sửa chữa nhà làm việc.			500						50									
-	Ban quản lý rừng phòng hộ Ngòi Giành			1.505						70									
-	Chi định mức biên chế			805						10									
-	Chi nghiệp vụ và xây dựng đường băng căn lư.			200						10									
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản và thanh toán kinh phí sửa chữa nhà làm việc.			500						50									
23	Trung tâm khuyến nông			6.870						357									
-	Chi định mức			2.870						57									
-	Thông tin tuyên truyền			300						30									
-	Tham quan học tập			100						10									
-	Tập huấn, huấn luyện ...			500						50									
-	Tổ chức tuyên truyền nhân rộng mô hình thâm canh cải tạo vườn bưởi Đoàn Hùng			200						20									
-	Kinh phí mua sắm tài sản phục vụ tuyên truyền			200						20									
-	XD mô hình trình diễn, khuyến nông, khuyến ngư			2.000						100									
-	Chi sửa chữa nhà làm việc và các công trình.			500						50									
-	Chi hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho nông dân			200						20									
24	Trung tâm giống vật nuôi Phú Thọ			4.058						107			10.300						
-	Chi định mức biên chế			1.558						27			10.300						
-	Chi tuyên truyền + nghiệp vụ.			300						30									

T	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
		Chi cân đối ngân sách																	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương								
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																		
	Hỗ trợ sản xuất giống lợn gốc ông bà để sản xuất giống bố mẹ chất lượng			800															
	Hỗ trợ sản xuất gà giống			300															
	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản			500						50									
	Hỗ trợ sản xuất tinh dịch lợn			300															
	Chi hỗ trợ cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo			300															
5	Ban quản lý dự án công trình xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			425															
5	Sở Nội vụ			-															
	Chi định mức			-						47									
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-															
	Kinh phí thực hiện chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2015-2020.			-						30									
	Kinh phí triển khai thực hiện chính sách tỉnh giảm biên chế.			-						25									
	Chi nghiệp vụ			-						44									
	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản và duy trì mạng Lan			-						50									
7	Ban Tôn giáo			-						22									
	Chi định mức			-						12									
	Chi nghiệp vụ			-															
	Mua sắm tài sản			-						10									
	Chi chúc mừng, thăm hỏi các tổ chức, chức việc, chức sắc tôn giáo.			-															
8	Ban dân tộc			-						87									
	Chi định mức biên chế			-						32									
	Cung cấp thông tin, tập huấn bồi dưỡng kiến thức và thăm hỏi người có uy tín theo QĐ 18/2011/QĐ-TTg			-															
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản			-						30									
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-															
	Chi nghiệp vụ			-						25									
9	Ban thi đua khen thưởng			-						74									
	Chi định mức			-						34									
	Mua sắm, sửa chữa tài sản			-						20									
	Các nhiệm vụ phục vụ thi đua khen thưởng			-						20									
10	Thanh tra tỉnh			-						138									
	Chi theo định mức			-						53									

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực											Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		DBXH	KHCN	Nghiệp vụ	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương									
							10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL										
	Chi trang phục thanh tra + Chi bồi dưỡng công chức thanh tra																	
	Thanh tra viên trực tiếp tiếp dân và xử lý đơn thư																	
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản																	
	Kinh phí duy trì mạng LAN và trang thông tin điện tử																	
	Kinh phí trích cho thanh tra tỉnh để thực hiện các nội dung theo Thông tư Liên tịch số 90/2012/TTLT-BTC- TTCP ngày 30/5/2012 và Nghị quyết 29/2012/NQ-HĐND ngày 17/12/2012.																	
	Chi nghiệp vụ																	
31	Trung tâm Thông tin tư liệu thanh tra (Thanh tra tỉnh)																	
	Chi theo định mức																	
	Chi nghiệp vụ + duy trì thông tin điện tử + tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về khiếu nại tố cáo...																	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản																	
32	Sở Tài chính																	
	Chi theo định mức																	
	Công bố giá hàng tháng và kiểm tra kê khai giá																	
	Duy trì diện rộng hệ thống TABMIT....																	
	Kinh phí xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật																	
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 52/2009/NĐ-CP, Nghị định số 04/2016/NĐ-CP về quản lý TSNN; Thông tư 123/2011/TT-BTC về việc quản lý, khai thác phần mềm quản lý, đăng ký tài sản nhà nước trong công tác kiểm tra, rà soát, đăng nhập dữ liệu tài sản nhà, đất, xe ô tô, tài sản khác 500tr trở lên; tài sản kết cấu giao thông đường bộ, TS ban QL dự án vào cơ sở dữ liệu quốc gia, triển khai thực hiện Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung ...																	
	Kinh phí chi nghiệp vụ: Thực hiện Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 về thực hiện cs thu lợi phí; Thông tư liên tịch số 32/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về theo dõi, đơn đốc thu hồi nợ, giao nhận và hoàn trả vốn đầu tư lưới điện hạ áp nông thôn; công tác quản lý tài chính doanh nghiệp.																	
	Chi hội đồng thẩm định bảng giá đất theo ND 44/2014/NĐ-CP; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tính tiền sử dụng đất theo ND 45/2014/NĐ-CP; TT số 48/2012/TT-BTC; TT số 137/2010/TT-BTC; TT số 38/2014/TT-BTC theo quy định Luật Giá.																	

T	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																												
		Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị															
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực									Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách														
		ĐBXH	KHCN	Sr nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định							Nguồn thực hiện các cách tiếp lương													
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																				
	Kinh phí duy trì mạng LAN, trang thông tin điện tử và công tác thống kê, lưu trữ tài chính			-																										
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-																										
	Chi nghiệp vụ ngành.			-																										
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra và nghiệp vụ.			-																										
3	Sở Công thương			-																										
	Chi định mức			-																										
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-																										
	Chi hoạt động của Ban hội nhập kinh tế quốc tế			-																										
	Mua sắm, sửa chữa tài sản, nâng cấp hệ thống điện của sở.			-																										
	Kinh phí bán giao lưới điện áp nông thôn (Ban quản lý RE IT)+ Tổ chức thu hồi vốn Dự án nâng lượng nông thôn.			-																										
	Chi xúc tiến thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ thương mại; Hỗ trợ tổ chức đưa hàng về nông thôn miền núi			-																										
	Chi BCĐ an toàn lưới điện cao áp (200 triệu); tập huấn kiến thức cho các CSSXKD (150 triệu); đánh giá tác động môi trường ngành công thương (150 triệu).			-																										
	Kinh phí quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Phú Thọ đến năm 2025 có xét đến năm 2030.			-																										
	Kinh phí tổ chức hội nghị ngành công thương và hội nghị khuyến công khu vực phía bắc năm 2017.			-																										
	Kinh phí quy hoạch Dự án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (QĐ số 951/QĐ-UBND ngày 25/3/2011; QĐ số 1263/QĐ-UBND ngày 16/5/2012): 300 triệu; Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Phú Thọ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (QĐ số 746/QĐ-UBND ngày 31/3/2016): 300 triệu.			-																										
	Chi nghiệp vụ ngành.			-																										
	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng đề án cơ sở dữ liệu ngành công thương.			-																										
4	Sở Xây dựng			-																										
	Chi định mức			-																										

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

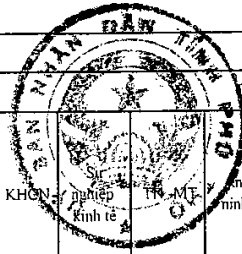


STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách												Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bộ thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách
		ĐBXH	NHCN	kinh tế	AN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương						
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.												18				
-	Kinh phí mua sắm tài, sửa chữa tài sản.																
-	Kinh phí mở lớp tập huấn văn bản pháp luật liên quan đến xây dựng																
-	Kinh phí điều tra, thu thập số liệu báo cáo thống kê ngành Xây dựng theo Thông tư 06/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 của Bộ Xây dựng.																
-	Kinh phí hoạt động của BCĐ thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với hộ nghèo.																
-	Chi nghiệp vụ.																
-	Kinh phí xác định, công bố chi số giá xây dựng năm 2017 theo TT số 02/2012/TT-BXD.											30					
35	Sở Giao thông vận tải											186	500	17.274			
-	Chi định mức											156	500	17.274			
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản.											30					
-	Chi nghiệp vụ ngành.																
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.																
36	Sở Tư pháp.											322	20	400			
-	Chi định mức											84	20	400			
-	Chi công tác cải cách hành chính nhà nước và hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính											20					
-	Kinh phí duy trì tủ sách pháp luật (2triệu đồng/xã/năm; riêng huyện Tân Sơn: 2,5triệu đồng/xã/năm)																
-	Chi phục vụ công tác hành chính tư pháp: Mua biểu mẫu, sổ sách cấp hồ tịch cho các xã phường, thị trấn; quản lý khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp											40					
-	Kinh phí chi phục vụ công tác xây dựng thi hành văn bản quy phạm pháp luật; Công tác hành chính tư pháp;											30					
-	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật																
-	Mua sắm, sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư pháp.											35					
-	Kinh phí thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và đăng ký hộ tịch (cấp tỉnh)											30					
-	Chi nghiệp vụ.											33					

T	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương							
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																	
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.																	
	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật									50								
7	Sở Tài nguyên và Môi trường				20.427					373	222		2.300					
	Chi định mức									45	222		2.300					
	Chi nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ ...									33								
	Chính lý biên động đất đai				1.000					-								
	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2016-2020				1.500					-								
	Kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 cấp tỉnh.				800					-								
	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.				1.000					-								
	Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc thống kê chi tiết hiện trạng sử dụng đất nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn toàn tỉnh.				3.000					-								
	Các hoạt động quản lý khoáng sản và thăm định cấp quyền khai thác khoáng sản				200					20								
	Xây dựng mạng lưới quan trắc động thái nước dưới đất vùng Lâm Thao.				500					-								
	Kinh phí thực hiện dự án xây dựng CSDL tài nguyên môi trường				1.000					-								
	Kinh phí lập, thực hiện dự án điều tra thoái hoá đất kỹ đầu tỉnh Phú Thọ.				2.000					-								
	Kinh phí thực hiện dự án "Quy hoạch phân bố và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030".				2.000					-								
	Các hoạt động quản lý tài nguyên nước - khí tượng thủy văn				100					10								
	Quản lý thu thập, xử lý thông tin tài nguyên và môi trường.				1.000					100								
	Duy trì trang thông tin + Xây dựng bản tin Tài nguyên môi trường				400					-								
	Thực hiện mạng lưới quan trắc, phân tích, cảnh báo ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016-2020.				500					-								
	Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh				100					-								
	Phối hợp với các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh thực hiện chương trình bảo vệ môi trường				200					20								
	Kinh phí điều tra, khảo sát, lập công bố danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.				1.000					-								



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017



STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
		ĐBXH	KHON	ng nghiệp kinh tế	Y tế	Giáo dục	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật ĐQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương					Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
-	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.	-	-	1.000													
-	Chi trang phục + Chế độ bồi dưỡng công chức thanh tra.	-	-	217													
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản của sở Tài nguyên	-	-	400						40							
-	Kinh phí đo đạc trích lục bản đồ đối với những nhà đầu tư không sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư vào tỉnh Phú Thọ	-	-	100													
-	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của 11 huyện trên địa bàn tỉnh.	-	-	360													
-	Đề án cung cấp thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện đến 2020.	-	-	200						20							
-	Kinh phí thực hiện Dự án hệ thống mạng thông tin về Tài nguyên môi trường.	-	-	1.000													
-	Kinh phí xây dựng Đề án bảo vệ môi trường nông thôn tỉnh.	-	-	400						40							
-	Đầu tư trang thiết bị và phần mềm để tiếp nhận số liệu quan trắc nước thải tự động từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.	-	-	200						20							
-	Rà soát, kiểm tra các nguồn thải vào lưu vực sông.	-	-	50						5							
-	Triển khai Đề án quy hoạch tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020.	-	-	200						20							
38	Chi cục quản lý đất đai	-	-	100						115							
-	Chi định mức	-	-	-						45							
-	Chi tập huấn, tuyên truyền phổ biến Luật đất đai	-	-	-						20							
-	Chi xác định giá đất, thẩm định hồ sơ xác định giá đất làm căn cứ thu tiền SDD, tiền thuê đất của các huyện, thành, thị.	-	-	-													
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-						20							
-	Chi nghiệp vụ.	-	-	-						20							
-	Lập danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2017	-	-	100						10							
-	Chi cục Bảo vệ Môi trường	-	-	800						164							
-	Chi định mức	-	-	-						64							
-	Chi nghiệp vụ.	-	-	-						10							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-						10							
-	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên môi trường	-	-	200						20							
-	Xây dựng báo cáo chuyên đề hiện trạng môi trường; Kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường, thẩm định đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	-	-	350						35							

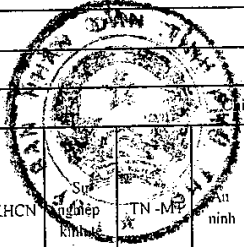
TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
		Chi cân đối ngân sách												Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																	
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương								
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL									
	Lấy mẫu, giám định các thông số môi trường phục vụ việc xác nhận hoàn thành các công trình xử lý môi trường trước khi đưa vào vận hành; Kiểm tra hiện trạng môi trường khu vực thực hiện thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) ... Quản lý môi trường.				250						35								
10	Trung tâm Công nghệ thông tin - Sở Tài nguyên và Môi trường	-	-	-	1.295						75			160					
	Chi định mức				595						5			160					
	Chi nghiệp vụ (hướng dẫn, kiểm tra, thu thập, quản lý, cấp nhật, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường tại Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện và cấp xã; tiếp nhận, xử lý, phân loại và xác định giá trị tài liệu về tài nguyên môi trường và chi cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin...				500						50								
	Mua sắm, sửa chữa tài sản				200						20								
11	Trung tâm quan trắc bảo vệ môi trường	-	-	-	2.045						132								
	Chi định mức				595						7								
	Chi nghiệp vụ				350						35								
	Mua sắm, sửa chữa tài sản				200						20								
	Vận hành Trạm quan trắc môi trường không khí tự động				400						20								
	Kinh phí sửa chữa, thay thế các linh kiện của Trạm quan trắc môi trường không khí tự động Theo văn bản quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường.				500						50								
12	Trung tâm kỹ thuật công nghệ tài nguyên	-	-	-	1.685						81								
	Chi định mức				935						6								
	Chi nghiệp vụ				450						45								
	Mua sắm, sửa chữa tài sản				300						30								
13	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	-	-	-	1.520						53	52		224					
	Chi định mức				1.020						3	52		224					
	Chi nghiệp vụ trích lục bản đồ, trích sao hồ sơ địa chính, điều chỉnh hồ sơ biến động đất đai...				200						20								
	Mua sắm, sửa chữa tài sản				300						30								
14	Trung tâm phát triển quỹ đất	-	-	-	1.825						70								
	Chi định mức				1.275						15								
	Chi nghiệp vụ quản lý quỹ đất (Cắm mốc giới, đo đạc bản đồ, lập kế hoạch phương án khai thác sử dụng đất ...).				250						25								
	Chi thực hiện nhiệm vụ đấu giá quyền sử dụng đất				-						-								
	Mua sắm, sửa chữa tài sản				300						30								
5	Quỹ Bảo vệ môi trường	-	-	-	2.455						5								
	Chi định mức				455						5								
	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ bảo vệ môi trường				2.000														

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực											Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp KHCN	TN-M	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương							
									10% TK làm người CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
46	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch									1.520	37	435						
*	Chi định mức									92	22	180						
*	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.																	
*	Chi nghiệp vụ ngành.									33								
*	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									50								
*	Đoàn kịch									119	10	200						
-	Định mức									36	10	200						
-	Xây dựng tiết mục mới																	
-	Chi biểu diễn miền núi (62 buổi theo chi tiêu pháp lệnh).																	
-	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp																	
-	Chi cải tạo, sửa chữa nhà làm việc, nhà hội trường và xây dựng nhà kho Đoàn kịch nói.									75								
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản																	
-	Chi bồi dưỡng huyện tập																	
-	Dàn dựng, biểu diễn phục vụ các nhiệm vụ chính trị																	
-	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật									8								
*	Đoàn chèo									112	5	55						
-	Định mức									24	5	55						
-	Xây dựng tiết mục mới																	
-	Chi biểu diễn miền núi (62 buổi theo chi tiêu pháp lệnh).																	
-	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp																	
-	Chi sửa chữa, mua sắm thiết bị									80								
-	Chi bồi dưỡng huyện tập																	
-	Dàn dựng biểu diễn phục vụ các nhiệm vụ chính trị																	
-	Bảo tồn lưu giữ phát huy di sản Hát Soan và di sản khác																	
-	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật									8								
*	Nghiệp vụ Văn hoá thông tin									400								
*	Trung tâm Văn hoá thông tin (trong đó có 200 triệu chi nghiệp vụ).									31								
*	Chi nghiệp vụ công tác gia đình									60								
*	Hoạt động nghiệp vụ du lịch (bao gồm kinh phí chi hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển du lịch 200tr).									84								
*	Kinh phí chi cho Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá (trong đó chi cho Ban chỉ đạo 200 triệu).									25								

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Chi cân đối ngân sách															
Tên đơn vị	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
Kinh phí quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030; Sản xuất ấn phẩm giới thiệu về du lịch Phú Thọ; xây dựng 01 sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh...										200							
Chương trình hợp tác phát triển 3 tỉnh Tây bắc mở rộng										50							
Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Văn hóa.										100							
Kinh phí cải tạo, sửa chữa trụ sở Thư viện tỉnh (trong đó sửa chữa sân: 300 triệu đồng).										90							
Chi chuyên môn nghiệp vụ thể thao + tổ chức các hoạt động thể thao										75							
Bảo tàng Hùng Vương										140		60					
Chi định mức										20		60					
Chi phí cho công tác kiểm kê, phân loại, bảo quản, tu sửa phục chế hiện vật, tư liệu ..										30							
Chi khảo sát khai quật di tích khảo cổ học: Tháp Xuân Áng, huyện Hạ Hòa + An Đạo Phú Ninh.																	
Điều tra, nghiên cứu sưu tầm văn hoá phi vật thể các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020; Kinh phí điều tra sưu tầm văn hóa phi vật thể "Tin ngưỡng thờ cúng Hùng Vương"; Kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản Văn hóa truyền thống điển hình các dân tộc thiểu số; Sưu tầm, trưng bày Ngôi nhà Việt Cổ.																	
Sưu tầm tư liệu hiện vật trưng bày, tuyên truyền về biển đảo Trùng Sa, Hoàng Sa																	
Chi hoạt động Bảo tàng (điện, nước và các hoạt động phục vụ khách tham quan).										15							
Chi làm nhà vòm bảo quản máy bay, tu sửa sơn lại hiện vật 02 máy bay MIC 21.										15							
Chi nghiệp vụ										30							
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản:										30							
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Đền Hùng										1							
Thư viện tỉnh										184	10		40				
Chi định mức										24	10		40				
Kinh phí mua sắm tài sản + công cụ phục vụ nghiệp vụ										50							
Kinh phí xử lý môi, bảo quản sách										20							
Chi phí mua phần mềm thư viện ILIB 6,5 + duy trì Website thư viện;										15							
Chi tổ chức Thiểu nhi Đất tổ tuyên truyền giới thiệu sách + triển lãm sách, tư liệu phục vụ Giỗ tổ Hùng Vương; tổ chức hội thi cán bộ thư viện giỏi ...																	
Kinh phí duy trì dự án BMGF-VN thư viện tỉnh										35							

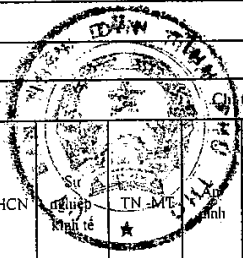
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017



STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp KINH	TN-M&D	Văn ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
											10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
	Bổ sung sách báo hàng năm cho thư viện tỉnh																	
	Kinh phí vận chuyển xếp dỡ sách báo, phục vụ sửa chữa trụ sở thư viện									10								
	Chi nghiệp vụ									30								
	Chi bổ sung sách cho kho lưu động để luân chuyển đến các điểm bưu điện- văn hoá xã																	
50	Khu di tích lịch sử đền Hùng																	
	Chi định mức									116	695	34.832						
	Chi mua sắm tài sản									66	695	34.832						
	Kinh phí bảo vệ 39,6 ha rừng nhận bàn giao từ Công ty Giấy																	
	Chi xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị Tin ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, giai đoạn 2016-2020.																	
51	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Phú Thọ																	
	Chi định mức																	
	Kinh phí hoạt động 9 chuyên ngành (25 triệu/ chuyên ngành)																	
	Trao thưởng hàng năm của 9 chuyên ngành																	
	Kinh phí mở lớp nâng cao sáng tác bồi dưỡng tài năng trẻ																	
	Hỗ trợ kinh phí tổ chức ngày thơ Việt Nam năm 2017: 50 triệu; Kinh phí hỗ trợ cho 3 ngành mỹ thuật, nhiếp ảnh và Âm nhạc đi dự liên hoan và triển lãm : 3 x 20 =60 triệu; Hội thảo về nhà văn Nguyễn Hữu Nhân: 50 triệu.																	
	Chi hỗ trợ hoạt động 7 chi hội trực thuộc Trung ương tại tỉnh Phú Thọ																	
	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản									30								
	Kinh phí tổ chức hội thảo và xuất bản tập sách âm nhạc kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh: 80 triệu; Tổ chức cuộc thi ảnh nghệ thuật "Vẻ đẹp tiềm ẩn quê hương con người Phú Thọ 2017: 70 triệu).																	
	Hỗ trợ kinh phí trả nhuận bút																	
52	Tạp chí văn nghệ Đất Tổ																	
	Chi định mức																	
	Hỗ trợ trả nhuận bút Tạp chí văn nghệ Đất Tổ và phụ san Tạp chí văn nghệ Đất Tổ																	
	Cấp tạp chí văn hóa đất tổ cho các xã ĐBK+ATK: 100tr; Cấp tạp chí cho 301 đối tượng lãnh đạo trong tỉnh: 100tr.																	
	Kinh phí tổ chức cuộc thi về đề tài "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" + tổ chức hội báo xuân + xuất bản các phụ trương ...																	

T		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Chi cân đối ngân sách												Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách thức		Các khoản thu				Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																
									20								
3									56								
									6								
									20								
									30								
4									207	10	708						
									2	10	708						
									30								
									50								
									75								
									50								
15									84								
									34								
									30								
									20								
16									12								
									12								
17		45.444							1.044	3	17						
									149	3	17						
									66	3	17						
									33								
									50								
									117								
		8.326															
		4.200							47								
		426															
		3.000															

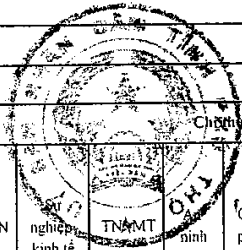
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017



STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách															
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		ĐBXH	KHCN	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách					
						10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL										
-	Chi tuyên truyền tư vấn cho người tâm thần dựa vào cộng đồng.	300	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400	-	-	-	-	-	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Trung tâm giáo dục Lao động xã hội	9.084	-	-	-	-	-	88	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	5.200	-	-	-	-	-	48	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thu (theo TT số 18/2004/TT-BLĐTBXH; QĐ số 4115/QĐ-UBND).	884	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400	-	-	-	-	-	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức cai nghiện cho đối tượng ma túy tại trung tâm.	2.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Trung tâm điều dưỡng người có công	5.644	-	-	-	-	-	133	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	4.800	-	-	-	-	-	93	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi phụ cấp trực theo QĐ 73/2011/QĐ-TTg	144	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400	-	-	-	-	-	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hỗ trợ đưa người có công đi điều dưỡng tập trung	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Nghiệp vụ ngân sách	600	-	-	-	-	-	60	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Thu gom các đối tượng lang thang	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Mại táng liệt sỹ Cựu chiến binh, thanh niên xung phong, quân nhân, dân công hỏa tuyến ... theo chế độ.	12.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi công tác an toàn vệ sinh lao động + phòng chống cháy nổ	200	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Các đoàn đi thăm viếng nghĩa trang liệt sỹ	600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi quà các đối tượng chính sách tết +27/7+báo	1.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Hoạt động của ban chỉ đạo giải quyết việc làm	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Hỗ trợ hoạt động xuất khẩu lao động và tuyên truyền về xuất khẩu lao động	500	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Kinh phí chi công tác tuyên truyền, kiểm tra giám sát thực hiện đề án công tác xã hội	70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Đưa đón các đối tượng đi điều dưỡng	400	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Kinh phí kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ 27/7	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Thu thập, xử lý thông tin cung cầu lao động	350	-	-	-	-	-	35	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Kinh phí thực hiện đề án trợ giúp người khuyết tật	100	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi rà soát hộ nghèo (Số Lao động - Thương binh và Xã hội)	250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi ban chỉ đạo giảm nghèo	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi tổ chức hội thi giáo viên dạy nghề.	500	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi hoạt động của hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp lao động, hội nghị tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện bộ luật lao động tại các doanh nghiệp.	200	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Kinh phí thực hiện chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020; Chi nghiệp vụ chăm sóc trẻ em.	500	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
	Chi cân đối ngân sách															
	Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
	ĐBXH	KHCN	Sr nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương						
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
Kinh phí thực hiện quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 phê duyệt chương trình hành động vì trẻ em Phú Thọ giai đoạn 2013-2020	200		-							20						
Kinh phí thực hiện QĐ số 234/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 của Thủ tướng CP về chương trình phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em GD 2016-2020; Triển khai KH số 3673/KH-UBND ngày 29/8/2016 về phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em tỉnh Phú Thọ, GD 2016-2020.	200		-							20						
Chi hoạt động bình đẳng giới và Ban chỉ đạo vì sự tiến bộ của phụ nữ	450		-							45						
Kinh phí thực hiện đề án 647/QĐ-TTg về chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt giai đoạn 2014-2020	300		-							30						
Chi các ban chỉ đạo các chương trình của ngành (người cao tuổi; dạy nghề; ...)	300		-													
Kinh phí chi cho các hoạt động quản lý đối tượng bảo trợ xã hội	200		-							20						
Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	100		-													
Hỗ trợ kinh phí tiền ăn và tiền đi lại cho trẻ em phẫu thuật tìm bầm sinh	50		-													
Kinh phí xây dựng công trình Kho lưu trữ và quản lý hồ sơ Người có công với cách mạng.	1.070		-													
Các nhiệm vụ phát sinh khác	600		-							60						
Kinh phí quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Phú Thọ.	200		-							10						
Kinh phí tổ chức mở các lớp kỹ năng nghề	150		-							8						
Kinh phí thực hiện KH số 37/KH-UBND ngày 12/01/2015 về Trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; KH số 880/KH-UBND về thúc đẩy sự tham gia của Trẻ em, GD 2016-2020.	300		-							30						
Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội	550		-							99						
Chi định mức			-							21						
Chi nghiệp vụ tuyên truyền về phòng chống tệ nạn xã hội.			-							30						
Chi sửa chữa, mua sắm tài sản			-							20						
Hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình phòng chống mại dâm; Công tác phòng chống ma túy.	500		-							25						
Hoạt động nghiệp vụ tiếp nhận phụ nữ và trẻ em từ nước ngoài về.	50		-							3						



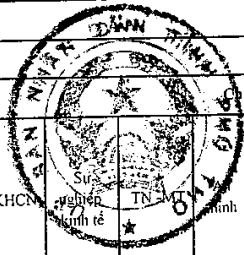


Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																					
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực											Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị					
		ĐBXH	KHCCN	nghiệp kinh tế	TNMT	ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương												
											10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL											
59	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Phú Thọ	300									15												
-	Định mức	300									5												
-	Kinh phí vận động tài trợ + tổ chức lễ trao quà và nghiệp vụ	200									10												
60	Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy	2.749									48												
-	Định mức	1.300									28												
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù (theo QĐ số 73/2011/QĐ-TTg; QĐ số 4115/QĐ-UBND).	272									-												
-	Chi chế độ cho đối tượng sau cai nghiện theo TT 121/2010/TTLT BTC-BLĐTBXH ngày 12/8/2010.	977									-												
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	200									20												
61	Ban Quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ										166	16	68										
-	Chi định mức biên chế										46	16	68										
-	Định mức biên chế sự nghiệp										-												
-	Chi quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp										20												
-	Chi lập quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp										-												
-	Chi nghiệp vụ xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp + chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý khu Công nghiệp										80												
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										20												
62	Sở Thông tin và truyền thông										296												
-	Chi định mức biên chế										75												
-	Chi nhuận bút và nghiệp vụ phục vụ chuyên môn công giao tiếp điện tử										-												
-	Kinh phí duy trì trung tâm tích hợp dữ liệu										35												
-	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ.										30												
-	Kinh phí thực hiện kế hoạch tổng thể tuyên truyền bảo vệ chủ quyền của Việt Nam ở biển Đông.										-												
-	Kinh phí thực hiện đề án số 3935/ĐA-UBND ngày 05/10/2012 của UBND tỉnh về đề án phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020										50												
-	Kinh phí tập huấn, bồi dưỡng để nâng cấp đài truyền thanh theo kế hoạch số 3885/KH-UBND ngày 24/9/2013 của UBND tỉnh										10												
-	Kinh phí tuyên truyền quảng bá hình ảnh của Phú Thọ trên các loại hình thông tin của Thông tấn xã Việt Nam (theo thỏa thuận giữa Chủ tịch UBND tỉnh với Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam ngày 03/6/2015).										30												

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
		Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị				
T	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực									Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Các khoản thu				Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách		
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	10% TK làm nguồn CCTL								35-40% số thu để làm nguồn CCTL	
	Chi nghiệp vụ công tác báo chí, xuất bản, bưu chính viễn thông, công tác thanh tra kiểm tra về lĩnh vực thông tin truyền thông												25						
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.																		
	Kinh phí xây dựng phương án và thực hiện điều tra, khai sát, kiểm tra, giám sát và xác nhận hỗ trợ đầu thu truyền hình kỹ thuật số mặt đất đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo QĐ số 2451/QĐ-TTg ngày 27/12/2011; TT số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30/3/2016).												8						
	Quy hoạch phát triển Công nghệ thông tin.																		
	Chi nghiệp vụ ngành.												33						
3	Chi cục quản lý thị trường												272		4.200				
	Chi theo định mức												192		4.200				
	Chi trang phục ngành.																		
	Thuê trụ sở làm việc của đội Quản lý thị trường Yên Lập																		
	Kinh phí hoạt động của ban chỉ đạo 389																		
	Mua sắm + sửa chữa tài sản												50						
	Chi tổ chức tuyên truyền, triển khai, tập huấn pháp lệnh quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH ngày 08/3/2016 và nghiệp vụ.												30						
	Mua ấn chỉ Quản lý thị trường hàng năm																		
4	Sở Ngoại vụ												250						
	Định mức												55						
	Chi tiếp đón các đoàn khách đến làm việc tại tỉnh												70						
	Chi thuê phiên dịch các đoàn khách, thuê dịch tài liệu, văn bản đối ngoại xúc tiến đầu tư																		
	Chi tiền sách, báo truyền thông đối ngoại; in công văn, thiệp ngoại giao, chúc mừng các đại sứ ngày quốc khánh												15						
	Chi mở lớp tập huấn về công tác đối ngoại												15						
	Chi hoạt động nghiệp vụ												30						
	Chi duy trì hoạt động trang Web; xuất bản bản tin đối ngoại												35						
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.																		
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản												30						
5	Chi cục Văn thư lưu trữ												197						
	Chi định mức												27						
	Kinh phí nghiệp vụ lưu trữ.												40						

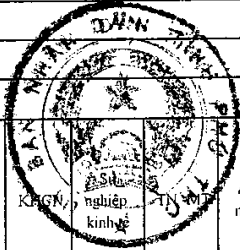
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																		
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
		ĐBXH	KHCN	Sức khỏe cộng đồng	TN MT	Giáo dục	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiến trong		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
											10%	TK làm nguồn CCTL						
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác văn thư lưu trữ.										40							
	Kinh phí chi cải tạo hệ thống cửa nhà làm việc, kho lưu trữ lịch sử, cải tạo bếp cũ thành kho để tài liệu và một số hạng mục khác.																	
	Kinh phí vệ sinh kho bảo quản và vệ sinh tài liệu lưu trữ trên nền giấy theo Thông tư 15/2011/TT-BNV.										60							
	Kinh phí mua thuốc chống mối, khử trùng kho lưu trữ.										30							
	Chi tập huấn công tác văn thư lưu trữ																	
	Kinh phí thực hiện tạo lập, chuyển đổi, số hóa thông tin tài liệu của văn phòng HĐND và UBND tỉnh (dữ liệu điện tử).																	
	Kinh phí chính lý tài liệu còn tồn đọng tại các sở ngành, UBND các huyện.																	
66	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp.										176	20	60					
	Chi định mức										45	20	60					
	Chi sự nghiệp khuyến công tỉnh Phú Thọ.										20							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.																	
	Kinh phí thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.										20							
	Chi nghiệp vụ khuyến công																	
	Kinh phí đào tạo																	
	Chi chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.										25							
											28		14.457					
67	Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp										28		14.457					
	Chi định mức										12	20	1.300					
68	Trung tâm tư vấn đầu tư và dịch vụ Khu công nghiệp										18	24	5.000					
69	Trung tâm quy hoạch xây dựng Phú Thọ																	
70	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Phú Thọ (Sở Xây dựng)										8	30	6.000					
71	Trung tâm thông tin tư vấn tài sản và Dịch vụ Tài chính																	
	Chi định mức										20							
	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản																	
	Chi tuyên truyền, tập huấn, cập nhật các chính sách kế toán tài chính, quản lý tài sản công										50							
	Xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2017										20							
	Chi nghiệp vụ										10							
											82	50	500					
72	Trung tâm xúc tiến đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư)										32	50	500					
	Chi định mức																	
	Chi đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với tỉnh + chi nghiệp vụ																	



		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách																
TT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực							Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền trong		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác		Chi khác ngân sách	10% TK làm nguồn CCTL							35-40% số thu để làm nguồn CCTL
	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản			-						30								
	Phát hành báo tin Xúc tiến đầu tư			-						20								
3	Ban quản lý dự án Văn hoá thể thao và du lịch			-						52								
	Chi định mức			-						17								
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản + Nghiệp vụ			-						35								
4	Quỹ phát triển đất tỉnh Phú Thọ			-						22								
	Chi định mức biên chế			-						7								
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						5								
	Chi nghiệp vụ +Phụ cấp cán bộ kiêm nhiệm			-						10								
5	Trung tâm Công nghệ thông tin Tây bắc			-						97								
	Chi định mức biên chế			-						17								
	Mua sắm + sửa chữa tài sản			-						20								
	Chi triển khai công tác ứng cứu khẩn cấp sự cố máy tính và mạng máy tính trong tỉnh và chi nghiệp vụ:			-						30								
	Chi bổ sung hoạt động theo tiêu chí trung tâm vùng			-						30								
6	Phòng công chứng số 1			-						4	140	700						
7	Phòng công chứng số 2			-						3	24	120						
8	Trung tâm trợ giúp pháp lý:			-						69								
	Chi định mức biên chế			-						34								
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản + Máy trang phục cho trợ giúp viên pháp lý.			-						10								
	Chi trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.			-														
	Chi công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý; Chi trợ giúp pháp lý lưu động và các nghiệp vụ khác			-						25								
9	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản:			-						7	68	200						
0	Văn phòng Ban an toàn giao thông tỉnh.			-						19								
1	Ban quản lý dự án xây dựng và bảo trì công trình giao thông			-						1								
2	Trung tâm Công Giao tiếp điện tử Phú Thọ (Sở Thông tin và Truyền thông)			-						81								
	Chi định mức			-						31								
	Chi đảm bảo an toàn an ninh thông tin mạng			-						10								
	Chi hoạt động nghiệp vụ công giao tiếp điện tử.			-						20								
	Mua sắm tài sản			-						20								
3	Trung tâm Thông tin tư vấn và Dịch vụ đối ngoại (Sở Ngoại vụ).			-						113								
	Chi định mức			-						23								
	Chi mua sắm tài sản			-						20								
	Chi hoạt động trang thông tin đối ngoại.			-						10								
	Kinh phí thực hiện vận động tài trợ của các tổ chức phi chính phủ.			-						30								

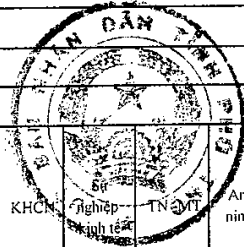
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
		ĐBXH	KAGN, kinh tế	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách	
							10% làm nguồn CCTL	TK 35-40% số thu để làm nguồn CCTL									
	Chi nghiệp vụ: Thông tin, tư vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, ... về hoạt động đối ngoại.											30					
84.	Trung tâm xúc tiến thương mại (Sở Công thương).											154					
	Chi định mức											29					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản											30					
	Chi xây dựng tài liệu xúc tiến thương mại											10					
	Chi tham gia hội trợ xúc tiến thương mại các tỉnh; hỗ trợ chương trình đưa hàng Việt về nông thôn...											15					
	Chi thực hiện Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh giai đoạn 2016-2020											50					
	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp giai đoạn 2017-2020; hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến xuất khẩu...											20					
85	Văn phòng tỉnh uỷ											1.796					
*	Chi của Văn phòng tỉnh uỷ											246					
	Chi theo định mức											51					
	Phụ cấp cấp uỷ theo QĐ169 (55 BCH đảng bộ tỉnh)												25				
	Chi nghiệp vụ công nghệ thông tin																
	Chi nghiệp vụ về tài chính đảng																
	Chi mở các lớp tập huấn nghiệp vụ (công tác tài chính đảng; Công nghệ thông tin lễ tân, khánh tiết; công tác văn thư, lưu trữ).											30					
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng											40					
	Chi tiền ăn và các chế độ cho 3 cán bộ cơ yếu + trang phục cán bộ nghiệp vụ lễ tân																
	Chi tuyên truyền phổ biến pháp luật, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo																
	Kinh phí tổ chức đi học tập trao đổi kinh nghiệm																
	Mua sắm sửa chữa tài sản											100					
*	Chi nghiệp vụ khởi Đảng											1.300					
	Chi tặng thưởng đảng bộ trong sạch, vững mạnh																
	Chi duy trì cảnh quan môi trường tỉnh uỷ											100					
	Chi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh											30					
	Chi học tập nghị quyết Trung ương + Tỉnh.											300					
	Chi khen thưởng của khởi tỉnh uỷ																
	Chi hoạt động các ban chỉ đạo của Tỉnh uỷ											45					
	Chi tiếp các đoàn khách đến thăm và làm việc với tỉnh											150					
	Chi đưa đón cán bộ lão thành cách mạng đi tham quan nghỉ mát																
	Chi hoạt động của Thường trực Tỉnh uỷ + Ban Thường vụ.											225					
	Chi tặng huy hiệu 40,50,60... năm tuổi Đảng																



TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Chi cân đối ngân sách															
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		ĐBXH	KHCCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương						
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																
	Chi xây dựng thẩm định đề án, văn bản, báo cáo trình Ban chấp hành, Ban thường vụ tỉnh ủy										100						
	Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 148-KH/TU về Công nghệ thông tin.																
	Chi các cuộc kiểm tra theo chương trình của tỉnh ủy										30						
	Các nhiệm vụ phát sinh khỏi tỉnh ủy										320						
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên khỏi tỉnh ủy										250						
	Chi bảo trì mạng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy																
	Chi sửa chữa trụ sở làm việc của Tỉnh ủy.																
6	Ban Tổ chức										69						
	Chi theo định mức										21						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										30						
	Chi nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng										18						
	Chi dưỡng sức thăm hỏi																
7	Ban Tuyên giáo										147						
	Chi theo định mức										49						
	Chi hoạt động trung tâm, báo cáo viên, tuyên truyền viên: 200 triệu; Chi Ban chỉ đạo, bộ phận giúp việc cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: 400tr.										30						
	Kinh phí thực hiện các hội nghị giao ban ngành tuyên giáo: 100 triệu; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ tuyên giáo cấp huyện: 40 triệu.										14						
	Kinh phí thực hiện đề án 01 về tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội tỉnh																
	Chi thông tin sinh hoạt chi bộ, tuyên truyền viên																
	Phụ cấp báo cáo viên theo hướng dẫn 06-HĐ/BTCTW-BTGTW																
	Phụ cấp công tác viên dư luận xã hội theo Hướng dẫn số 06-HĐ/BTGTW																
	Chi thực hiện đề án 04/TU về nâng cao chất lượng tuyên truyền miệng										9						
	Kinh phí tổ chức các đợt học Nghị quyết + chuyển đề										15						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										15						
	Chi Ban chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại																
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng										15						
8	Uy ban kiểm tra tỉnh ủy										108						
	Chi theo định mức										21						
	Hội nghị triển khai công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2015-2020																

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017



STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
		DBXH	KHCN	Giáo dục - Đào tạo	Y tế	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương					Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																
-	Chi công tác phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy và các ban xây dựng đảng tỉnh, Toà án tỉnh, Viện Kiểm sát tỉnh ...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-
-	Chi thực hiện công tác kiểm tra, tập huấn, giám sát của 11 thành viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23	-	-	-	-	-	-
-	Chi công tác xuất bản báo tin công tác kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy Phú Thọ.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-
89	Ban Dân vận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	84	-	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	24	-	-	-	-	-	-
-	Mua tạp chí Dân vận, báo tin tôn giáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động Ban chỉ đạo của đảng về Quy chế dân chủ, công tác tôn giáo;	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-
-	Chi xây dựng, biên tập, in ấn phát hành cuốn: Thông tin công tác dân vận tỉnh Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-
-	Chi tổ chức các hội nghị; Thực hiện các nghị quyết, Quyết định, Chương trình của tỉnh ủy về công tác dân vận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động của Ban chỉ đạo điều hành phối hợp hoạt động công tác dân vận.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
90	Báo Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	193	-	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	118	-	-	-	-	-	-
-	Hỗ trợ chi 3 hợp đồng theo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Xuất bản đặc san tin ảnh Phú Thọ miền núi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi nhuận bút các loại báo + Báo biểu (Báo thường 330tờx260kỷ x1200đ; Báo cuối tuần 330tờ x51 kỷ x1800đồng)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	In màu trang 1 và trang 4 (7.454tờ x 5số /tuần x 52 tuần x 396đồng / tờ )	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Bổ sung kinh phí cước phát hành các ấn phẩm Báo Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hỗ trợ tổ chức kỷ niệm 55 năm ngày xuất bản số đầu tiên và in sách những tác phẩm xuất sắc của phóng viên Báo Phú Thọ + Tổ chức hội thảo báo Đảng các tỉnh phía bắc.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-	-	-	-	-
-	Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư dùng cho công tác chế bản.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60	-	-	-	-	-	-
91	Ban Nội chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	69	-	-	-	-	-	-

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														
		Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực														
T	Tên đơn vị	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương					Các khoản thu
											10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL				
	Chi theo định mức											19				
	Mở các lớp tập huấn tuyên truyền về phòng chống tham nhũng tại các huyện, thành, thị			-								10				
	Chi nghiệp vụ công tác xây dựng đảng											10				
	Chi tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật + Chi xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, tiếp công dân			-								-				
	Nâng cấp và duy trì trang thông tin điện tử			-								-				
	Chi hoạt động của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp tỉnh											-				
	Biên tập, in ấn, phát hành cuốn Bản tin Nội chính và Phòng chống tham nhũng			-								-				
	Chi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát về lĩnh vực nội chính và Phòng chống tham nhũng			-								-				
	Mua tin tố cáo về tham nhũng			-								-				
	Chi thực hiện các cuộc kiểm tra, rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội của Ban thường vụ Tỉnh ủy.			-								-				
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-								30				
2	Đảng ủy khởi các cơ quan tỉnh											190				
	Chi theo định mức											54				
	Chi phụ cấp cấp ủy theo QĐ169-QĐ/TW											-				
	Chi khen thưởng cơ sở											-				
	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới ..., chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng).			-								20				
	Chi hoạt động Ban chỉ đạo cơ quan văn hoá quy chế dân chủ, học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; xã hội hoá học tập			-								-				
	Hoạt động của hội Cựu chiến binh.			-								7				
	Hoạt động của Đoàn thanh niên			-								7				
	Hoạt động của Công đoàn viên chức			-								7				
	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW, Tỉnh và của Đảng ủy khởi.											20				
	Chi xây dựng, thẩm định đề án, các báo cáo... trình Ban chấp hành, Ban thường vụ theo quy định số 12-QĐ/TU ngày 07/10/2010 của Tỉnh ủy			-								10				
	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin			-								7				
	Chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU			-								8				
	Mua sắm và sửa chữa tài sản			-								30				
	Chi mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở + Tổ chức hội nghị báo cáo viên giỏi năm 2017.			-								20				
	Kinh phí tổ chức đại hội Cựu chiến binh khởi lần thứ V (Nhiệm kỳ 2017-2022).			-								-				



		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách																
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị			
		ĐBXH	KACN	KACN/kinh tế	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương		Các khoản thu				Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
-	Kinh phí tổ chức đại hội Đoàn Thanh niên khối lần thứ IX (Nhiệm kỳ 2017-2022).	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức đại hội Công đoàn viên chức (Nhiệm kỳ 2017-2022).	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí xây dựng kho lưu trữ.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
93	Đảng uỷ khối doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	154	-	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	29	-	-	-	-	-	-
-	Chi phụ cấp cấp uỷ theo 169 của các doanh nghiệp trực thuộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi khen thưởng cơ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới ..., chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng).	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động Ban chỉ đạo cơ quan văn hoá quy chế dân chủ, học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; xã hội hoá học tập, Ban chỉ đạo phát triển tổ chức đảng trong Doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Hoạt động của hội Cựu chiến binh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7	-	-	-	-	-	-
-	Hoạt động của Đoàn thanh niên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW, Tỉnh và đảng bộ khối.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi xây dựng, thẩm định đề án, các báo cáo ... trình BCH, BTV theo quy định số 12-QĐ/TU ngày 07/10/2010 của Tỉnh uỷ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7	-	-	-	-	-	-
-	Chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Mua sắm và sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức đại hội Cựu chiến binh khối lần thứ III (Nhiệm kỳ 2017-2022).	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức đại hội Đoàn Thanh niên khối lần thứ III (Nhiệm kỳ 2017-2022).	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Đảng bộ khối doanh nghiệp.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức hội nghị Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam (30 triệu); tổ chức hội nghị đối thoại giữa Doanh nghiệp với Lãnh đạo UBND tỉnh (30 triệu).	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
94	Ban Bảo vệ sức khoẻ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	196	-	-	-	-	-	-

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách																
T	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực											Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương							
											10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
	Chi định mức																	66
	Chi định mức sự nghiệp																	
	Chi khám sức khỏe định kỳ																	
	Môi giáo sư hội chẩn																	
	Chi trợ cấp thường xuyên đối với Cán bộ nguyên UVTV đảng khóa II,III và cán bộ hoạt động Cách mạng trước 01/1/1945 bị bệnh hiểm nghèo																	
	Sửa chữa nhà làm việc thành khu điều trị																	100
	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản																	30
	Hỗ trợ kinh phí chi tiền thuốc khám chữa bệnh																	
5	Tỉnh đoàn thanh niên																	319
	Chi định mức																	104
	Kinh phí tập huấn nghiệp vụ, tài liệu tuyên truyền																	50
	Kinh phí mua báo Tiền phong + tạp chí Thanh niên																	10
	Kinh phí tổ chức các chiến dịch + các chương trình và các hoạt động trong thanh niên.																	80
	Chi hoạt động nghiệp vụ khác.																	45
	Kinh phí hoạt động của Hội sinh viên tỉnh Phú Thọ																	
	Kinh phí tổ chức Đại hội Đoàn TNCSHCM tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2017-2022.																	
	Kinh phí thực hiện Kế hoạch 3965/KH-UBND tỉnh 18/9/2014 về Đoàn thanh niên tham gia đảm bảo trật tự ATGT - giai đoạn 2014-2017; Kế hoạch 3966/KH-UBND 18/9/2014 về Đoàn Thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020.																	
	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản																	30
6	Hội liên hiệp thanh niên																	48
	Chi định mức																	23
	Chi các hoạt động nghiệp vụ (Đã bao gồm kinh phí sơ kết giữa nhiệm kỳ; tổ chức các hoạt động chào mừng Đại hội đoàn các cấp và tham gia các hoạt động do Trung ương tổ chức).																	25
	Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên Hùng Vương																	103
	Chi định mức																	23
	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản																	20
	Kinh phí thực hiện chương trình ngày hội thanh niên đất tổ; Tham gia chương trình hoạt động của Trung ương đoàn; Tham gia liên hoan văn hóa, văn nghệ các trung tâm khu vực phía bắc; Tổ chức hội nghị lãnh đạo các trung tâm và nhà văn hóa Thanh thiếu niên khu vực phía bắc tại Phú Thọ theo chương trình của Trung tâm Thanh thiếu niên trung ương.																	20

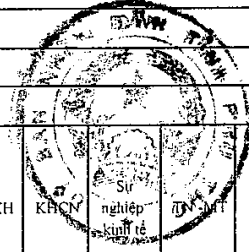
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																		
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật ĐQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiên lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
											10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
									20									
									20									
98	Nhà thiếu nhi								150									
	- Chi định mức								45									
	- Kinh phí chi tổ chức các hoạt động và tập huấn								30									
	- Kinh phí tham gia các hoạt động do Trung ương tổ chức (Liên hoan Tiếng kèn đội ta; Liên hoan nghệ thuật thiếu nhi các tỉnh phi bắc; tham gia các giải thể dục thể thao...)								25									
	- Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản								50									
99	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh								416									
	- Chi định mức								61									
	- Chi theo định mức sự nghiệp								9									
	- Tổ chức "Ngày hội gia đình hạnh phúc" nhân dịp kỷ niệm ngày gia đình Việt Nam; Triển khai dự án "Hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững"								50									
	- Kinh phí thực hiện đề án 343 "Tuyên truyền giáo dục, phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước"; Đề án "Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi dạy con tốt" + Hội nghị sơ kết, tổng kết...								80									
	- Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản (có giới thiệu việc làm phụ nữ)								50									
	- Hỗ trợ kinh phí cho "Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo"								100									
	- Kinh phí cải tạo, nâng cấp công trình phụ trợ								100									
	- Kinh phí tổ chức đoàn đại biểu phụ nữ đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc T3/2017 + Tuyên truyền tập huấn, quán triệt Nghị quyết Đại hội Phụ nữ Việt Nam, tỉnh, điều lệ hội; Tổng kết 10 năm Nghị quyết 11/NQ-TW; sơ kết 5 năm ND 56/2012/NĐ-CP,...								30									
	- Kinh phí tham gia cuộc thi do Trung ương hội chỉ đạo "Độc đường công tác hội"; "Sáng tác biểu trưng về nông thôn mới"								30									
	- Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2027"; Đề án "Tuyên truyền giáo dục, vận động phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ trong tình hình mới".								25									
	- Chi nghiệp vụ								10									
	- Kinh phí tổ chức các hoạt động kết nghĩa với Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu.								-									

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
T	Tên đơn vị	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
											10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
	Đề án đảo tạo bồi dưỡng cán bộ hội Liên hiệp phụ nữ giai đoạn 2013-2017 (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương)																	
30	Mặt trận tổ quốc										312							
	Chi định mức										37							
	Kinh phí tổ chức học tập Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Nghị quyết Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XII + Tập huấn triển khai Luật MTTQ Việt Nam (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành.										30							
	Kinh phí hoạt động của Ủy ban mặt trận tổ quốc cấp tỉnh và hỗ trợ sinh hoạt phí theo quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 28/5/2014																	
	Chi triển khai công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; tổ chức thực hiện Đề án đổi mới nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết XD nông thôn mới, đô thị văn minh"; triển khai cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tổ chức ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc; tổ chức tập huấn, hướng dẫn quy trình giám sát, kiểm tra, tổ chức đoàn giám sát, tổ chức tiếp xúc, đối thoại với người đứng đầu cấp ủy các cấp với nhân dân; tổ chức nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận trong nhân dân; tổ chức HĐ của hội đồng tư vấn và công tác tham gia xây dựng chính sách pháp luật; triển khai thực hiện quy chế dân chủ; hoạt động thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư công cộng và các hoạt động khác.										70							
	Kinh phí triển khai các nhiệm vụ thực hiện chương trình phối hợp với các sở, ban ngành										70							
	Chi xuất bản cuốn thông tin công tác mặt trận.Triển khai cuộc vận động " người Việt nam đứng hàng Việt Nam";										50							
	Kinh phí hoạt động của Ủy ban đoàn kết công giáo tỉnh																	
	Kinh phí góp mặt, biểu dương các vị chức sắc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số; kinh phí đón tiếp thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng: Các vị lão thành cách mạng, các chức sắc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số ... (theo QĐ số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng CP).																	
	Chi ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư																	
	Kinh phí tổ chức đại hội Ủy ban Đoàn kết công giáo nhiệm kỳ 2017-2022.																	

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách													
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Đội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		ĐBXH	KHCN	Nghiệp vụ	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
							10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
101	Kinh phí tổ chức hội nghị đánh giá 10 năm trong công tác triển khai "Phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng".														
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản và các nghiệp vụ khác														
	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh														
	Chi định mức														
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động 9 hội thành viên (25 triệu đồng /1 hội)														
	Kinh phí tổ chức các hội nghị và thông tin tuyên truyền; vận động viên trợ phí chính phủ và chi phí nghiệp vụ khác														
	Chi mua sắm trang thiết bị + sửa chữa tài sản														
102	Hội nông dân														
	Chi định mức														
	Chi theo định mức sự nghiệp (thuộc Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm).														
	Kinh phí tổ chức tập huấn thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân.														
	Chi các hội nghị tập huấn, triển khai xây dựng mô hình kinh tế tập thể theo nghị quyết của tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới + Thực hiện quy chế giám sát, phân biện xã hội.														
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động ban chỉ đạo giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân theo Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ; Ban chỉ đạo triển khai kết luận 61 và quyết định 673 cấp tỉnh														
	Kinh phí tổ chức hội nghị giao ban cụm + Tham gia các Hội nghị do TW tổ chức..														
	Kinh phí vận hành Trang thông tin điện tử Hội nông dân + In cuốn thông tin công tác hội.														
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản														
	Quỹ hỗ trợ nông dân														
	Tổ chức hội nghị tổng kết phong trào Nông dân thủ đũa sản xuất kinh doanh giỏi và hộ nghèo vượt khó các cấp.														
	Chi tổ chức hội thi Nhà nông đua tài toàn quốc lần thứ IV/2017.														
103	Hội cựu chiến binh														
	Chi định mức														
	Kinh phí chi nghiệp vụ chuyên môn														
	Kinh phí triển khai các hội nghị và các hoạt động khác														

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thị		
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách					
TT	Tên đơn vị	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách							Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
-	Hỗ trợ kinh phí đi dự các hội nghị do trung ương tổ chức																
-	Kinh phí tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2017-2022																
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản										20						
04	Liên minh HTX										182						
-	Chi định mức										32						
-	Hỗ trợ chi nghiệp vụ										20						
-	Xây dựng và phát hành Bản tin kinh tế tập thể																
-	Kinh phí hoạt động ban đổi mới và phát triển kinh tế tập thể																
-	Bổ sung vốn điều lệ cho quỹ phát triển hợp tác xã																
-	Kinh phí thực hiện việc chỉ đạo thực hiện quyết định 2277/2008/QĐ-UBND ngày 12/8/2008 của UBND tỉnh về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác trên địa bàn tỉnh.																
-	Kinh phí điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng HTX trên địa bàn + Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX kiểu mới để nhân rộng...										50						
-	Kinh phí tổ chức các lớp bồi dưỡng, hỗ trợ học phí học viên HTX học cao đẳng, đại học																
-	Chi hỗ trợ triển khai 4 Đề án của Liên minh HTX; Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 36/KL- TW ngày 21/2/2013 của Bộ Chính trị về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.										50						
-	Kinh phí mua sắm + sửa chữa tài sản										30						
05	Trung tâm tư vấn và Hỗ trợ kinh tế tập thể.										12						
-	Chi định mức + nghiệp vụ										12						
06	Hội chữ thập đỏ										97						
-	Chi định mức biên chế										27						
-	Chi định mức biên chế Ban chỉ đạo hiến máu nhân đạo																
-	Chi nghiệp vụ										20						
-	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo vận động hiến máu nhân đạo tỉnh																
-	Chi trả nhuận bút, xuất bản và in bản tin Nhân đạo Phú Thọ và in tờ rơi truyền truyền hoạt động nhân đạo ...																
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản										30						
-	Hỗ trợ chi công tác tuyên truyền vận động hiến máu nhân đạo										20						
37	Ban đại diện Hội người cao tuổi										30						
-	Chi định mức biên chế										0						
-	Chi trả thù lao trưởng ban, phó ban																
-	Chi hoạt động của Ban đại diện																

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017



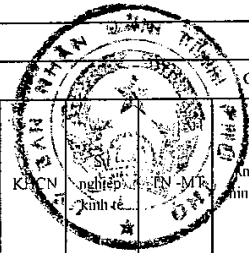
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Các khoản thu				Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																
-	Mua sắm + sửa chữa tài sản, thiết bị									10							
-	Chi nghiệp vụ									20							
108	Trung tâm hội nghị tỉnh									68	150			11.000			
-	Chi định mức									18	150			11.000			
-	Chi mua sắm trang thiết bị									50							
109	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh		900							256							
-	Chi định mức									43							
-	Chi hoạt động tư vấn, phân biện và giám định xã hội các nhiệm vụ tỉnh giao;									50							
-	Chi hỗ trợ hoạt động và khen thưởng cho 19 hội thành viên (Hỗ trợ hoạt động 25 triệu đồng /1 hội; khen thưởng các hội 55 triệu đồng).																
-	Chi hoạt động tập hợp đội ngũ trí thức có trình độ cao quê Phú Thọ xây dựng các chương trình đóng góp cho tỉnh																
-	Chi duy trì, phát triển trang Website "TrithucDatTo.vn" của Liên hiệp hội																
-	Chi xuất bản tri thức trẻ đất Tổ + Nghiệp vụ.									15							
-	Chi công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về khoa học - công nghệ, đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Hội thành viên và người dân.									28							
-	Chi hoạt động các hội thi sáng tạo kỹ thuật (Liên hiệp các hội Khoa học - Kỹ thuật)		900							90							
-	Chi tổ chức Đại hội Hội liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh lần thứ III, giai đoạn 2017-2022.																
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản.									30							
110	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Phú Thọ																
111	Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Phú Thọ																
112	Hội người mù																
-	Chi định mức và nghiệp vụ.																
113	Hội luật gia																
114	Hội nạn nhân chất độc da cam/ diôxin																
115	Hội sinh vật cảnh và làm vườn																
-	Chi định mức và nghiệp vụ.																
116	Sở Giáo dục và đào tạo									2.985							
-	Chi định mức									48							
-	Chi bồi dưỡng công chức thanh tra và trang phục thanh tra.																
-	Chi nghiệp vụ.									33							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									50							

Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
	Chi cân đối ngân sách															
	Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương						
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
Chi nghiệp vụ (tổ chức các cuộc thi, kỳ thi; bồi dưỡng đội ngũ; chi các ban chỉ đạo; các hội nghị, tập huấn; chi nghiên cứu đề tài khoa học cấp ngành; chi mua phôi bằng tốt nghiệp; chi biên soạn tài liệu; trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ các kỳ thi và công tác chuyên môn...)										793						
Chi mua sắm thiết bị phòng học bộ môn vật lý, hóa học, sinh học, ngoại ngữ cho các trường trung học xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia										600						
Chi học bổng cho học sinh THPT đạt giải theo qui định của tỉnh																
Chi thực hiện nhiệm vụ duy trì phổ cập các cấp																
Chi thực hiện kế hoạch dạy và học ngoại ngữ, chi mua thiết bị dạy học cho giáo dục phổ thông theo kế hoạch 3132/KH-UBND ngày 15/9/2011 của UBND tỉnh, giai đoạn 2011-2020										300						
Chi ứng dụng công nghệ thông tin phần mềm quản lý thư viện; nâng cấp, xây dựng, kết nối hệ thống thông tin quản lý trường học và các hoạt động giáo dục...										185						
Chi mua thiết bị, đồ chơi ngoài trời cho các trường mầm non và bổ sung thiết bị cho các lớp mầm non 5 tuổi để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, duy trì phổ cập và chương trình giáo dục mầm non mới										475						
Chi khác giáo dục										300						
Kinh phí khen thưởng thi đua của ngành																
Khoi các trường Trung học phổ thông										5.155	6.631	44.586				
Trường THPT Thanh Sơn										182	288	1.155				
Chi định mức										82	288	1.155				
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										100						
Trường THPT Minh Đài										205	66	351				
Chi định mức										55	66	351				
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										150						
Trường THPT Văn Miếu										194	42	282				
Chi định mức										44	42	282				
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										150						
Trường THPT Hương Cấn										156	38	810				
Chi định mức										56	38	810				
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										100						
Trường THPT Thạch Kiệt										157	28	263				
Chi định mức										57	28	263				
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản										100						
Trường THPT Yên Lập										158	97	1.498				



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
		ĐBXH	KHCN	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật ĐQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách				
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
	Chi định mức							58	97	1.498							
	Chi cải tạo, sửa chữa Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng học							100	-	-							
	Trường THPT Minh Hoà							180	20	380							
	Chi định mức							30	20	380							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản							150	-	-							
	Trường THPT Lương Sơn							148	37	340							
	Chi định mức							48	37	340							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản							100	-	-							
	Trường THPT Cẩm Khê							125	161	2.130							
	Chi định mức							75	161	2.130							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản							50	-	-							
	Trường THPT Hiền Đa							104	164	1.457							
	Chi định mức							54	164	1.457							
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà công vụ.							50	-	-							
	Trường THPT Phương Xá							106	220	1.625							
	Chi định mức							66	220	1.625							
	Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa sân, đường trường							40	-	-							
	Trường THPT Hạ Hoà							120	195	1.073							
	Chi định mức							50	195	1.073							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản							70	-	-							
	Trường THPT Xuân Áng							90	85	825							
	Chi định mức							50	85	825							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản							40	-	-							
	Trường THPT Vĩnh Chân							90	82	671							
	Chi định mức							50	82	671							
	Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa sân, đường trường							40	-	-							
	Trường THPT Thanh Ba							145	128	1.119							
	Chi định mức							75	128	1.119							
	Chi sửa chữa, cải tạo nhà lớp học hai tầng 10 phòng học							70	-	-							
	Trường THPT Yên Khê							92	57	176							
	Chi định mức							42	57	176							
	Chi cải tạo, sửa chữa tài sản, nhà xe							50	-	-							
	Trường THPT Đoàn Hùng							102	191	1.047							
	Chi định mức							62	191	1.047							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản							40	-	-							
	Trường THPT Chân Mộng							103	81	999							
	Chi định mức							53	81	999							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản							50	-	-							
	Trường THPT Quế Lâm							85	69	958							
	Chi định mức							45	69	958							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản							40	-	-							
	Trường THPT Thanh Thủy							94	259	2.381							



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Chi cân đối ngân sách																	
Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách phân lương							
										10% TK làm nguồn CCTL							35-40% số thu để làm nguồn CCTL
Chi định mức									64	259	2.381						
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									30								
Trường THPT Trung Nghĩa									77	88	750						
Chi định mức									47	88	750						
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									30								
Trường THPT Phù Ninh									90	118	1.045						
Chi định mức									60	118	1.045						
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									30								
Trường THPT Từ Đà									83	184	1.362						
Chi định mức									43	184	1.362						
Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa cổng, hàng rào cửa trường									40								
Trường THPT Trung Giáp									94	77	698						
Chi định mức									44	77	698						
Chi sửa chữa, cải tạo nhà lớp học 9A2, mái nhà lớp học mẫu SA									50								
Trường THPT Long Châu Sa									123	285	1.894						
Chi định mức									73	285	1.894						
Chi cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng									50								
Trường THPT Phong Châu									112	212	1.240						
Chi định mức									72	212	1.240						
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									40								
Trường THPT Mỹ Văn									80	73	1.484						
Chi định mức									50	73	1.484						
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									30								
Trường THPT Tam Nông									109	107	1.566						
Chi định mức									59	107	1.566						
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									50								
Trường THPT Hưng hoá									82	155	1.542						
Chi định mức									42	155	1.542						
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									40								
Trường THPT Hùng Vương									158	654	3.097						
Chi định mức									58	654	3.097						
Chi cải tạo, sửa chữa tài sản, sân trường									100								
Trường THPT Việt Trì									108	690	3.003						
Chi định mức									58	690	3.003						
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									50								
Trường THPT CN Việt Trì									70	483	1.207						
Chi định mức									40	483	1.207						
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									20								
Trường THPT KT Việt Trì									67	429	1.976						
Chi định mức									37	429	1.976						

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

Chi cân đối ngân sách

Chi thường xuyên theo lĩnh vực

STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bộ thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị				
		ĐBXH	KHCN	Su nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương				Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	
											10% TK làm nguồn CCTL							35-40% số thu để làm nguồn CCTL
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-	
	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	245	767	3.454	-	-	-	-	
	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	145	767	3.454	-	-	-	-	
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà và sân trường Khu A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-	-	
	Trường THPT Dân tộc Nội trú Tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	153	-	-	-	-	-	-	
	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	83	-	-	-	-	-	-	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	70	-	-	-	-	-	-	
	Trường Dân tộc Nội trú Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	156	-	-	-	-	-	-	
	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	66	-	-	-	-	-	-	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	70	-	-	-	-	-	-	
	Trường Dân tộc Nội trú Yên Lập	-	-	-	-	-	-	-	-	-	119	-	-	-	-	-	-	
	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	49	-	-	-	-	-	-	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	70	-	-	-	-	-	-	
	Trường Dân tộc Nội trú Đoan Hùng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	109	-	-	-	-	-	-	
	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	39	-	-	-	-	-	-	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	70	-	-	-	-	-	-	
	Trường Dân tộc Nội trú - THCS Tân Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	113	-	-	-	-	-	-	
	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	43	-	-	-	-	-	-	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	70	-	-	-	-	-	-	
	Trung tâm KT-TH-HN tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	103	-	-	-	-	-	-	
	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	53	-	-	-	-	-	-	
	Chi tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	
	Trường Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý Giáo dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-	169	-	730	-	-	-	-	
	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	53	-	730	-	-	-	-	
	Chi các lớp đào tạo, bồi dưỡng.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	66	-	-	-	-	-	-	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	
	Trung tâm Ngoại ngữ Tin học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	118	-	-	-	-	-	-	
	Chi định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-	
	Chi các lớp đào tạo, bồi dưỡng.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	58	-	-	-	-	-	-	
117	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	204	280	910	-	-	-	-	
-	Chi theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	124	280	910	-	-	-	-	
-	Chi mua sắm thiết bị dạy học và biên soạn giáo trình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-	
-	Chi tư vấn tuyển sinh: 100 triệu; xây dựng mô hình nông nghiệp cho học sinh thực hành, thực tập: 100 triệu.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-	
118	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100	120	500	-	-	-	-	
-	Chi theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60	120	500	-	-	-	-	
-	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	

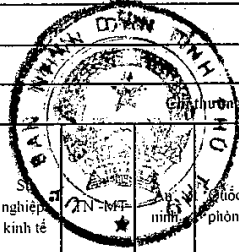
		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
T	Tên đơn vị	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách thức		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bộ thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
											10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
	Mua sắm, sửa chữa tài sản										30							
9	Trung tâm giáo dục thường xuyên Tỉnh										517							
	Chi theo định mức										437							
	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh										30							
	Mua sắm, sửa chữa tài sản										50							
10	Trường chính trị tỉnh										249		4.800					
	Chi theo định mức										149		4.800					
	Chi hỗ trợ tiền ăn các lớp trung cấp chính trị chính quy										-							
	Mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy: 900 triệu; kỷ niệm 60 năm thành lập trường: 100 triệu.										100							
11	Trường Đại học Hùng vương										2.502		4.000	40.326				
	Chi theo định mức + phân bổ học sinh										1.239		4.000	40.326				
	Đào tạo 80 sinh viên Lào										-							
	Chi học bổng cho học sinh sư phạm (TT 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013)										-							
	Chi trợ cấp xã hội theo TT LT số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH và TLT số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.										-							
	Chi đào tạo theo học tin chi và kiểm định chất lượng										-							
	Phân bổ thêm theo khu vực										963							
	Chi mua sắm + sửa chữa thường xuyên										200							
	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên.										-							
	Kinh phí đào tạo Giáo viên chất lượng cao										-							
	Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực ngoại ngữ đến năm 2020.										-							
	Kinh phí thực hiện Đề án phân tích hóa học.										-							
	Chi cải tạo sửa chữa nhà Trung tâm hành chính hiệu bộ										100							
2	Trường cao đẳng y tế										480	2.900	15.658					
	Chi định mức + phân bổ học sinh										380	2.900	15.658					
	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học										100							
	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên.										-							
3	Trường Trung cấp văn hoá nghệ thuật và du lịch tỉnh Phú Thọ										125	60	400					
	Chi định mức + phân bổ học sinh										55	60	400					
	Chi chế độ ưu đãi học sinh, sinh viên các ngành nghệ thuật truyền thống (QĐ số 41/2014/QĐ-TTg ngày 21/7/2014)										-							
	Kinh phí tham gia các hội diễn + Các hội thi và chi bồi dưỡng tập luyện, biểu diễn Hát Xoan, ...										20							

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Hường xuyên theo lĩnh vực														
		ĐBXH	KHCN	Chi nghiệp vụ	Chi quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
-	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh							20								
-	Kinh phí mua sắm thiết bị							30								
124	Cao đẳng nghề Phú Thọ							683	480	1.200						
-	Theo định mức + phân bổ học sinh							473	480	1.200						
-	Chi tư vấn dạy nghề							50								
-	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý học sinh, sinh viên.															
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản...							160								
125	Trường Trung cấp nghề công nghệ và vận tải Phú Thọ	200						157	80	850						
-	Theo định mức + phân bổ học sinh							107	80	850						
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản							30								
-	Chi công tác tư vấn học nghề.	200						20								
126	Trung tâm dịch vụ việc làm	1.300						160	40	1.500						
-	Theo định mức + phân bổ học sinh							30	40	1.500						
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản							50								
-	Chi công tác tư vấn học nghề.	300						30								
-	Hỗ trợ tổ chức sản giao dịch việc làm	1.000						50								
127	Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề và giới thiệu việc làm Thanh niên							77								
-	Chi định mức + phân bổ học sinh							57								
-	Chi tư vấn và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, thanh niên.							20								
128	Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú Phú Thọ							114								
-	Theo định mức + phân bổ học sinh							44								
-	Chi học bổng học sinh dân tộc nội trú học nghề															
-	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa tài sản: 500 triệu.							70								
129	Trường nâng cao Thể dục thể thao							123								
-	Chi định mức + phân bổ học sinh							73								
-	Tiền ăn + tiền công + dụng cụ tập luyện ...															
-	Tiền thưởng cho vận động viên và huấn luyện viên đạt giải toàn quốc.															
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.							50								
130	Trung tâm Dạy nghề Công đoàn Phú thọ							28								
131	Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm nông dân							34								
132	Trung tâm giới thiệu Việc làm phụ nữ							37								
133	Trường trung cấp nghề HERMANGMEINER							36								
134	Trung tâm kỹ thuật Tổng hợp hướng nghiệp tỉnh							53								
135	Hội khuyến học															
136	Sở Y tế							1.258	506	1.725						
-	Chi định mức							88	506	1.725						

T	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
		Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị				
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách							
		ĐBXH	KHCN	Sr nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách							Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL									
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.																		
	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị										50								
	Nghiệp vụ ngành (có 500 triệu kinh phí đối ứng dự án hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc bộ và Đông bằng Sông Hồng; 130 triệu kinh phí đối ứng thực hiện Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Sông Mê Công mở rộng).										670								
	Phòng chống dịch										200								
	Đào tạo bác sỹ và sau đại học																		
	Kinh phí thực hiện chương trình điều trị nghiện các chất thuốc phiện bằng chất mephadon.																		
	Kinh phí bảo đảm cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS.																		
	Chi ứng dụng công nghệ thông tin.																		
	Dự kiến tăng biên chế và các khoản phát sinh										250								
7	Bệnh viện đa khoa Tỉnh:										1.621	66.546	623.990						
	Chi định mức										800	66.546	623.990						
	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất thực hiện đề án giảm quá tải bệnh viện (theo Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013).										300								
	Phân bổ bệnh viện mạng tính chất khu vực										521								
8	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Phú Thọ :										120	985	9.873						
	Chi định mức										70	985	9.873						
	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị										50								
9	Bệnh viện Tâm thần:										38	1.037	12.140						
	Chi định mức										38	1.037	12.140						
0	Bệnh viện Y dược cổ truyền và phục hồi chức năng:										133	2.580	28.062						
	Chi định mức										83	2.580	28.062						
	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị										50								
1	Trung tâm y tế dự phòng										105	791	6.315						
	Chi định mức										55	791	6.315						
	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị										50								
2	Bệnh viện mắt											1.435	10.954						
3	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản										20	171	908						
4	Trung tâm kiểm nghiệm										53	545	4.488						
	Chi định mức										33	545	4.488						
	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị										20								
5	Trung tâm Giám định Y khoa (Có 500 triệu kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).										15		6.528						
6	Trung tâm Pháp y										54		5.679						
	Chi định mức										24		5.679						

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017

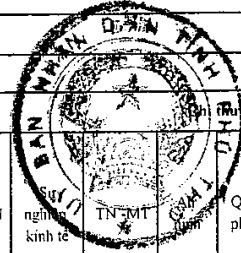


STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																	
		Chi phân bổ theo lĩnh vực											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bộ thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị				
		ĐBXH	KHCN	Số nghiệp vụ kinh tế	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách							
						10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL												
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị											30							
147	Hội đồng y																		
148	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khoẻ											73	-	1.240					
-	Chi định mức											23	-	1.240					
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị											50							
149	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS											72	-	500					
-	Chi định mức											22	-	500					
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị											50							
150	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm											22							
-	Chi định mức											22							
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thành tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thành tra.																		
151	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ												2.907	47.220					
152	Bệnh viện đa khoa Thanh ba											100	2.804	43.555					
-	Chi định mức													2.804	43.555				
-	Chi sửa chữa nhà + mua sắm trang thiết bị											100							
153	Bệnh viện đa khoa Hạ hoà											48	3.305	43.849					
154	Bệnh viện đa khoa Đoan hùng											98	2.842	47.105					
155	Bệnh viện đa khoa Cẩm Khê											120	3.833	47.605					
156	Bệnh viện đa khoa Thanh sơn											180	4.003	48.105					
-	Chi định mức											80	4.003	48.105					
-	Chi sửa chữa nhà + mua sắm trang thiết bị											100							
157	Trung tâm Y tế Việt trí											70	300	1.027					
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).											70	286	989					
-	Y tế xã, thị trấn, phường												14	39					
158	Trung tâm Y tế Phú thọ											30	138	1.226					
-	Chi định mức của Trung tâm y tế											30	7	500					
-	Y tế xã, thị trấn, phường												131	726					
159	Trung tâm Y tế Thanh ba											36	245	3.940					
-	Chi định mức của Trung tâm y tế											36	181	538					
-	Y tế xã, thị trấn												64	3.402					
160	Trung tâm Y tế Hạ hoà											45	134	1.789					
-	Chi định mức của Trung tâm y tế											45	68	196					
-	Y tế xã, thị trấn												65	1.593					
161	Trung tâm Y tế Đoan hùng											65	173	1.521					
-	Chi định mức của Trung tâm y tế											65	20	50					
-	Y tế xã, thị trấn												153	1.471					
162	Trung tâm Y tế Tam nông											77	1.184	23.617					

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																					
		Chi cân đối ngân sách																					
T	Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực											Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bồi thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị					
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các chế độ tiền lương												
											10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL											
	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).												77	1.152	22.652								
	Y tế xã, thị trấn												-	32	965								
3	Trung tâm Y tế Lâm Thao												87	1.657	25.534								
	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).												87	1.616	24.665								
	Y tế xã, thị trấn												-	41	869								
4	Trung tâm Y tế Phú Ninh												82	1.429	22.406								
	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).												82	1.421	21.882								
	Y tế xã, thị trấn												-	8	524								
5	Trung tâm Y tế Cẩm Khê												56	193	3.475								
	Chi định mức của trung tâm y tế												56	52	150								
	Y tế xã, thị trấn												-	140	3.325								
6	Trung tâm Y tế Thanh Thủy												78	1.562	23.427								
	Trung tâm Y tế Thanh Thủy (trong đó có: 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất và 961 triệu đồng thanh toán hạng mục kê đá, công, hàng rào, nhà cầu, nhà để xe, nhà bảo vệ, nhà thường trực Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Thủy).												78	-	-								
	Y tế xã, thị trấn												-	1422	23.932								
	Y tế xã, thị trấn												-	140	1.495								
7	Trung tâm Y tế Yên Lập												103	1.962	26.224								
	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).												103	1.594	22.513								
	Y tế xã, thị trấn ( Có y tế vùng cao )												-	368	3.711								
8	Trung tâm Y tế Thanh Sơn												40	933	4.656								
	Chi định mức của Trung tâm y tế												40	300	750								
	Y tế xã, thị trấn (Có y tế vùng cao)												-	633	3.906								
9	Trung tâm Y tế Tân Sơn												90	1.740	26.493								
	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).												90	1.592	22.487								
	Y tế xã, thị trấn (Có y tế vùng cao)												-	148	4.006								
3	Chi cục Dân số												130	-	-								
	Chi theo định mức biên chế:												50	-	-								
	Kinh phí tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ về công tác dân số												50	-	-								
	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản												30	-	-								
1	Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao												91	-	-								
	Định mức												61	-	-								
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.												30	-	-								
	Chi đào tạo Vận động viên thể thao thành tích cao												30	-	-								
2	Trung tâm Khai thác các công trình Thể thao												77	-	1.750								



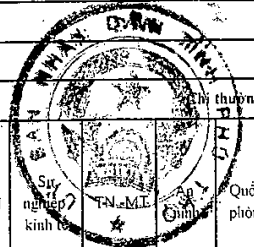
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017



STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi thực hiện theo lĩnh vực														
		ĐBXH	KHCN	SUY TI nghề nghiệp kinh tế	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN- QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL															
-	Chi định mức							2	-	1.750						
-	Mua sắm tài sản, thiết bị							30								
-	Chi kiểm tra, bảo trì giàn mài nhà thi đấu, sửa chữa thường xuyên hệ thống điện, đường cấp thoát nước ...							25								
-	Chi tiền điện; bảo vệ 3 công trình							-								
-	Chi nghiệp vụ							20								
173	Đài truyền hình							539	500	6.000						
-	Chi định mức							119	500	6.000						
-	Chi tiền nhuận bút							-								
-	Chi nâng cao chất lượng chương trình phát thanh truyền hình, tăng thời lượng phát sóng và mua bán quyền các chương trình theo chuẩn HD.							175								
-	Chi tiền điện, tiền nước, nhiên liệu, công tác phí, chi phí nghiệp vụ chuyên môn do phát sóng lên vệ tinh.							145								
-	Chi thuê bao kênh vệ tinh (kênh HD).							-								
-	Chi mở chuyên mục "Giám đốc số với cử tri".							-								
-	Chi đầu tư cơ sở vật chất (Đã bao gồm đầu tư cơ sở vật chất theo chuẩn HD).							100								
II	CHI SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH VÀ KINH TẾ KHÁC			32.217												
1	Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch			7.217												
2	Bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh			2.000												
3	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp kiến thiết thị chính và kinh tế khác			23.000												
-	Cải tạo, nâng cấp hồ công viên Văn Lang trong quần thể Khu du lịch Văn Lang, thành phố Việt Trì			7.000												
-	Cải tạo, nâng cấp đường và hệ phố hai bên đường Trần Phú, đoạn từ nút A7 đến nút giao với đường Hàn Thuyên, thành phố Việt Trì			13.000												
-	Cải tạo hồ sinh thái tại khu vực hồ Đồng Thông thuộc phường Thanh Miếu thành, phố Việt Trì			3.000												
III	CHI AN NINH						20.145									
IV	CHI QUỐC PHÒNG															
V	CHI HỖ TRỢ THỰC HIỆN LUẬT DQTV, PLCA VÀ CÁC NHIỆM VỤ ANQP KHÁC						21.480									
VI	CHI KHÁC NGÂN SÁCH							10.000								
VII	MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC THEO QUY ĐỊNH	8.159	3.000	340.370	58.064	-	-	-	-	8.000	1.023	-	-	-	-	-
I	Kinh phí thi đua khen thưởng															

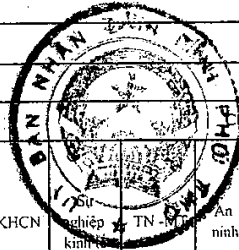
Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																		
Chi cân đối ngân sách																		
Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị				
	ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương					Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
Kinh phí triển khai thi hành pháp luật (tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật; xây dựng, biên soạn, cấp phát tài liệu tuyên truyền ...)																		
Kinh phí thực hiện Đề án thực hiện khâu đột phá về Cải cách hành chính; trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 19/9/2016.																		
Kinh phí kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật các ngành Ban chỉ đạo cải cách tư pháp tỉnh Phú Thọ (Toà án tỉnh)																		
Kinh phí thống kê, tổng hợp 18 chỉ tiêu cấp xã theo công văn số 1812/CV-TU ngày 12/4/2010; Rà soát, khảo sát thống kê hộ, nhân khẩu theo chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 24/12/2009																		
Chi sửa chữa, mua sắm phương tiện năm 2017																		
Kinh phí tổ chức thực hiện những ngày lễ lớn;																		
Kinh phí thực hiện ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước																		
Chi nghiệp vụ đối ngoại và xúc tiến đầu tư																		
Kinh phí đảm bảo hoạt động trật tự an toàn giao thông tỉnh: 2.516 triệu đồng (bao gồm: Ban ATGT tỉnh: 1.275 triệu đồng, trong đó đã bao gồm thu hồi tạm ứng kinh phí mua máy in năm 2016: 500 triệu đồng; Thanh tra giao thông tỉnh: 1.241 triệu đồng).																		
Kinh phí đảm bảo hoạt động của các lực lượngsir phạt (Không bao gồm phạt an toàn giao thông) theo Thông tư số 153/2013/TT-BTC và hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả theo QĐ số 20/2016/QĐ-TTg.																		
Hỗ trợ thiết bị và duy trì hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (Tabmis) ngành tài chính.																		
Kinh phí quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo QĐ số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của TTCP.																		
Kinh phí xây dựng chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.																		
Kinh phí đối ứng các dự án có tính chất sự nghiệp																		

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách										Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật ĐQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương		Các khoản thu			
							10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
19	Kinh phí thực hiện Dự án 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính; Kế hoạch 2696/KH-UBND ngày 02/7/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về triển khai thực hiện Dự án an toàn hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính tỉnh Phú Thọ													
20	Kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội thẩm nhân dân - Tòa án nhân dân tỉnh.													
21	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo QĐ số 32/2016/QĐ-TTg (Bổ sung có mục tiêu từ NSTW).													
22	Kinh phí hỗ trợ chênh lệch giữa giá in và giá bán báo Phú Thọ													
23	Chi đảm bảo hoạt động khối đoàn thể													
24	Chi các nghiệp vụ phát sinh theo kết luận của TTTU													
25	Kinh phí hỗ trợ thành lập HTX													
26	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp													
27	Hỗ trợ tuyên truyền phổ biến pháp luật													
28	Kinh phí tổ chức đào tạo vận động viên.													
29	Chi cho công tác khuyến học của tỉnh (thực hiện QĐ số 281/QĐ-TTg; KH số 2577/KH-UBND ngày 23/6/2014 về đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020; KH số 242/KH-UBND ngày 20/01/2016 về nhân rộng và đánh giá, công nhận mô hình học tập GD 2016-2020.													
30	Hỗ trợ các trường mầm non, TH+THPT đạt chuẩn quốc gia; mức dự kiến hỗ trợ (12 trường MN+ 03 trường TH x 300 triệu/trường; 18 trường THCS x 400 triệu/trường, 3 trường THPT x 600 triệu/trường), KH số trường đạt chuẩn theo KH số 3689/KH-UBND ngày 30/8/2016.													
31	Kinh phí Bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định.													
32	Kinh phí bảo đảm phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp vùng đặc biệt khó khăn và các chế độ, chính sách khác theo quy định.													
33	Kinh phí thực hiện tiến án tra Quyết định 239/QĐ-TTg và Quyết định 60/QĐ-TTg.													
34	Kinh phí thực Thông tư 42/TTLT chính sách giáo dục với người khuyết tật.													
35	Kinh phí thực hiện quyết định 66/QĐ-TT; Thông tư 35/TTLT chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên.													



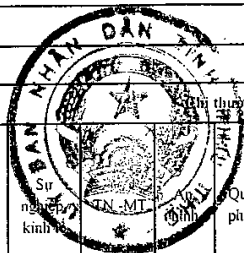
		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực									Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách	
Tên đơn vị	ĐBXH	KHCN	Sr nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách phân bổ							
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
5	Kinh phí thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập																
7	Kinh phí thực hiện Quyết định 53/QĐ-TTg chính sách nội trú với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.																
8	Dự kiến các nhiệm vụ phát sinh + tăng biên chế khởi tính																
9	Hỗ trợ học sinh bán trú và Trường phổ thông dân tộc bán trú.																
0	Hỗ trợ học sinh phổ thông trung học ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.																
1	Đào tạo trên chuẩn cho giáo viên																
2	Chi chế độ sinh viên cử tuyển trả cho các trường đại học																
3	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp vừa và nhỏ																
4	Kinh phí hỗ trợ học phí cho các đối tượng học trung cấp nghề và cao đẳng nghề.																
5	Chi công tác giáo dục đào tạo an ninh quốc phòng theo ND 116/2007/NĐ-CP và đào tạo khác																
5	Chi đào tạo sau đại học và chế độ ưu đãi thu hút tay nghề cao																
7	Kinh phí mở các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức theo kế hoạch năm 2017.																
8	Kinh phí đào tạo sau đại học và đào tạo lại khối Đảng + đoàn thể cấp tỉnh																
9	Chi các khoản phát sinh khối đào tạo																
0	Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế theo luật.																
1	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất ngành y tế (Chi đạt chuẩn tiêu chí quốc gia các trạm y tế cấp xã: 10 tỷ đồng).																
2	Hỗ trợ kinh phí tu bổ tôn tạo di tích cấp tỉnh																
3	Kinh phí tổ chức Giỗ tổ Hùng vương 2017 và tổ chức các ngày lễ lớn																
4	Chi lập hồ sơ di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ để nghị đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể Quốc gia năm 2015-2016.										70						
5	Kinh phí triển khai thực hiện phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (Liên đoàn Lao động tỉnh)										50						
6	Kinh phí thực hiện đề án "xây dựng đời sống văn hoá công nhân ở khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020" theo QĐ 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011 của TTCP										70						

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị				
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																	
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN - NN	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương					Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL									
57	Kinh phí thực hiện Đề án bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể - Hát Xoan Phú Thọ (Giai đoạn 2013-2020) theo QĐ số 2058/QĐ-TTg ngày 07/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.																		
58	Hỗ trợ kinh phí sáng tạo báo chí của Hội văn học Nghệ thuật và hội Nhà báo địa phương.										65								
59	Kinh phí xét tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú 2017																		
60	Hỗ trợ hoạt động văn hoá cho các ngành, đoàn thể																		
61	Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020.																		
62	Tổ chức hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện QĐ 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.										50								
63	Chi phí xây dựng đề án năm Du lịch quốc gia 2020, tổ chức các hoạt động hưởng ứng năm Du lịch quốc gia Tây Bắc 2017; xây dựng mô hình điểm Du lịch cộng đồng Xuân Sơn.																		
64	Kinh phí lập quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Đền Hùng.																		
65	Kinh phí tham gia ngày hội văn hóa, thể thao, du lịch các dân tộc vùng tây bắc.										60								
66	Kinh phí kỷ niệm 70 năm chiến thắng Sông Lô.																		
67	Kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm ngày tái lập tỉnh Phú Thọ.																		
68	Hỗ trợ đội bóng chuyên (Công an tỉnh)																		
69	Chi chế độ tiền ăn + luyện tập vận động viên và huấn luyện viên																		
70	Chi cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình khu liên hiệp thể thao tỉnh																		
71	Hỗ trợ thể dục thể thao các ngành đoàn thể																		
72	Chi thưởng giải bóng chuyền Cúp Hùng vương																		
73	Chi tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh										50								
74	Kinh phí đăng cai các giải toàn quốc, khu vực																		
75	Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Phú Thọ 2017.																		
76	Tham gia thi đấu hội thi thể thao các dân tộc thiểu số 2017																		
77	Chi thực hiện quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng (29 thôn bản và 9.800ha rừng).											2.140							



Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Chi cân đối ngân sách																	
Tên đơn vị	Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
	ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách triển khai							
										10% TK làm nguồn CCTL							35-40% số thu để làm nguồn CCTL
Kinh phí thực hiện các chương trình sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh			59.358														
Chi hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất lúa.			39.813														
Kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí.			99.141														
Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp thủy lợi			9.000														
Cải tạo, nâng cấp hồ Chò xã Đông Lạc, huyện Yên Lập			5.000														
Cải tạo nâng cấp dự án đập Đá Thờ và hệ thống kênh tưới các xã Hương Lung, Tạ Xá, Sơn Tinh, huyện Cẩm Khê			4.000														
Kinh phí chúc thọ và tặng quà cho người cao tuổi 90 tuổi ( 2000 củ *400) và 100 tuổi (300 củ*850 )	1.055		-														
Trợ cấp hàng tháng cho thanh niên xung phong theo TT số 08/2012/TTLT BTC-BLĐ-BNV	864		-														
Kinh phí chi cho đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội ngoài công lập theo ND số 136/2013/ND-CP.	3.740		-														
Điều tra triệt phá ổ nhóm, lập hồ sơ phòng chống mại dâm (Công an tỉnh)	100		-														
Điều tra triệt phá đường dây buôn bán phụ nữ và trẻ em (Công an tỉnh)	100		-														
Mức tiêu quản lý trẻ em làm trái pháp luật (Công an tỉnh)	100		-														
Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 2089/KH-UBND ngày 04/6/2015 về tăng cường công tác phòng chống, kiểm soát ma túy và đổi mới công tác cai nghiện đến năm 2020 và nhiệm vụ phát sinh.	2.200		-														
Chi hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp.		3.000	-														
Kinh phí xây dựng bổ sung bảng giá đất (do có thêm các tuyến đường mới đưa vào sử dụng).			-	200						20							
Kinh phí xác định hệ số điều chỉnh Bảng giá đất năm 2017.			-	250						-							
Kinh phí chăm sóc cây, hoa cảnh và vệ sinh môi trường Khu Di tích Đền Hùng			-	2.000						-							
Duy tu sửa chữa thường xuyên đường tỉnh, mức chi 40 triệu đồng/km.			29.418							588							
Hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn			4.000							-							
Khắc phục giao thông sau bão lũ, đảm bảo giao thông trên một số tuyến đường tỉnh.			7.500							-							
Khắc phục hậu quả lụt, bão, đảm bảo giao thông bước 1 trên ĐT.316I, ĐT.316H, ĐT.321, ĐT.321C và ĐT.323			54							-							
Khắc phục hậu quả lụt, bão bảo đảm giao thông bước 2 trên các tuyến ĐT.313B, ĐT.316B, ĐT.321C			3.559							-							

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017



STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị			
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật QTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách		
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																	
96	Khắc phục hậu quả lụt bão đảm bảo giao thông bước 1 trên các tuyến ĐT.314, ĐT.320, ĐT.320D và ĐT.321B			3.887														
	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp giao thông			90.000														
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên huyện Thanh Sơn - Thanh Thủy (giai đoạn 1), đoạn Thanh Sơn			7.000														
	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 314 đoạn Thanh Ba - Hương Xạ			9.000														
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện nội TL314 với TL 320, huyện Hạ Hòa			5.000														
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn liên xã Đào Xá - Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy			9.000														
	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 323C, huyện Phú Ninh (đoạn quốc lộ 2- đê hữu sông Lô)			7.000														
	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 316B			7.000														
	Cải tạo, nâng cấp đường Ngọc Lập - Ngọc Đông, huyện Yên Lập			8.000														
	Cải tạo, nâng cấp và gia cố tuyến đê Tả ngòi Vĩnh Mộ			5.000														
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và hệ thống chiếu sáng các tuyến đường trong thị trấn Hạ Hòa			4.000														
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn liên xã Tiên Kiên-Hy Cương- Xuân Lũng (3 tuyến) huyện Lâm Thao			2.000														
	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ khu Đồng Thanh xã Đông Lạc đi khu 8 xã Minh Hòa, huyện Yên Lập			4.000														
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ĐT 320 đi Lang Sơn - Hạ Hòa			3.000														
Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Tắt Thẳng huyện Thanh Sơn đi xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy			3.000															
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ khu 3, khu 4, khu 6, khu 7 xã Thanh Đình đi xã Chu Hóa, thành phố Việt Trì			5.000															
Cải tạo nâng cấp đường giao thông từ TL315 đi trung tâm xã Sơn Tinh, huyện Cẩm Khê			4.000															
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Hiền Quan - Hương Nha, huyện Tam Nông			3.000															
Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hậu Bông huyện Hạ Hòa (điều chỉnh đoạn ĐT 320 đi khu 1 và khu 5; bổ sung các đoạn từ ĐT 320 đi đê P15, từ đê P12 đi khu 7, từ đê P15 đi khu dịch lịch sử Đình Tráng)			5.000															

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
	Chi thường xuyên theo lĩnh vực											Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
	ĐBXH	KHCCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương							
										10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
Xử lý và chế biến chất thải theo Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020: 25.000 triệu đồng, hỗ trợ các doanh nghiệp công ích: 7.000 triệu đồng.				32.000													
Kinh phí hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường (Bổ sung có mục tiêu từ NSTW).				13.614													
Thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình (Từ nguồn thu tiền sử dụng đất)				10.000													
Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác của địa phương								8.000						1.200			
<b>CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH</b>																	
<b>DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>																	1.529.538
<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>																	341.890
<b>BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>																	
<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ</b>																	3.782.411